

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
LAM SƠN – BÁ THƯỚC



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án “Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước”
tại xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
2.1. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án	3
2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	3
2.3. Quy mô của cơ sở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công	3
2.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường ..	5
2.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	5
2.6. Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	5
3.3. Sản phẩm của cơ sở	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	9
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	9
4.1.1. Nhu cầu về sử dụng lao động	9
4.1.2. Danh mục máy móc, thiết bị	10
4.1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu	11
4.1.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu	12
4.1.5. Nhu cầu sử dụng thực phẩm	12
4.1.6. Nhu cầu sử dụng hóa chất	13
- Nguồn cung cấp hóa chất: Hóa chất, chế phẩm được mua tại các cơ sở phân phối trên địa bàn xã Điền Lư và các địa phương lân cận	13
4.2. Nhu cầu sử dụng điện năng, nước	13
4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện	13
4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước	13
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.	15
6. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường	15
7. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	15
7.1. Thông tin về cơ sở	15

7.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình	16
7.3. Tổ chức quản lý và thực hiện	21
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG	22
CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	22
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.....	22
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	22
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	24
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	24
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	25
1.3. Xử lý nước thải	27
1.3.1. Công trình bể tự hoại	28
1.3.2. Công trình bể tách dầu mỡ.....	29
1.3.3. Công trình bể khử trùng.....	30
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	30
2.1. Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất.....	30
2.2. Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của phương tiện giao thông, máy móc thiết bị.....	33
2.3. Khí thải phát sinh từ hệ thống điều hòa.....	34
2.4. Mùi, khí thải phát sinh từ các công trình xử lý môi trường.....	34
2.5. Mùi, khí thải từ hoạt động nhà ăn.....	34
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	35
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	35
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	35
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	36
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	37
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	38
7.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt độ và bức xạ nhiệt.....	38
7.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới kinh tế, xã hội.....	39
7.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do khai thác nước ngầm.....	39
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	39
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	40
A. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	40
1. Nguồn phát sinh nước thải.....	40
2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải	40
2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải	40
2.2. Vị trí xả nước thải.....	40
2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép.....	40
B. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải	41

1. Nguồn phát sinh khí thải.....	41
2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.....	41
2.1. Vị trí xả khí thải.....	41
2.2. Lưu lượng xả khí thải	42
C. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....	43
1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	43
2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	43
D. Nội dung quản lý chất thải.....	43
1. Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:.....	43
1.2. Khối lượng, chung loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh	44
1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	44
2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	44
2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	45
2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt	45
Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	46
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	47
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	47
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:.....	47
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	47
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	48
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	48
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	48
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.	48
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	48
Chương VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH	49
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	50

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRS	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Việt Nam
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
KTKT	Kinh tế kỹ thuật
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế thế giới
XLNT	Xử lý nước thải
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
HTXLKT	Hệ thống xử lý khí thải
ĐVT	Đơn vị tính

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Quy mô các hạng mục công trình của nhà máy	4
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng lao động tại nhà máy	9
Bảng 1. 3. Danh mục máy móc, thiết bị	10
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của cơ sở.....	11
Bảng 1. 5. Nhu cầu nhiên liệu hoạt động vận chuyển của cơ sở.....	12
Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở	13
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở	13
Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của cơ sở.....	14
Bảng 3. 1. Thống kê khối lượng hạng mục thu gom, thoát nước mưa.....	24
Bảng 3. 2. Cân bằng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.....	25
Bảng 3. 3. Thống kê các công trình xử lý nước thải của cơ sở	27
Bảng 3. 4. Hạng mục công trình xử lý khí thải lò nung sấy	32
Bảng 3. 5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt.....	35
Bảng 3. 6. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường	36
Bảng 3. 7. Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại.....	36
Bảng 5. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường.....	47
Bảng 5. 2. Thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc.....	47

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Vị trí thực hiện cơ sở (Ảnh vệ tinh)	2
Hình 1. 2. Quy trình sản xuất gạch tuynel	6
Hình 1. 3. Hình ảnh sản phẩm của cơ sở	9
Hình 1. 4. Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở	21
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	24
Hình 3. 2. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải	26
Hình 3. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	28
Hình 3. 4. Sơ đồ bể tách dầu mỡ	29
Hình 3. 5. Mặt cắt lò nung sây Tuynel	31
Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò nung sây	32

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước.
- Địa chỉ văn phòng: phố 3, xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Lê Văn Phương
- Điện thoại: 0911201965
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2801664422 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (nay là Sở Tài Chính) cấp đăng ký lần đầu ngày 18/02/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/10/2022.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000001 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp chứng nhận ngày 07/01/2014.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước.
- Địa điểm cơ sở: xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa.
- Các hướng tiếp giáp của cơ sở cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc, phía Đông: Tiếp giáp đất sản xuất kinh doanh.
 - + Phía Tây, phía Nam: Tiếp giáp đường giao thông hiện trạng.
- Ranh giới khu vực thực hiện cơ sở:

Bảng 1. Bảng thống kê mốc tọa độ

TT	Mốc	X	Y
1	M1	2243515.3900	533790.8700
2	M2	2243529.8400	533986.0400
3	M3	2243365.7298	533999.9900
4	M4	2243330.5600	533823.8300
5	M5	2243330.4400	533721.8100

(Nguồn: Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng)

- Vị trí thực hiện cơ sở

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở	1
2.1. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án	3
2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	3
2.3. Quy mô của cơ sở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công	3
2.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường ..	5
2.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	5
2.6. Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	5
3.3. Sản phẩm của cơ sở	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	9
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	9
4.1.1. Nhu cầu về sử dụng lao động	9
4.1.2. Danh mục máy móc, thiết bị	10
4.1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu	11
4.1.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu	12
4.1.5. Nhu cầu sử dụng thực phẩm	12
4.1.6. Nhu cầu sử dụng hóa chất	13
- Nguồn cung cấp hóa chất: Hóa chất, chế phẩm được mua tại các cơ sở phân phối trên địa bàn xã Diên Lư và các địa phương lân cận	13
4.2. Nhu cầu sử dụng điện năng, nước	13
4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện	13
4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước	13
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.	15
6. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường	15
7. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	15
7.1. Thông tin về cơ sở	15

7.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình	16
7.3. Tổ chức quản lý và thực hiện	21
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	22
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.....	22
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	22
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	24
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	24
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	25
1.3. Xử lý nước thải	27
1.3.1. Công trình bể tự hoại	28
1.3.2. Công trình bể tách dầu mỡ.....	29
1.3.3. Công trình bể khử trùng.....	30
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	30
2.1. Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất.....	30
2.2. Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của phương tiện giao thông, máy móc thiết bị.....	33
2.3. Khí thải phát sinh từ hệ thống điều hòa.....	34
2.4. Mùi, khí thải phát sinh từ các công trình xử lý môi trường.....	34
2.5. Mùi, khí thải từ hoạt động nhà ăn.....	34
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	35
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	35
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	35
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	36
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	37
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	38
7.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt độ và bức xạ nhiệt.....	38
7.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới kinh tế, xã hội.....	39
7.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do khai thác nước ngầm.....	39
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	39
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	40
A. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	40
1. Nguồn phát sinh nước thải.....	40
2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải	40
2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải	40
2.2. Vị trí xả nước thải.....	40
2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép.....	40
B. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải	41

1. Nguồn phát sinh khí thải.....	41
2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.....	41
2.1. Vị trí xả khí thải.....	41
2.2. Lưu lượng xả khí thải	42
C. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....	43
1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	43
2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	43
D. Nội dung quản lý chất thải.....	43
1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:.....	43
1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh	44
1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	44
2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại	44
2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	45
2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt	45
Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	46
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	47
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	47
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:.....	47
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	47
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	48
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	48
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	48
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.	48
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	48
Chương VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH	49
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	50

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Việt Nam
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
KTKT	Kinh tế kỹ thuật
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế thế giới
XLNT	Xử lý nước thải
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
HTXLKT	Hệ thống xử lý khí thải
ĐVT	Đơn vị tính

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Quy mô các hạng mục công trình của nhà máy	4
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng lao động tại nhà máy	9
Bảng 1. 3. Danh mục máy móc, thiết bị	10
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của cơ sở.....	11
Bảng 1. 5. Nhu cầu nhiên liệu hoạt động vận chuyển của cơ sở.....	12
Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở	13
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở	13
Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của cơ sở.....	14
Bảng 3. 1. Thống kê khối lượng hạng mục thu gom, thoát nước mưa.....	24
Bảng 3. 2. Cân bằng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	25
Bảng 3. 3. Thống kê các công trình xử lý nước thải của cơ sở	27
Bảng 3. 4. Hạng mục công trình xử lý khí thải lò nung sấy	32
Bảng 3. 5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt.....	35
Bảng 3. 6. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường	36
Bảng 3. 7. Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại.....	36
Bảng 5. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường.....	47
Bảng 5. 2. Thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc.....	47

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Vị trí thực hiện cơ sở (Ảnh vệ tinh)	2
Hình 1. 2. Quy trình sản xuất gạch tuynel	6
Hình 1. 3. Hình ảnh sản phẩm của cơ sở	9
Hình 1. 4. Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở	21
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	24
Hình 3. 2. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải	26
Hình 3. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	28
Hình 3. 4. Sơ đồ bể tách dầu mỡ	29
Hình 3. 5. Mặt cắt lò nung sây Tuynel	31
Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò nung sây.....	32

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước.
- Địa chỉ văn phòng: phố 3, xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Lê Văn Phương
- Điện thoại: 0911201965
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2801664422 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa (nay là Sở Tài Chính) cấp đăng ký lần đầu ngày 18/02/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/10/2022.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000001 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp chứng nhận ngày 07/01/2014.

2. Tên cơ sở

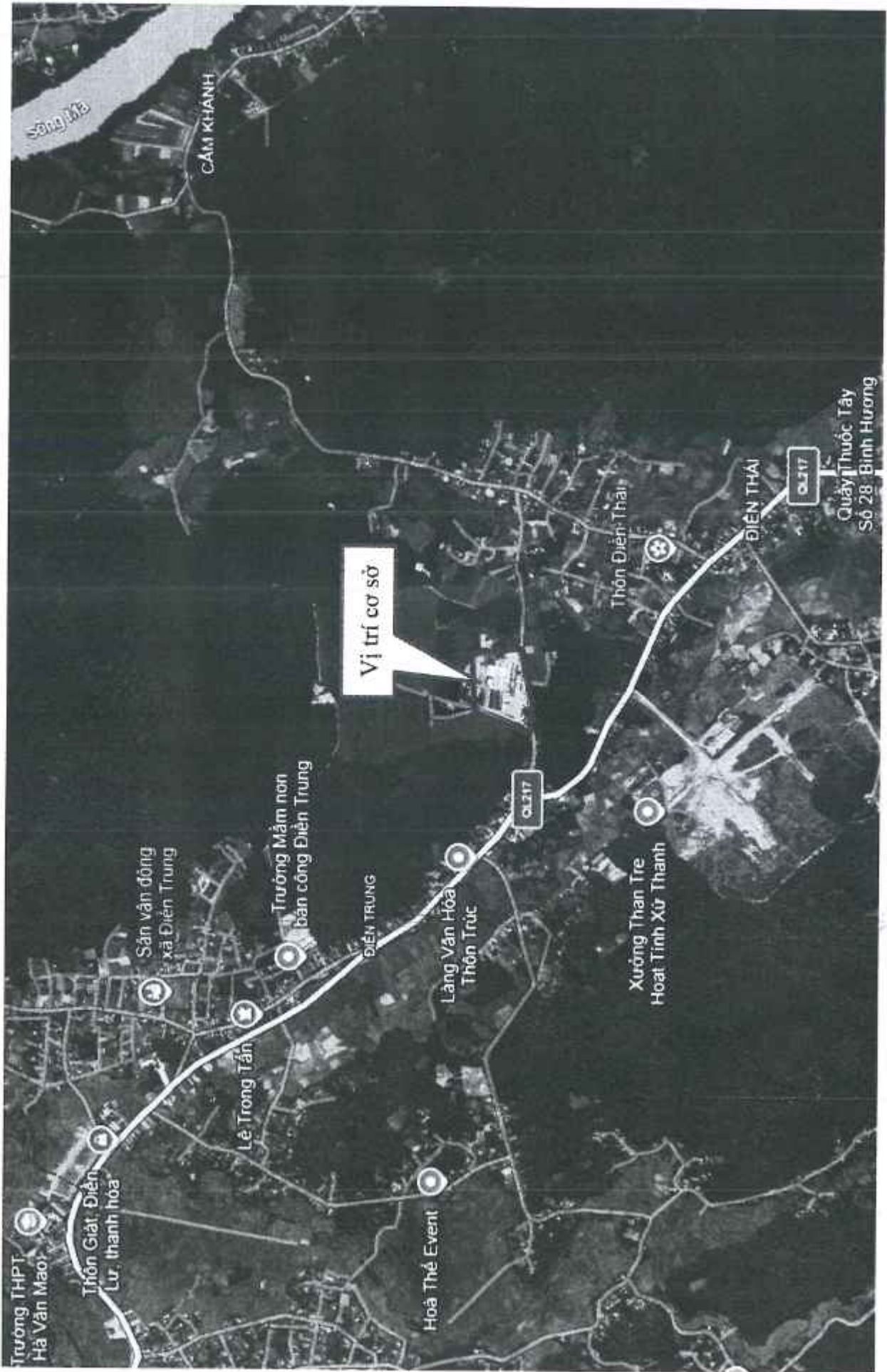
- Tên cơ sở: Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước.
- Địa điểm cơ sở: xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa.
- Các hướng tiếp giáp của cơ sở cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc, phía Đông: Tiếp giáp đất sản xuất kinh doanh.
 - + Phía Tây, phía Nam: Tiếp giáp đường giao thông hiện trạng.
- Ranh giới khu vực thực hiện cơ sở:

Bảng 1. Bảng thống kê mốc tọa độ

TT	Mốc	X	Y
1	M1	2243515.3900	533790.8700
2	M2	2243529.8400	533986.0400
3	M3	2243365.7298	533999.9900
4	M4	2243330.5600	533823.8300
5	M5	2243330.4400	533721.8100

(Nguồn: Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng)

- Vị trí thực hiện cơ sở



Hình 1. 1. Vị trí thực hiện cơ sở (Ảnh vệ tinh)

2.1. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- Giấy phép xây dựng số 880/GPXD, ngày 19/04/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Quyết định số 1206/UBND-KT ngày 19/12/2025 của UBND xã Điền Lư về việc chấp thuận điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- * *Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*
 - Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước, công suất 40 triệu QTC/năm và vùng khai thác nguyên liệu tại xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (*nay là xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa*) của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước.
 - * *Văn bản, hợp đồng liên quan khác*
 - Quyết định số 3939/QĐ-UBND ngày 01/12/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Thu hồi đất do UBND xã Điền Trung, huyện Bá Thước (*nay là xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa*) quản lý giao cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Xây dựng Nhà máy gạch Tuynel.
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CT00015 ngày 17/01/2012.
 - Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 15/04/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước gia hạn thời gian sử dụng đất 24 tháng để hoàn thành dự án Nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Trung, huyện Bá Thước (*nay là xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa*).
 - Thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 99/TĐ-PCCC ngày 23/12/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Thanh Hóa .

2.3. Quy mô của cơ sở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công

- * **Quy mô của cơ sở**
 - Quy mô cơ sở (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*): Cơ sở nhóm C (*Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp khác, tổng vốn đầu tư là 50,188 tỷ đồng*) theo tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều 9 và khoản 3 Điều 11 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.
 - Căn cứ mục II, Phụ lục V, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: Cơ sở thuộc nhóm III trên tiêu chí về môi trường để phân loại dự án theo quy định tại điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
 - Căn cứ khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày

11/12/2025 quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường: “Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải hoặc bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý khi đi vào vận hành chính thức theo quy định của Chính phủ”.

- Căn cứ Khoản 2, Điều 41, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Căn cứ theo quy định tại Điều 19, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 12 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026, cơ sở nhóm III lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại Mẫu số 22d Phụ lục II ban hành theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của bộ trưởng bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

*** Quy mô các hạng mục công trình**

- Diện tích khu đất: 42.404 m².
- Diện tích xây dựng công trình: 16.296,3 m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 12.246,3 m².
- Diện tích đường giao thông + sân đường nội bộ: 8.890,1 m².
- Diện tích đất HTKT: 930,8 m².
- Đất cây xanh: 9.860,4 m².
- Bãi chứa nguyên liệu: 6.426,4 m².
- Mật độ xây dựng: 38,43 %.
- Tầng cao tối đa: 01 tầng.
- Hệ số sử dụng đất: 0,38 lần.

Bảng 1. 1. Quy mô các hạng mục công trình của nhà máy

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình		16.296,3		16.246,3	38,43
1	Công	1	50	-	-	
2	Nhà bảo vệ	2	24,1	1	24,1	
3	Nhà để xe	3	114,5	1	114,5	
4	Nhà văn phòng	4	83,5	1	83,5	
5	Nhà nghỉ, ăn ca công nhân	5	183,2	1	183,2	
6	Nhà xưởng	6	11.609	1	11.609	
7	Nhà chứa đất	7	2.402,2	1	2.402,2	
8	Nhà ủ đất	8	865	1	865	
9	Nhà dỡ gạch chín	9	924,2	1	924,2	

10	Nhà vệ sinh	13	40,8	1	40,8	
II	Đất sân bãi		6.426,4			15,16
10	Đất sân thành phẩm	10	2.971	-	-	
11	Bãi tập kết vật liệu	11	3.455,4	-	-	
III	Đất hạ tầng kỹ thuật		930,8			2,20
12	Trạm biến áp	12	-	-	-	
13	Bể nước PCCC + trạm bơm	14	332,3	-	-	
14	Bể xử lý nước thải tập trung	10	30	-	-	
IV	Đất cây xanh, taluy	CX	9.860,4			23,25
V	Đất giao thông + sân đường nội bộ		8.890,1			20,97
Tổng cộng			42.404			100
Mật độ xây dựng toàn khu (%)						38,43
Tầng cao tối thiểu (tầng)						1
Tầng cao tối đa (tầng)						1
Hệ số sử dụng đất toàn khu (lần)						0,38

(Nguồn: Bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500)

2.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

- Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Nhà máy sản xuất gạch Tuynel.

2.6. Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

- Dự án nhóm III theo quy định tại số thứ tự 2, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

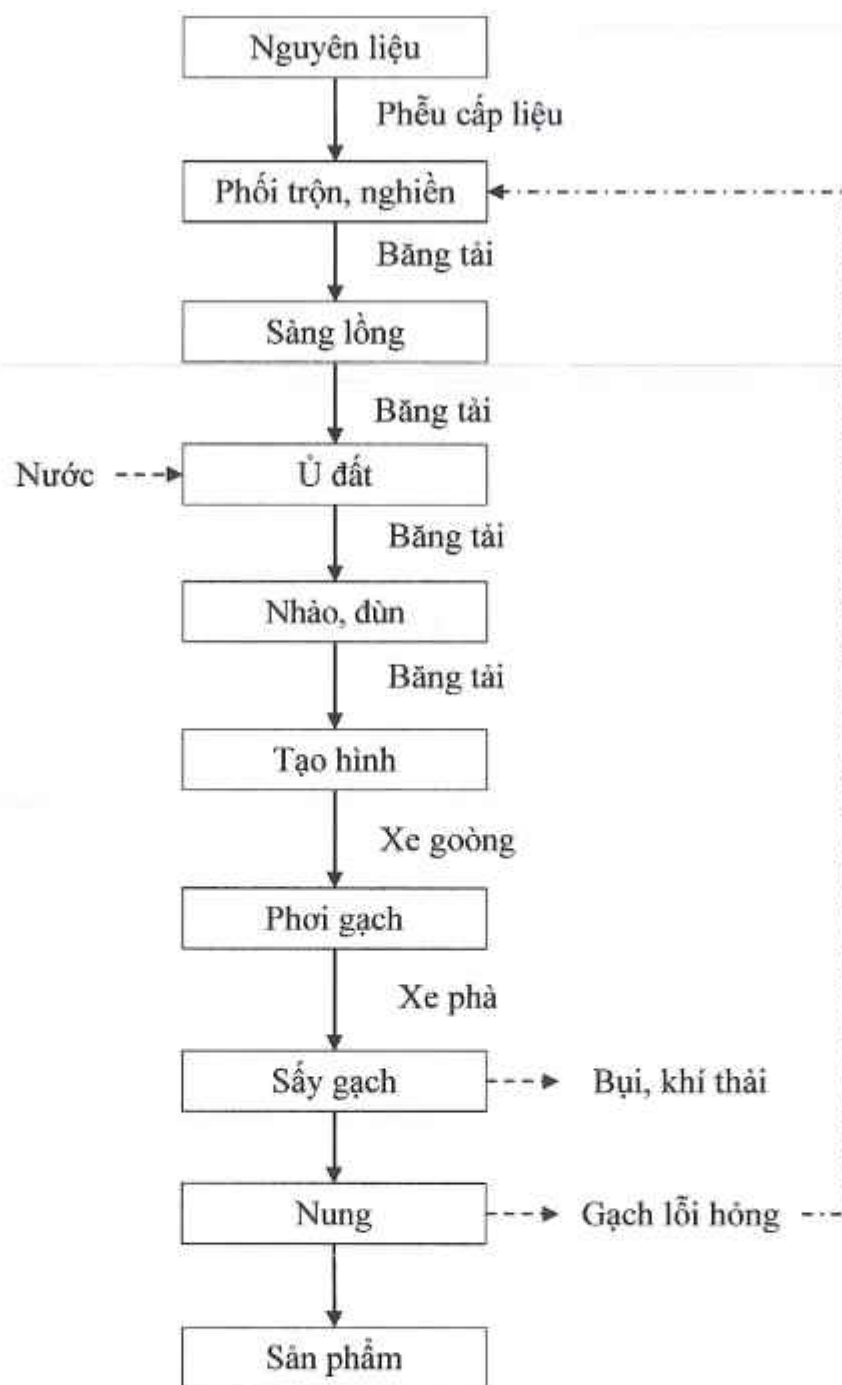
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Mục tiêu: Sản xuất gạch làm vật liệu xây dựng để cung cấp cho các công trình xây dựng trong khu vực, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương và tăng nguồn thu ngân sách.

- Quy mô: Công suất 40 triệu viên QTC/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1. 2. Quy trình sản xuất gạch tuynel

*** Nguyên liệu**

- Nguyên liệu chính cho quá trình sản xuất gạch tuynel là đất sét. Nguyên liệu đất sét được lấy từ Mỏ đất sét làm gạch tuynel tại xã Diên Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn và vận chuyển về Nhà chứa đất (Ký hiệu 7/TMB).

- Nguyên liệu phụ trợ là than cám (hỗ trợ quá trình nung), tro bay, phụ gia khoáng được mua từ các đơn vị cung cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

*** Phối trộn, nghiền**

Nguyên liệu sau đó được đưa vào thùng cấp liệu bằng máy xúc để định lượng và rải xuống băng tải cao su, đất tiếp tục được chuyển tới Máy nghiền để phá vỡ kết cấu ban đầu, nghiền nhỏ những viên sỏi, sạn trong đất tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình trộn

đồng thời tăng độ đồng nhất cho phối liệu. Nguyên liệu sau đó được phối trộn cùng than cám giúp đồng nhất các nguyên liệu trong mẻ sản xuất.

*** Sàng lồng**

Nguyên liệu được đưa vào máy sàng lồng nhằm loại bỏ các tạp chất (đá, sỏi). Phần đá sỏi kích thước lớn còn lại trên sàng sẽ được đưa quay về máy nghiền bằng băng tải cao su để nghiền nhỏ. Phần dưới sàng đạt chuẩn sẽ được băng tải cao su đưa về Nhà ủ đất.

*** Ủ đất**

Sau quá trình sàng lồng phối liệu gồm than đất qua băng tải được chuyển vào khu vực Nhà ủ đất (*ký hiệu 8/TMB*). Tại đây, công nhân sẽ tiến hành phun sương, tạo độ ẩm cho đất. Quá trình ủ đất được diễn ra trong khoảng thời gian 10 ngày (*thời gian ủ có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện sản xuất, chất lượng nguyên liệu*), quá trình này giúp phân bố lại độ ẩm trong toàn bộ khối phối liệu, làm cho đất dẻo đều hơn, tăng khả năng tạo hình và hạn chế nứt vỡ ở các bước tiếp theo.

*** Nhào trộn**

Nguyên liệu sau quá trình ủ, đảm bảo độ ẩm phù hợp được cho lên băng tải đưa về Máy nhào đùn liên hợp nhằm tạo độ dẻo cho nguyên liệu. Sau khi qua hệ thống nhào trộn của máy, phối liệu được đưa vào buồng chân không, nhờ hệ thống bơm chân không, không khí được hút ra khỏi phối liệu, làm tăng độ đặc chắc của gạch mộc, tạo ra sản phẩm gạch mộc có độ ẩm thấp, tăng độ cứng bề mặt giúp quá trình cắt, vận chuyển gạch mộc vào lò không bị biến dạng.

*** Tạo hình gạch mộc**

Sau khi qua quá trình nhào đùn, nhờ khuôn tạo hình sẽ tạo thành các thỏi mộc dài và đưa sang máy cắt thỏi. Quá trình này phải được vận chuyển trên các băng chuyền phẳng đặc biệt để ổn định sản phẩm. Thỏi mộc sau đó đi qua máy cắt thỏi để cắt tạo thành các thỏi với độ dài định sẵn tuy nhiên vẫn chưa cắt thành viên gạch, các thỏi này sẽ được tách ra và đưa nhanh sang máy cắt viên và dừng lại tại vị trí cắt. Tại máy cắt viên, các dây cắt được căng thẳng đứng với kích thước bằng kích thước viên gạch, bàn đẩy sẽ đẩy thỏi đất qua hệ thống dây cắt tạo thành viên gạch mộc.

Các viên gạch mộc sau máy cắt viên sẽ được tách rời khỏi nhau bằng hệ thống bàn giãn đảm bảo cách nhau một khoảng cách chính xác và được đưa đến vị trí Robot dùng cánh tay rô bốt với các tấm ép di chuyển bằng khí nén được lập trình sẵn để kẹp, gấp, nhắc lên, quay sang vị trí băng tải quay và xếp mộc chính xác lên xe goòng phía bên dưới.

*** Phơi gạch**

Sau khi tạo hình, gạch mộc được hệ thống robot vận chuyển lên các xe goòng, sau đó phối gạch được đem phơi tự nhiên tại khu vực Nhà xưởng (*ký hiệu 6/TMB*) có bố trí các mái che (*mái nhà xưởng bố trí xen kẽ các tấm lợp lấy sáng*) hoặc vận chuyển tới khu vực xung quanh lò nung nhằm tận dụng lượng nhiệt tỏa ra của lò nung để sản phẩm đạt độ khô thích hợp.

*** Sấy gạch**

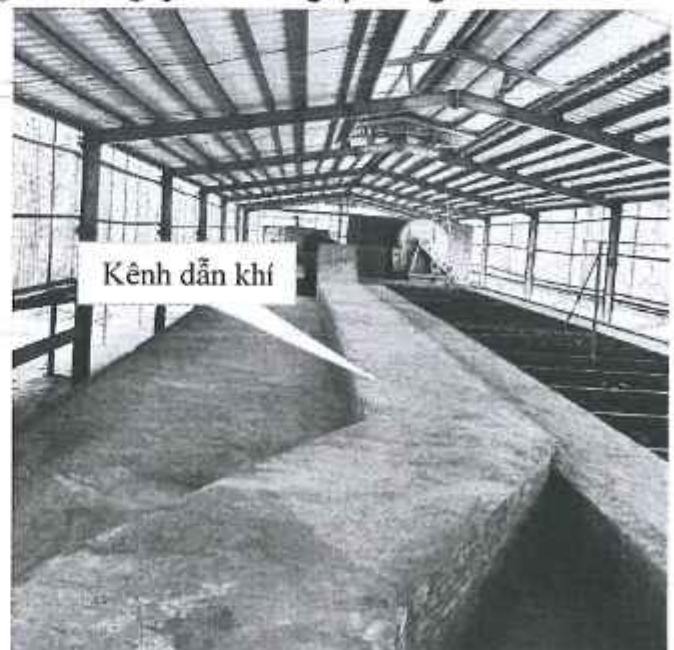
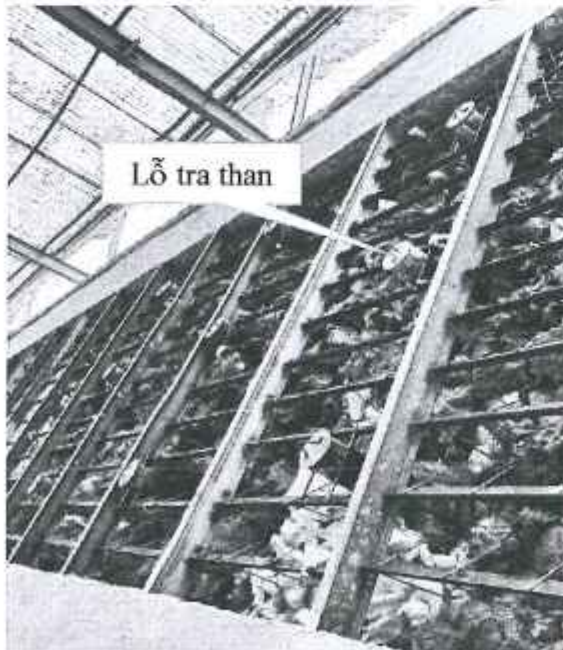
Khi gạch mộc đảm bảo về độ khô thích hợp gạch mộc tại các xe goòng được gấp xuống các xe phà vận chuyển về đầu cặp lò nung sấy, tại đây Robot sử dụng cánh tay gấp

các viên gạch mộc xuống nền lò một cách trật tự và chính xác. Sau khi xếp xong một hàng, xe phà sẽ dịch chuyển một khoảng cách nhất định được tính toán sẵn đến vị trí hàng tiếp theo và quá trình xếp mộc vào lò cứ tuần tự như vậy theo vòng quay của lò nung. Quá trình chuyển liệu cho lò được thực hiện bởi hệ thống đường ray, kích đẩy thủy lực và xe phà, nhiệt độ sấy trong lò 200 - 300°C, độ ẩm của gạch mộc sau sấy khoảng 4%. Nhiệt khí thải lò nung được tái sử dụng cho lò sấy qua hệ thống quạt và kênh dẫn khí nóng trên nóc lò. Vật liệu được nung (*gạch mộc*) được xếp trên xe goòng chạy trên đường ray qua lò sấy rồi sang lò nung. Chuỗi xe goòng trong lò tì sát vào nhau và 2 bên sườn xe có tấm thép ngấp vào rãnh cát của lò, hệ thống tự làm kín khí nóng vùng trên mặt xe và gầm xe.

* Nung gạch

Sau khi quá trình sấy, phần thân lò tuynel sẽ mở cửa nhận mộc ở phía trước lò và di chuyển tịnh tiến về phía trước theo từng bước di chuyển để tiếp nhận gạch mộc chuyển vào sấy. Phần gạch nằm ở vùng sấy trước đó sẽ được chuyển sang vùng nung ngay phía sau và toàn bộ phần gạch nằm ở vùng nung sẽ được chuyển sang vùng làm nguội sản phẩm. Quá trình nung cần để ở nhiệt độ 800-1200°C. Tại lò nung, để đảm bảo nhiệt độ lò được đồng đều và các vùng nhiệt độ của lò giữ không đổi về thời gian, không gian và cường độ, nhiên liệu – than cám được cấp bổ sung vào lò qua 03 hàng lỗ tra than (gồm 09 lỗ) trên nóc vùng giữa lò. Lượng than bổ sung này rất ít và được tiến hành bằng thủ công. Chu trình thời gian xe goòng trong lò nung trung bình là 20 giờ, theo định kỳ (*khoảng 50 phút*) thì ra được 1 xe goòng.

Lò có chế độ làm việc liên tục, nguồn nhiệt chính được tạo thành từ than cám pha lẫn trong đất làm gạch cháy chậm sinh ra. Nhiệt khí thải từ lò nung không thải trực tiếp ra ngoài mà được tái sử dụng hoàn toàn cho lò sấy qua hệ thống quạt và kênh dẫn khí nóng nên 1 lò nung sấy chỉ có 01 ống thoát khí (H=29m). Sau khi qua lò sấy khí thải được quạt ly tâm hút, đẩy ra ngoài môi trường không khí xung quanh thông qua ống thoát khí.

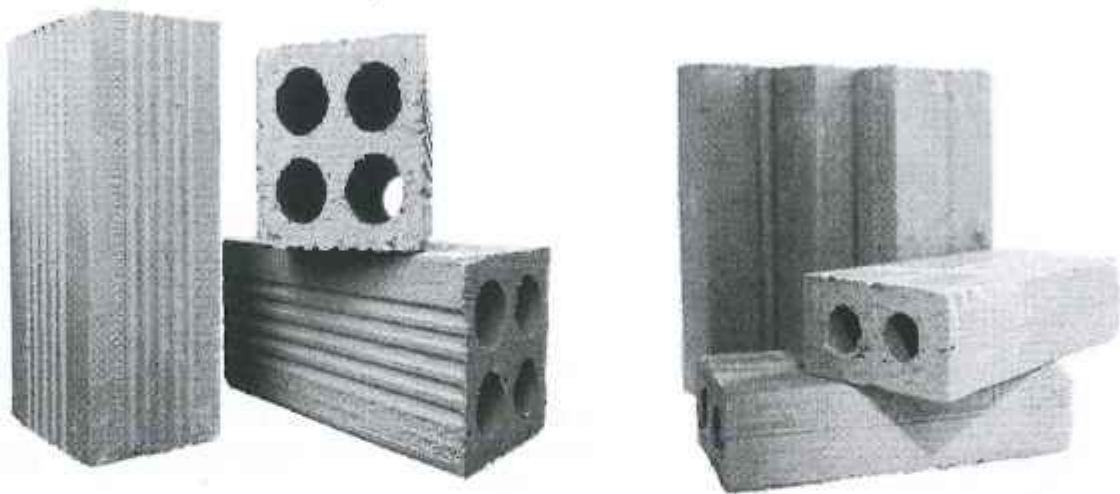


* Sản phẩm

Khi goòng ra khỏi lò nung và nhiệt độ gạch ở mức an toàn, gạch được dỡ xuống bằng phương pháp thủ công và đưa về khu vực tập kết thành phẩm.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm gạch Tuynel.
- Một số hình ảnh sản phẩm của cơ sở



Hình 1. 3. Hình ảnh sản phẩm của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

4.1.1. Nhu cầu về sử dụng lao động

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, số lượng cán bộ công nhân viên, cụ thể như sau:

- Chế độ làm việc:
- + Số ngày làm việc trong năm: 312 ngày/năm.
- + Số giờ làm việc trong ngày: 08 tiếng.
- + Số ca làm việc trong ngày: 3 ca (*đối với công nhân vận hành lò nung sấy*).
- Nhu cầu sử dụng lao động: 40 người.

Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng lao động tại nhà máy

TT	Bộ phận	Thời gian lao động				Tổng số lao động (người)
		7h-17h	6h-14h	14h-22h	22h-06h	
1	Ban giám đốc	2	-	-	-	2
2	Văn phòng, kế toán	6	-	-	-	6
3	Công nhân					
-	Công nhân	17	-	-	-	17
-	Công nhân vận hành lò	-	04	04	04	12
4	Bảo vệ	-	01	01	01	03
TỔNG						40

- Quyền lợi: Công nhân viên làm trong cơ sở được hưởng mọi chế độ lương thưởng, BHXH, BHYT theo quy định của Luật Lao động và Luật BHXH Việt Nam. Lương lễ tết và chế độ thưởng hàng tháng, năm và các chế độ khác theo quy chế của Công ty.

4.1.2. Danh mục máy móc, thiết bị

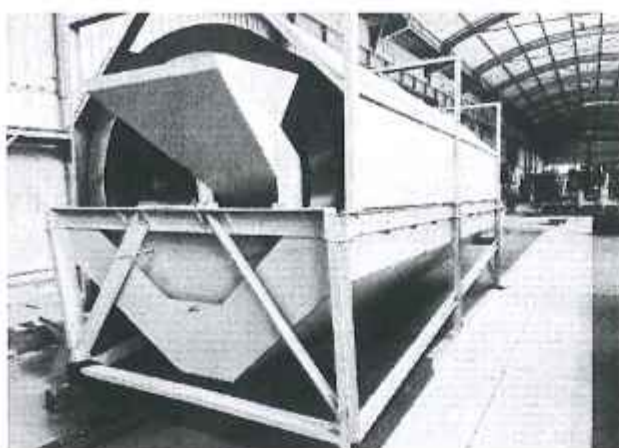
- Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị của cơ sở

Bảng 1. 3. Danh mục máy móc, thiết bị

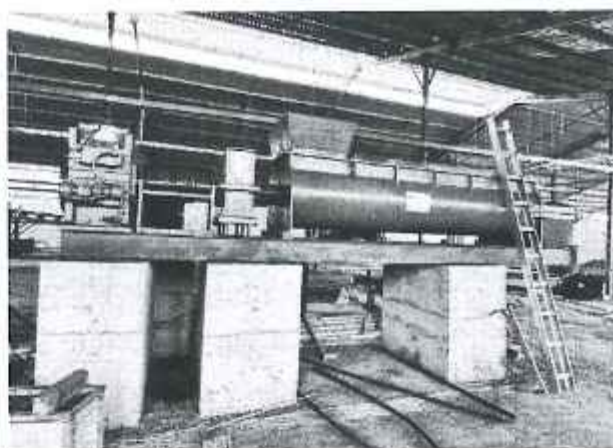
TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
I	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất				
1	Máy cấp liệu cấp liệu	Cái	02	Việt Nam	100%
2	Máy cấp liệu than	Cái	02	Việt Nam	100%
3	Sàng lồng	Cái	01	Việt Nam	100%
4	Máy nghiền	Cái	01	Việt Nam	100%
5	Máy nhào	Cái	01	Việt Nam	100%
6	Máy đùn ép	Cái	01	Việt Nam	100%
7	Máy cắt gạch	Cái	01	Việt Nam	100%
8	Hệ thống băng tải	HT	01	Việt Nam	100%
9	Lò kép (Lò nung + lò sấy)	Cái	01	Việt Nam	100%
10	Xe goòng	Cái	150	Việt Nam	100%
11	Hệ thống ray phà (gồm cả đế BTCT)	HT	04	Việt Nam	100%
12	Tời xích	Cái	05	Việt Nam	100%
13	Hệ thống Pitton đẩy xe goòng	Cái	02	Việt Nam	100%
14	Xe nâng	Cái	01	Việt Nam	95%
15	Máy xúc lật	Cái	01	Trung Quốc	90%
16	Máy ủi	Cái	01	Trung Quốc	90%
II	Máy móc, thiết bị khu vực nhà nghỉ + ăn ca				
1	Bếp gas đôi	Bộ	01	Nhật Bản	90%
2	Bộ bàn ăn	Bộ	03	Nhật Bản	85%
3	Tủ lạnh	Cái	02	Nhật Bản	90%
4	Giường đơn	Cái	12	Việt Nam	90%
III	Máy móc, thiết bị khu vực văn phòng				
1	Bàn, ghế	Bộ	08	Việt Nam	100%
2	Máy tính	Cái	08	Nhật Bản	100%
3	Máy photo, in ấn	Cái	02	Nhật Bản	100%
4	Tủ đựng hồ sơ, tài liệu	Cái	08	Việt Nam	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước)

- Hình ảnh minh họa một số máy móc, thiết bị tại cơ sở



Máy sàng lồng



Máy nhào đùn



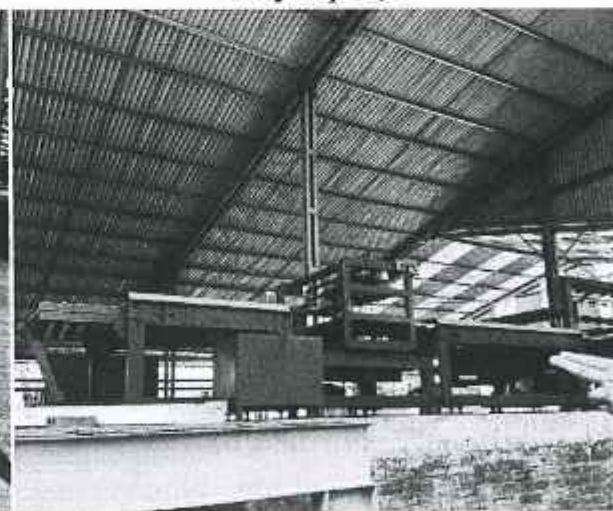
Máy nghiền



Máy cấp liệu



Xe goòng



Máy cắt

Hình 1. 4. Hình ảnh minh họa một số máy móc thiết bị tại nhà máy

4.1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

- Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của cơ sở

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Khối lượng
1	Đất sét	m ³ /1000 vọc	0,45	18.000 m ³ /năm
2	Than cám	Kg/1000 vọc	120	4.800 tấn/năm
3	Tro bay	Kg/1000 vọc	200	8.000 tấn/năm
4	Tro xỉ hỗn hợp	Kg/1000 vọc	350	14.000 tấn/năm

5	Phụ gia khoáng	Kg/1000 vqc	150	6.000 tấn/năm
---	----------------	-------------	-----	---------------

(Nguồn: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước)

- Nguồn cung cấp nguyên liệu phù hợp để phục vụ sản xuất

+ Nguyên liệu đất cung cấp cho hoạt động sản xuất của cơ sở được lấy từ mỏ đất sét của Công ty cổ phần mica đường Lam Sơn theo Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa số 398/GP-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa cho phép Công ty cổ phần mica đường Lam Sơn được khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên và thuê đất tại mỏ đất sét làm gạch tuynel xã Điền Trung, huyện Bá Thước (nay là xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa).

+ Vật liệu tro xỉ được mua của Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn đã tập kết về nhà máy.

+ Vật liệu tro bay của Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1 và 2 theo Hợp đồng mua bán.

+ Ngoài ra các nguồn nguyên liệu tận thu từ các cơ sở và các nhà máy đang hoạt động thì tương lai sẽ còn các nguồn tận thu từ các dự án khác nên theo đánh giá của Công ty, các nguồn nguyên liệu sẽ có trữ lượng nhiều và ổn định phục vụ lâu dài cho nhu cầu sản xuất của cơ sở.

4.1.4. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

* Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của cơ sở:

Bảng 1. 5. Nhu cầu nhiên liệu hoạt động vận chuyển của cơ sở

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Khối lượng
1	Dầu diesel máy ủi	Lít/1000 vqc	0,6	24.000 lít/năm
2	Dầu diesel xe nâng	Lít/1000 vqc	0,25	10.000 lít/năm
3	Dầu diesel máy xúc	Lít/giờ	12	96 lít/ngày
4	Dầu diesel xe oto tải howo	Lít/100 km	35	35 lít/100 km

(Nguồn: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước)

* Nhu cầu sử dụng gas nấu ăn:

- Tại nhà máy chỉ thực hiện nấu ăn cho 08 cán bộ hành chính, đối với công nhân làm việc tại nhà máy chủ yếu là người dân địa phương do đó sẽ tự túc về điều kiện ăn ở.

- Theo số liệu thống kê thực tế tại dự án tương tự trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gas phục vụ nấu nướng tại các khu dịch vụ lượng gas sử dụng 0,01 kg gas/bữa ăn. Cơ sở nấu ăn 03 bữa ăn ca phục vụ cho 08 cán bộ tương ứng 24 xuất ăn/ngày, công nhân viên tương ứng lượng gas sử dụng $0,01 \times 24 = 0,246$ kg gas/ngày.

- Nguồn cung cấp: Nguồn cung cấp dầu DO được mua từ đại lý xăng dầu xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa và các xã lân cận.

4.1.5. Nhu cầu sử dụng thực phẩm

Nguyên liệu cung cấp cho hoạt động nấu ăn cho 08 cán bộ nhân viên ở nhà máy gồm:

+ Lương thực: gạo, khoai, ...

+ Đồ thủy sản các loại: Tôm, cá, ...

+ Thịt gia súc, gia cầm: Thịt heo, thịt gà, thịt bò...

+ Rau, quả trái cây các loại: Rau muống, mồng tơi, cải, cà chua, ...

Nguồn nguyên liệu được thu mua ở chợ tại địa phương.

Theo số liệu thực tế hiện nay tại cơ sở thì nguyên liệu thực phẩm sử dụng cho hoạt động ăn uống của công nhân trung bình là 01 kg/người/ngày. Như vậy, với khả năng phục vụ số lượng cán bộ công nhân viên của cơ sở cao nhất khoảng: 08 người/ngày (3 bữa) thì tổng khối lượng nguyên liệu thực phẩm sử dụng cho hoạt động ăn uống của cơ sở lớn nhất là (08 người x 1 kg lương thực/ngày) = 8 kg/ngày.

4.1.6. Nhu cầu sử dụng hóa chất

- Các loại hóa chất được sử dụng tại cơ sở trong quá trình hoạt động không thuộc danh mục hóa chất cấm theo quy định của Pháp luật hiện hành.

- Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng hóa chất tại cơ sở

TT	Hóa chất	Đơn vị	Khối lượng
I	Hệ thống bể tự hoại		
1	Clorin	g/ngày	12,8
2	Chế phẩm sinh học (BIO-S, BIO- Phốt) dạng bột	Kg/lần	20
II	Hệ thống xử lý khí thải lò nung sấy		
1	Vôi bột	Kg/tháng	25
III	Hoạt động vệ sinh		
1	Sunlinght lau sàn	Lít/tháng	3
2	Vim tẩy nhà vệ sinh	Lít/tháng	2
3	Nước rửa chén, bát tại nhà ăn ca	Lít/tháng	1,5

- Nguồn cung cấp hóa chất: Hóa chất, chế phẩm được mua tại các cơ sở phân phối trên địa bàn xã Điền Lư và các địa phương lân cận.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện năng, nước

4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện

a. Nhu cầu sử dụng điện

- Điện cấp cho hoạt động của nhà máy được sử dụng cho hoạt động sinh hoạt, hoạt động sản xuất, chiếu sáng, ...

b. Nhu cầu sử dụng điện

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

TT	Phụ tải	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu cấp điện	Đơn vị	Cs tính toán (kva)	Tổng cs tính toán (kva)
1	Đất công nghiệp	4,24	ha	250	Kw/ha	1.060	1.060

c. Nguồn cung cấp điện

- Nguồn điện đầu nối trạm biến áp 250KV hiện có của cơ sở.

4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước

a. Nhu cầu sử dụng nước

Nước cấp cho hoạt động của nhà máy được sử dụng cho các hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên, hoạt động sản xuất, tưới cây, rửa đường, PCCC.

b. Nguồn cung cấp nước

Hiện nay, tại khu vực cơ sở chưa có nguồn nước sạch, do đó nhà máy khai thác nước ngầm để cung cấp nước cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất (Do lưu lượng nước khai thác < 10m³/ngày đêm, do đó cơ sở không thuộc đối tượng lập hồ sơ xin khai thác nước ngầm theo quy định của Pháp luật).

c. Nhu cầu sử dụng nước

* *Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt*

Căn cứ TCVN 13606:2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế, định mức cấp nước cho hoạt động sinh hoạt như sau:

+ Định mức cấp nước sinh hoạt cho 32 công nhân làm việc theo ca (Không ăn uống) là 25 lít/người/ngày.

+ Định mức cấp nước cho 8 cán bộ nghỉ lại tại nhà máy là 100 lít/người/ngày.

Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên nhà máy như sau:

Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của cơ sở

TT	Đối tượng sử dụng nước	Công nhân (người)	Định mức cấp nước (l/người/ca)	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày.đêm)	Mục đích sử dụng nước (m ³ / ng đ)		
					Rội nhà WC	Tắm, rửa tay chân	Ăn uống
1	Cán bộ công nhân viên làm việc theo ca	32	25	0,8	0,4	0,4	-
2	Cán bộ nghỉ lại tại nhà máy	8	100	0,8	0,24	0,24	0,32
Tổng				1,6	0,64	0,64	0,32

* *Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất*

- *Hoạt động cấp ẩm cho quá trình phun ẩm ủ đất*

+ Trong quá trình sản xuất gạch Tuynel, nước cấp được sử dụng cấp ẩm cho quá trình ủ đất. Theo số liệu thống kê thực tế từ hoạt động sản xuất của nhà máy, định mức lưu lượng nước cấp cho hoạt động phun ẩm khu vực ủ đất là 0,06 m³ nước/m³ đất nguyên liệu.

+ Nguyên liệu đất sét sử dụng tại nhà máy là 18.000 m³ đất/năm, tương đương 57,7 m³ đất/ngày (hoạt động 312 ngày/năm).

+ Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động phun ẩm khu vực ủ đất là:

$$Q_{PA} = 0,06 \text{ (m}^3 \text{ nước/m}^3 \text{ đất nguyên liệu)} \times 57,7 \text{ (m}^3 \text{ đất/ngày)} = 3,5 \text{ m}^3 \text{/ngày.}$$

- *Hoạt động hệ thống xử lý khí thải khu vực lò nung sấy*

+ Cơ sở bố trí 01 bể hấp thụ (kích thước DxRxH = 2,5x2x1,5m) gồm 2 ngăn (1 ngăn lắng cặn, 1 ngăn chứa nước vôi trong). Nước cấp cho bể hấp thụ được sử dụng cho quá trình xử lý khí thải khu vực lò nung sấy.

+ Lượng nước cấp ban đầu cho bể hấp thụ là 5 m^3 ($H_{\text{nước}} = 1\text{m}$). Lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động hấp thụ khoảng 80% và lượng nước bốc hơi chiếm khoảng 20%. Vì vậy lượng nước cấp bổ sung cho bể hấp thụ trong quá trình xử lý khí thải khoảng 20% tương đương $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

* *Nhu cầu sử dụng nước rửa đường*

- Nhu cầu sử dụng nước rửa đường tại cơ sở chủ yếu cho việc tưới sân đường nội bộ để giảm bụi. Với định mức $0,4 \text{ l/m}^2/\text{lần}$ tưới đường/ngày (*Nguồn: QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng*), số lần tưới trong ngày là 01 lần vào ngày nắng nóng hanh khô.

- Nhu cầu nước phục vụ cho quá trình rửa đường:

$$Q_{\text{TC, RD}} = 8,890,1 \text{ m}^2 \times 0,4 \text{ l/lần tưới đường/ngày} = 3,5 \text{ (m}^3/\text{ngày)}.$$

* *Nhu cầu sử dụng nước PCCC (trường hợp xảy ra sự cố)*

$$Q_{\text{PCCC}} = q_{\text{cc}} \times h \times n \text{ (m}^3/\text{ngày)}$$

Trong đó:

q_{cc} : Tiêu chuẩn cấp nước PCCC;

h : Số giờ chữa cháy;

n : Số đám cháy hoạt động đồng thời;

Theo TCVN 2622:1995 – PCCC bên ngoài và trong công trình.

+ Tiêu chuẩn cấp nước PCCC bên trong công trình là $q_{\text{cc}} = 10 \text{ l/s} = 36 \text{ m}^3/\text{h}$, $n = 2$, $h = 1 \text{ giờ}$ → Nhu cầu cấp nước chữa cháy bên trong công trình:

$$Q_{\text{PCCC1}} = 36 \times 1 \times 2 = 72 \text{ m}^3/\text{h}.$$

+ Tiêu chuẩn cấp nước PCCC bên trong công trình là $q_{\text{cc}} = 20 \text{ l/s} = 72 \text{ m}^3/\text{h}$, $n = 2$, $h = 1 \text{ giờ}$ → Nhu cầu cấp nước chữa cháy bên trong công trình:

$$Q_{\text{PCCC2}} = 72 \times 1 \times 2 = 144 \text{ m}^3/\text{h}.$$

Vậy, tổng lượng nước chữa cháy cho toàn bộ mỗi công trình là $216 \text{ m}^3/\text{h}$.

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.

- Không

6. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường

- Không

7. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

7.1. Thông tin về cơ sở

- Ngày 01/12/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 3939/QĐ-UBND về việc Thu hồi đất do UBND xã Điền Trung, huyện Bá Thước (nay là xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa) và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án: Xây dựng Nhà máy gạch Tuynel.

- Ngày 16/01/2012, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án

Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước, công suất 40 triệu QTC/năm và vùng khai thác nguyên liệu tại xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa) tại Quyết định số 212/QĐ-UBND.

- Trong khoảng thời gian từ năm 2013 – 2021, Công ty đã hoàn thiện quá trình xây dựng các hạng mục công trình và đi vào vận hành hoạt động sản xuất gạch tuynel. Tuy nhiên do tình hình hoạt động kinh tế, sản xuất, nhu cầu thị trường thay đổi, hạng mục công trình sản xuất xuống cấp, tình hình sản xuất của Công ty không đạt hiệu quả, sản phẩm tiêu thụ kém dẫn đến kế hoạch sản xuất không đảm bảo hiệu quả kinh tế như mong muốn.

- Do đó, năm 2022 Nhà máy đã dừng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm định hướng lại kế hoạch sản xuất kinh doanh hướng tới việc sản xuất hợp lý, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm tăng hiệu quả kinh tế.

- Ngày 19/12/2025, UBND xã Điền Lư đã ban hành Quyết định số 1206/UBND-KT về việc chấp thuận điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa (Nhà máy thực hiện cải tạo một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp đồng thời lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu về quy mô, đồng bộ dây chuyền đảm bảo hoạt động sản xuất của nhà máy).

7.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình

a. Đối với các hạng mục công trình chính

* Dây chuyền lò nung sây

Dây chuyền lò nung sây được bố trí chạy dọc Nhà xưởng, có kích thước xây dựng $DxRxH = 101,6 \times 11,53 \times 3,52$ m.

- Móng lò nung sây: Sử dụng bê tông lót mác M100 đá 4x6; bê tông móng mác M200 đá 1x2; sử dụng thép $D < 10$ nhóm AI, thép $D \geq 10$ nhóm AII; tường móng xây gạch đặc mác M100, vữa XM mác M50. Cao độ mặt móng thiết kế cho ray P30. Hệ thống móng ray xe phà sử dụng bê tông lót mác M100 đá 4x6, Bê tông móng mác M200 đá 1x2; Thép $D < 10$ nhóm AI, thép $D \geq 10$ nhóm AII.

- Thân lò: Kết cấu vỏ lò xây bằng gạch đặc tuynel, dày 450mm, bên trong thành lò nung sây xây bằng gạch chịu lửa dày 220 mm. Trần bê tông cốt thép mác M250.

- Trần lò: Bông treo trần loại 1350 độ treo từ vị trí xe goòng 9-20 các phần còn lại treo loại 1260 độ.

* Cổng

- Bố trí cổng vào khu vực nhà điều hành, và khu vực xuất nhập nguyên vật liệu, thành phẩm.

- Cánh cổng xếp điện mở tự động. Hai bên cổng bố trí trụ cổng xây bằng gạch bê tông VXM mác 50#.

* Nhà bảo vệ

- Kiến trúc

Công trình xây dựng bằng bê tông hình chữ nhật, kích thước 6,5m x 3,7m. Nhà cấp 4, diện tích xây dựng 24,1 m² quy mô 01 tầng, diện tích sàn 24,1 m². Chiều cao công trình

tính cos 0,00 đến đỉnh mái là 4 m, cos nền xây dựng công trình cao hơn so với cos sân đường nội bộ là +0,45 m.

- Kết cấu

+ Phần móng: sử dụng giải pháp móng băng BTCT, Móng, giằng móng sử dụng BTCT mác 300 đá 1x2, kích thước 300x450mm kết hợp với xây gạch bê tông không nung mác 50. Giằng chân tường bao quanh tiết diện 220x200mm. Cao độ đáy móng so với cos +0,00 là -1,75m; lớp bê tông lót mác 100 dày 100mm. Móng, giằng tường sử dụng BTCT mác 250, đá 1x2.

+ Phần thân: Kết cấu chịu lực chính của công trình là hệ cột, dầm, sàn BTCT toàn khối. Cột BTCT tiết diện 220x220mm. Dầm tiết diện 220x350mm. Cột, dầm sử dụng BTCT mác 250 đá 1x2.

+ Phần mái sử dụng mái bê tông cốt thép có chiều dày 120mm.

* Nhà để xe

Công trình xây dựng mặt bằng hình chữ nhật kích thước (17,57m x 6,45m). Nhà cấp 4, diện tích xây dựng là 114,5 m². Chiều cao toàn nhà là 6 m tính từ cốt 0,00; nền cao +0,15m so với cốt sân. Mặt bằng hình chữ nhật chiều cao 01 tầng. Mặt đứng công trình theo phong cách đơn giản, Nền nhà đổ bê tông mác 250. Mái lợp tôn liên kết với xà gỗ và vì kèo thép hình.

* Nhà văn phòng

- Kiến trúc

Công trình xây dựng bằng bằng hình chữ nhật, kích thước 14,85m x 5,62m. Nhà cấp 4, diện tích xây dựng 83,5 m² quy mô 01 tầng, diện tích sàn 83,5 m². Chiều cao công trình tính cos 0,00 đến đỉnh mái là 5,58 m, cos nền xây dựng công trình cao hơn so với cos sân đường nội bộ là +0,45 m.

- Kết cấu: Phần móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 M250#, dầm giằng, móng, giằng tường BTCT đá 1x2 M250#. Tường xây gạch chi VXM mác 75#, trát tường trong nhà VXM mác 75#, trát gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà VXM mác 75. Mái vì kèo thép lợp tôn chống nóng; tường lăn sơn màu chỉ định 1 lớp lót 2 lớp màu. Sàn khu vực văn phòng sử dụng gạch ceramic KT 600x600, sàn khu vực nhà vệ sinh sử dụng gạch KT 300x300.

* Nhà nghỉ, ăn ca công nhân

- Kiến trúc

Công trình xây dựng bằng bằng hình chữ nhật, kích thước 25,52m x 7,18m. Nhà cấp 4, diện tích xây dựng 183,2 m² quy mô 01 tầng, diện tích sàn 183,2 m². Chiều cao công trình tính cos 0,00 đến đỉnh mái là 6,45 m, cos nền xây dựng công trình cao hơn so với cos sân đường nội bộ là +0,45 m.

- Kết cấu: Phần móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 M250#, dầm giằng, móng, giằng tường BTCT đá 1x2 M250#. Tường xây gạch chi VXM mác 75#, trát tường trong nhà VXM mác 75#, trát gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà VXM mác 75. Mái vì kèo thép lợp tôn chống nóng; tường lăn sơn màu chỉ định 1 lớp lót 2 lớp màu. Sàn khu vực văn phòng sử dụng gạch ceramic KT 600x600, sàn khu vực nhà vệ sinh sử dụng gạch KT 300x300.

** Nhà xưởng*

- Kiến trúc

Công trình xây dựng bằng bê tông hình chữ nhật, kích thước 80,40m x 114,39m. Diện tích xây dựng 11.609 m² quy mô 01 tầng, diện tích sàn 11.609 m². Chiều cao công trình tính cos 0,00 đến đỉnh mái là 9 m, cos nền xây dựng công trình cao hơn so với cos sân đường nội bộ là +0,15 m.

- Kết cấu:

Phần móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 M250#, dầm giằng, móng, giằng tường BTCT đá 1x2 M250#. Phần thân kết cấu khung thép tiền chế, mái tôn. Các khung được liên kết bằng hệ xà gồ và giằng. Thép sử dụng $\Phi \geq 10\text{mm}$ dùng loại AII ($R_s=2800\text{kg/cm}^2$), Thép $\Phi \leq 10\text{mm}$ dùng loại AI ($R_s=2300\text{kg/cm}^2$).

** Nhà chứa đất*

- Kiến trúc

Công trình xây dựng bằng bê tông hình chữ nhật, kích thước 78,40m x 30,64m. Diện tích xây dựng 2.402,2 m² quy mô 01 tầng, diện tích sàn 2.402,2 m². Chiều cao công trình tính cos 0,00 đến đỉnh mái là 9 m, cos nền xây dựng công trình cao hơn so với cos sân đường nội bộ là +0,15 m.

- Kết cấu:

Phần móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 M250#, dầm giằng, móng, giằng tường BTCT đá 1x2 M250#. Phần thân kết cấu khung kết cấu thép tổ hợp, khung ngang là khung moment với liên kết chân cột là liên kết khớp kết nối cột thép với cổ cột bê tông cốt thép, dọc nhà sử dụng những khung giằng để kết nối các khung ngang lại với nhau và đảm bảo ổn định tổng thể cho kết cấu nhà. Hệ tường cao 3m là hệ kết cấu bê tông cốt thép chịu tải ngang độc lập. Kết cấu xà gồ sử dụng kết cấu thép thành mỏng cường độ cao Xà Gồ Z mạ kẽm. Xà gồ mái là dầm liên tục và có gối đỡ tại vị trí kèo thép. Hệ mái tôn bắt vít độ dày dự kiến 0,45mm, tôn mái cung cấp giằng ngang cho xà gồ mái. Thép sử dụng $\Phi \geq 10\text{mm}$ dùng loại AII ($R_s=2800\text{kg/cm}^2$), Thép $\Phi \leq 10\text{mm}$ dùng loại AI ($R_s=2300\text{kg/cm}^2$).

** Nhà ủ đất*

- Kiến trúc

Công trình xây dựng bằng bê tông hình chữ nhật, kích thước 24,4m x 35,45m. Diện tích xây dựng 865 m² quy mô 01 tầng, diện tích sàn 865 m². Chiều cao công trình tính cos 0,00 đến đỉnh mái là 9 m, cos nền xây dựng công trình cao hơn so với cos sân đường nội bộ là +0,15 m.

- Kết cấu:

Phần móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 M250#, dầm giằng, móng, giằng tường BTCT đá 1x2 M250#. Phần thân kết cấu khung kết cấu thép tổ hợp, khung ngang là khung moment với liên kết chân cột là liên kết khớp kết nối cột thép với cổ cột bê tông cốt thép, dọc nhà sử dụng những khung giằng để kết nối các khung ngang lại với nhau và đảm bảo ổn định tổng thể cho kết cấu nhà. Hệ tường cao 3m là hệ kết cấu bê tông cốt thép chịu tải ngang độc lập. Kết cấu xà gồ sử dụng kết cấu thép thành mỏng cường độ cao Xà Gồ Z mạ kẽm. Xà gồ mái là dầm liên tục và có gối đỡ tại vị trí kèo thép. Hệ mái

tôn bắt vít độ dày dự kiến 0,45mm, tôn mái cung cấp giằng ngang cho xà gồ mái. Thép sử dụng $\Phi \geq 10\text{mm}$ dùng loại AII ($R_s=2800\text{kg/cm}^2$), Thép $\Phi \leq 10\text{mm}$ dùng loại AI ($R_s=2300\text{kg/cm}^2$).

** Nhà đỡ gạch chín*

- Kiến trúc

Công trình xây dựng bằng bằng hình vuông, kích thước 30,4m x 30, 4m. Diện tích xây dựng 924,2 m² quy mô 01 tầng, diện tích sàn 924,2 m². Chiều cao công trình tính cos 0,00 đến đỉnh mái là 9 m, cos nền xây dựng công trình cao hơn so với cos sân đường nội bộ là +0,15 m.

- Kết cấu:

Phần móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 M250#, dầm giằng, móng, giằng tường BTCT đá 1x2 M250#. Phần thân kết cấu khung kết cấu thép tổ hợp, khung ngang là khung moment với liên kết chân cột là liên kết khớp kết nối cột thép với cổ cột bê tông cốt thép, dọc nhà sử dụng những khung giằng để kết nối các khung ngang lại với nhau và đảm bảo ổn định tổng thể cho kết cấu nhà. Hệ tường cao 3m là hệ kết cấu bê tông cốt thép chịu tải ngang độc lập. Kết cấu xà gồ sử dụng kết cấu thép thành mỏng cường độ cao Xà Gồ Z mạ kẽm. Xà gồ mái là dầm liên tục và có gối đỡ tại vị trí kèo thép. Hệ mái tôn bắt vít độ dày dự kiến 0,45mm, tôn mái cung cấp giằng ngang cho xà gồ mái. Thép sử dụng $\Phi \geq 10\text{mm}$ dùng loại AII ($R_s=2800\text{kg/cm}^2$), Thép $\Phi \leq 10\text{mm}$ dùng loại AI ($R_s=2300\text{kg/cm}^2$).

** Nhà vệ sinh*

- Kiến trúc

Công trình xây dựng bằng bằng hình chữ nhật, kích thước 5,89m x 6,92m. Nhà cấp 4, diện tích xây dựng 40,8 m² quy mô 01 tầng, diện tích sàn 40,8 m². Chiều cao công trình tính cos 0,00 đến đỉnh mái là 4 m, cos nền xây dựng công trình cao hơn so với cos sân đường nội bộ là +0,45 m.

- Kết cấu

Phần móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 M250#, dầm giằng, móng, giằng tường BTCT đá 1x2 M250#. Tường xây gạch chi VXM mác 75#, trát tường trong nhà VXM mác 75#, trát gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà VXM mác 75. Mái vì kèo thép lợp tôn chống nóng; tường lăn sơn màu chỉ định 1 lớp lót 2 lớp màu. Sàn sử dụng gạch ceramic KT 300x300.

** Đất sân thành phẩm*

- Diện tích xây dựng 2.971 m². Bố trí khu vực tập kết thành phẩm của nhà máy.

- Kết cấu nền đổ bê tông đá 1x2 dày 15 cm, đánh bóng bề mặt.

** Bãi tập kết vật liệu*

- Diện tích xây dựng 3.455,4 m². Bố trí khu vực tập kết vật liệu của nhà máy.

- Kết cấu nền đổ bê tông đá 1x2 dày 15 cm, đánh bóng bề mặt.

b. Đối với các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật

** Đất cây xanh*

Quy hoạch cây xanh cảnh quan với tổng diện tích 9.860,4 m².

- Bố trí cây xanh công cộng, giải cây xanh cách ly, bãi đỗ xe được bố trí trong từng lô đất cụ thể, và được thiết kế trong các bước thiết kế kỹ thuật từng cụm công trình.

- Cao độ khống chế tại các nút ngã tư là cao độ hoàn thiện tại tim đường ghi trên bản vẽ, cao độ vỉa hè được xác định từ cao độ tim đường trên cơ sở thiết kế độ dốc ngang đường 2.0%. Trong các lô đất sau khi thi công công trình cần hoàn thiện lại cao độ sân công trình theo hướng dốc ra các đường xung quanh.

- Tất cả các tuyến đường giao thông đều có dải cây xanh để giảm tiếng ồn, giảm bụi cho khu vực. Tùy theo mặt cắt đường có thể là cây bóng mát (vỉa hè >3,0m) hoặc cây bụi, bồn hoa trang trí (vỉa hè <3.0m), tạo các tuyến đi bộ dọc đường có cây xanh bóng mát.

** Đất giao thông, sân đường nội bộ*

- Hệ thống đường giao thông trong khu vực quy hoạch là các tuyến đường bao quanh các cụm công trình đã phân khu theo quy hoạch. Khớp nối mạng đường khu vực cơ sở với mạng đường đã có và quy hoạch chi tiết của khu vực xung quanh đồng thời tạo mối liên hệ với khu vực lân cận.

- Mạng đường giao thông nội bộ được bố trí theo dạng hỗn hợp tạo sự thuận lợi tiếp cận đến các khu chức năng.

- Độ dốc dọc đường được tính toán, thiết kế dưới 3% và khối lượng san lấp xây dựng tuyến đường là nhỏ nhất.

c. Đối với các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

** Hệ thống thu gom, thoát nước mưa*

- Quy hoạch hệ thống rãnh thoát nước mưa riêng hoàn toàn. Hệ thống thoát nước đảm bảo đầy đủ, đồng bộ từ tuyến thoát nước đến ga thu, giếng thăm đúng các yêu cầu kỹ thuật.

- Hệ thống thoát nước mưa ở đây được dự kiến là hệ thống thoát nước tự chảy hoàn toàn và là hệ thống riêng độc lập với hệ thống thoát nước thải.

- Theo đó hướng thoát nước chính của khu vực là hướng thoát từ phía Đông Bắc sang Tây Nam.

- Nước mưa được thu về hệ thống ga thu trên các tuyến đường, chảy vào các hệ thống rãnh thoát nước dọc các tuyến đường và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch chung đã duyệt. Độ sâu rãnh ban đầu đảm bảo khoảng cách từ đỉnh đáy dòng chảy đến nắp hố ga $\geq 0,5\text{m}$, độ dốc cống đảm bảo $\geq 0,3\%$. Khoảng cách các hố ga đảm bảo $25 \div 30\text{m}$.

- Để đảm bảo mỹ quan cho cơ sở, đảm bảo giữ được khoảng không gian để trồng cây xanh, đồng thời tuân thủ định hướng quy hoạch chung, hệ thống rãnh thoát nước mưa được cấu tạo bởi hệ thống rãnh chịu lực đặt ngầm dưới lòng đường..

- Việc thu nước mưa mặt đường, được thực hiện bởi các giếng thu nước trực tiếp đặt tại mép đường với khoảng cách giữa các ga được đảm bảo $25\text{m} - 35\text{m}$.

** Hệ thống thu gom, thoát nước thải*

- Hệ thống thoát nước thải tự chảy với khả năng tự làm sạch nên cống sử dụng cống HDPE D200, độ dốc tối thiểu thiết kế là 0,003; độ dốc tối đa 0,04.

- Các hố ga được bố trí với khoảng cách tính toán theo đường kính ống cống nhằm đảm bảo thuận tiện trong thu gom, thông tắc, nạo vét.
- Các đoạn qua đường, sử dụng ống BTCT chịu lực.
- Các hố ga có $H < 2\text{m}$ sẽ dùng kết cấu xây gạch, đáy nắp đan BTCT.
- Các hố ga có $H > 2\text{m}$ sẽ dùng kết cấu phần đáy sâu từ 1,5m trở xuống là BTCT; phần trên xây gạch, đáy nắp đan BTCT.

7.3. Tổ chức quản lý và thực hiện

- Phương án sử dụng lao động:
 - + Ban điều hành: Đại diện là ban giám đốc là người điều hành cao nhất, quyết định mọi công việc chính của cơ sở và chịu trách nhiệm toàn bộ.
 - + Trưởng các bộ phận
Là người giúp việc cho Ban giám đốc thực hiện các công việc được Ban giám đốc giao phó, trực tiếp chịu trách nhiệm về kỹ thuật kế hoạch kinh doanh, điều hành quản lý các bộ phận.
 - + Công tác tuyển dụng lao động
Việc tuyển chọn nhân viên sẽ ưu tiên cho con em trong khu vực xã Diên Lư và các vùng lân cận.



Hình 1. 5. Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định

- Dự án phù hợp với Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022 do trong quá trình đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phục vụ hoạt động sản xuất của dự án chủ cơ sở sẽ xây dựng hạ tầng kỹ thuật về thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Chủ động kiểm soát chặt chẽ quá trình công nghiệp hóa theo hướng thân thiện với môi trường, sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường.

- Dự án phù hợp Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đó việc đầu tư xây dựng dự án là hoàn toàn phù hợp quy hoạch phát triển tỉnh Thanh Hóa, giúp tỉnh Thanh Hóa sớm đạt được mục tiêu Phần đầu đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp nặng, công nghiệp năng lượng, chế biến, chế tạo; nông nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; dịch vụ logistics, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, văn hóa và thể thao.

- Quyết định số 1206/UBND-KT ngày 19/12/2025 của UBND xã Điền Lư về việc chấp thuận điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 8, Luật Bảo vệ môi trường thì UBND tỉnh có trách nhiệm “Tổ chức đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này; công bố thông tin về môi trường nước mặt trên địa bàn không còn khả năng chịu tải” đối với các sông, hồ nội tỉnh và nguồn nước mặt khác trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn chưa có thông tin công bố về khả năng chịu tải của các sông, hồ nội tỉnh. Do đó cơ sở đã thực hiện thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép, cụ thể như sau:

*** Đối với nước thải**

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, bể tách mỡ sau đó dẫn về bể khử trùng để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (*Áp dụng từ ngày giấy phép được cấp có hiệu lực đến ngày 31/12/2031*) và QCVN 14:2025/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (*Áp dụng từ ngày 01/1/2032*) sau đó được đầu nổi thoát ra mương phía Đông Bắc cơ sở.

*** Đối với bụi khí thải**

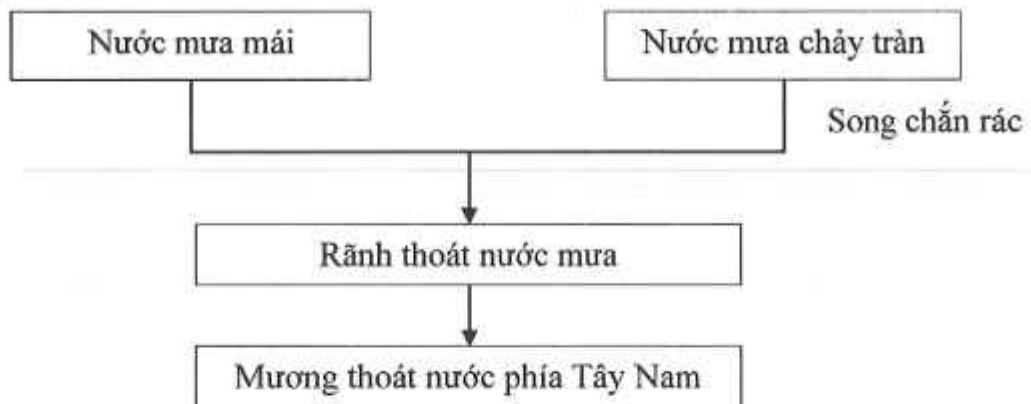
- Từ khi được cấp giấy phép đến ngày 31/12/2031, cam kết kiểm soát các thông số ô nhiễm bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường của các dòng khí thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $Kq=0,9$; $Kv=1,4$)
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (*Áp dụng từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực đến ngày 31/12/2031*) và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C) (*Áp dụng từ ngày 01/01/2032*).

* Đối với chất thải phát sinh: Nhà máy đã bố trí thùng chứa, kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, kho chứa chất thải nguy hại đồng thời bố trí các thiết bị lưu chứa nhằm thu gom triệt để chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải đi xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

- Nước mưa mái

Nước mưa mái tại khu vực các hạng mục công trình Nhà xưởng, Nhà bảo vệ, Nhà ăn nghỉ ca, Nhà chứa đất, Nhà ủ đất, Nhà dỡ gạch chín, Nhà văn phòng, ... được thoát theo độ dốc mái nhà xưởng dẫn về hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của nhà máy.

- Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn của cơ sở chảy về các hố ga sử dụng BTCT đá 1x2 mác M200 có cửa thu nước mặt đường bố trí lưới chắn rác bằng gang. Hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa kích thước B60 bố trí dọc các tuyến đường giao thông nội bộ của cơ sở. Độ sâu rãnh ban đầu đảm bảo khoảng cách từ đỉnh đáy dòng chảy đến nắp hố ga $\geq 0,5m$; độ dốc đảm bảo $\geq 0,3\%$. Khoảng cách các hố ga đảm bảo $25 \div 30m$. Tại các hố ga, nước mưa được lắng sơ bộ các cặn bẩn sau đó chảy về mương thoát nước phía Tây Nam cơ sở.

Bảng 3. 1. Thống kê khối lượng hạng mục thu gom, thoát nước mưa

TT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng
1	Rãnh B60	m	772,02
7	Hố ga thăm thu	Cái	25

(Nguồn: Bản vẽ tổng mặt bằng thoát nước mưa)

- Hệ thống thu gom thoát nước mưa được bố trí thoát nước theo chế độ tự chảy hoàn toàn và độc lập với hệ thống thu gom thoát nước thải.

- Hướng thoát nước mưa chính của cơ sở là hướng thoát từ phía Đông Bắc sang Tây Nam.

- Tọa độ 01 điểm đầu nổi thoát nước mưa (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): $X_1 = 2243333.61$; $Y_1 = 533722.8$.

- Các biện pháp khác: Chủ cơ sở sẽ bố trí lao công dọn dẹp vệ sinh mặt bằng nhà máy hàng ngày; thực hiện nghiêm túc quá trình thu gom, lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại, bố trí nhân viên môi trường chịu trách nhiệm kiểm tra đường thu nước, cống BTCT, ga thu thường xuyên để phát hiện hỏng hóc để có phương án khắc phục kịp thời; dự kiến định kỳ 6 tháng/lần, thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn tại ga thu nước

mưa đảm bảo công trình vận hành ổn định (thời điểm nạo vét là trước mùa mưa bão hoặc sau thời điểm mưa lớn kéo dài nhiều ngày).

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được thiết kế xây dựng đảm bảo thu gom và dẫn thoát nước mưa vào hệ thống thu gom, thoát nước chung của khu vực. Công trình thu gom, thoát nước mưa vào nguồn tiếp nhận của cơ sở được xây dựng bê tông hóa kiên cố, không có tình trạng tràn vỡ, không gây tắc nghẽn, ứ đọng và không làm ảnh hưởng tới khả năng tiêu thoát nước tại khu vực.

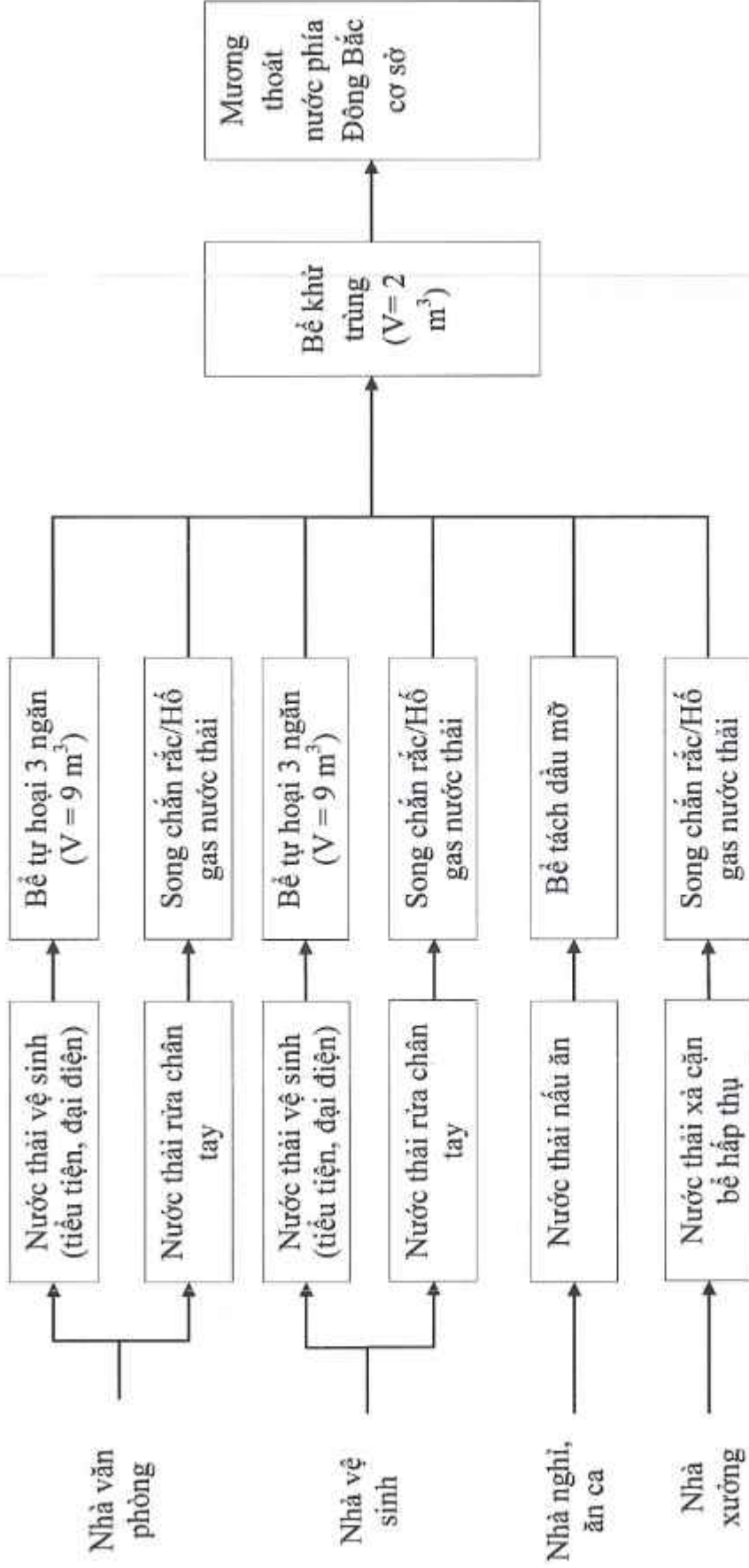
1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

Bảng 3. 2. Cân bằng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

TT	Mục đích	Nhu cầu nước cấp (m ³ /nđ)	Nước tuần hoàn (m ³ /nđ)	Nước bốc hơi, thất thoát (m ³ /nđ)	Ngấm vào nguyên liệu (m ³ /nđ)	Thoát ra môi trường (m ³ /nđ)
I	Hoạt động sinh hoạt	1,6	-	-	-	1,6
1	Tắm, rửa tay chân	0,64	-	-	-	0,64
2	Nhà ăn	0,32	-	-	-	0,32
3	Dội nhà vệ sinh	0,64	-	-	-	0,64
II	Hoạt động sản xuất	8	4	-	3	1
1	Quá trình phun ẩm ủ đất	3,5	-	-	3,5	-
2	Bể hấp thụ HTXLKT	5	4	-	-	-
III	Nước rửa đường	3,5	-	3,5	-	-
	Tổng	13,1	4	3,5	3	2,6

- Mạng lưới thu gom, thoát nước thải



Hình 3. 2. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải

a. Công trình thu gom, thoát nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Trong quá trình hoạt động, nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nguồn như Nhà văn phòng, Nhà vệ sinh, Nhà ăn nghỉ ca và bao gồm Nước thải từ thiết bị vệ sinh như xí, tiểu; nước thải nhà ăn và Nước thải từ hoạt động tắm, rửa tay chân.

* Công trình thu gom nước thải sinh hoạt

- Tuyến thu gom số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của Nhà văn phòng {gồm: nước thải tắm rửa tay chân qua song chắn rác; nước thải vệ sinh xí tiểu qua bể tự hoại 3 ngăn ($V = 9 \text{ m}^3$)} → Đường ống PVC D200; $L = 325\text{m}$; $i = 0,04 \%$ → Bể khử trùng ($V = 2 \text{ m}^3$) → Mương thoát nước thải khu vực phía Đông Bắc cơ sở.

- Tuyến thu gom số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của Nhà vệ sinh {gồm: nước thải tắm rửa tay chân qua song chắn rác; nước thải vệ sinh xí tiểu qua bể tự hoại 3 ngăn ($V = 9 \text{ m}^3$)} → Đường ống PVC D200; $L = 36,03 \text{ m}$; $i = 0,04 \%$ → Bể khử trùng ($V = 2 \text{ m}^3$) → Mương thoát nước thải khu vực phía Đông Bắc cơ sở.

- Tuyến thu gom số 03: Nước thải ăn uống từ Nhà nghỉ, ăn ca → Bể tách dầu mỡ ($V = 25\text{lít}$) → Đường ống PVC D200; $L = 297\text{m}$; $i = 0,30 \%$ → Bể khử trùng ($V = 2 \text{ m}^3$) → Mương thoát nước thải khu vực phía Đông Bắc cơ sở.

* Công trình thu gom nước thải sản xuất

- Tuyến thu gom số 04: Nước thải xả cặn bể hấp thụ → Đường ống PVC D200; $L = 104\text{m}$; $i = 0,04 \%$ → Bể khử trùng ($V = 2 \text{ m}^3$) → Mương thoát nước thải khu vực phía Đông Bắc cơ sở.

b. Công trình thoát nước thải

- Nước thải sau xử lý các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép, từ khi được cấp giấy phép đến ngày 31/12/2031, thực hiện kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt xả ra môi trường đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT cột B ($K=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; kể từ ngày 01/01/2032, thực hiện rà soát, cải tạo hoặc nâng cấp để đảm bảo nước thải xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung được đầu nối thoát ra mương thoát nước chung khu vực phía Đông Bắc cơ sở.

- Phương án đầu nối xả nước thải: Nước thải sau bể khử trùng được dẫn theo đường ống HDPE D200, $i = 0,04\%$, có chiều dài 17,78m về điểm đầu nối thoát nước thải vào mương thoát nước chung phía Đông Bắc cơ sở.

- Vị trí đầu nối xả nước thải (Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 0$, múi chiếu 3°):
 $X = 2243503.76$; $Y = 533991.93$.

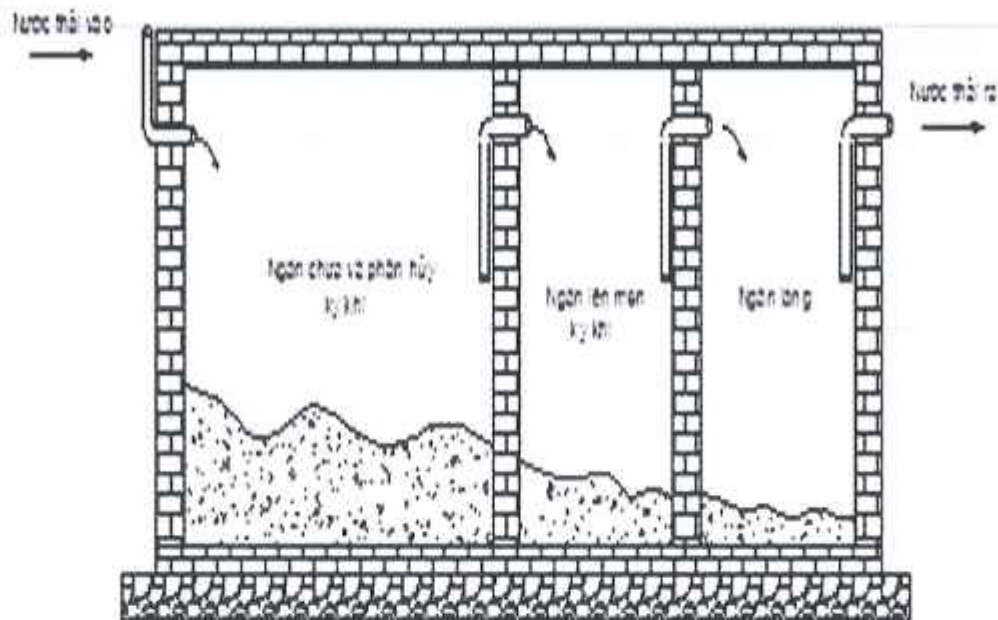
1.3. Xử lý nước thải

Bảng 3. 3. Thống kê các công trình xử lý nước thải của cơ sở

TT	Công trình	Số lượng	Thông tin
1	Bể tự hoại	02	- Vị trí: Nhà vệ sinh (13/TMB), Nhà văn phòng. - Bể 3 ngăn, thể tích $9 \text{ m}^3/\text{bể}$ ($D \times R \times H = 3 \times 2 \times 1,5\text{m}$). - Bể sử dụng kết cấu BTCT đá $1 \times 2 \text{ M}250$ đáy bể dày 35cm

			đặt trên nền bê tông lót đá 4x6 M100. Bể đặt ngầm.
2	Bể tách dầu mỡ	01	- Vị trí: Nhà nghỉ, ăn ca (5/TMB). - Thể tích 25 lít/bể. - Kết cấu: Inox.
1	Bể khử trùng	01	- Thể tích: 2 m ³ (DxRxH = 2x1x1 m). - Bể sử dụng kết cấu BTCT đá 1x2 M250, bê tông lót đá 4x6 M100. Nắp đậy bằng inox dày 3,2m.

1.3.1. Công trình bể tự hoại



Hình 3. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bể tự hoại có 03 ngăn kết cấu BTCT đặt ngầm gồm 01 ngăn chứa và 02 ngăn lắng. Nước thải ban đầu đi qua ngăn chứa, sau đó chảy qua ngăn lắng 1 rồi đến ngăn lắng 2 trước khi chảy ra môi trường. Bể tự hoại được xây dựng bằng bê tông gạch ngầm dưới đất là một công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân hủy chất hữu cơ. Các chất hữu cơ dạng rắn lắng xuống đáy bể và được giữ lại trong bể. Dưới tác động của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ dạng rắn và dạng hòa tan bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ không độc. Sau đó, nước thải được tập trung vào bể xử lý thoáng khí bổ sung để phân hủy các chất hữu cơ còn lại.

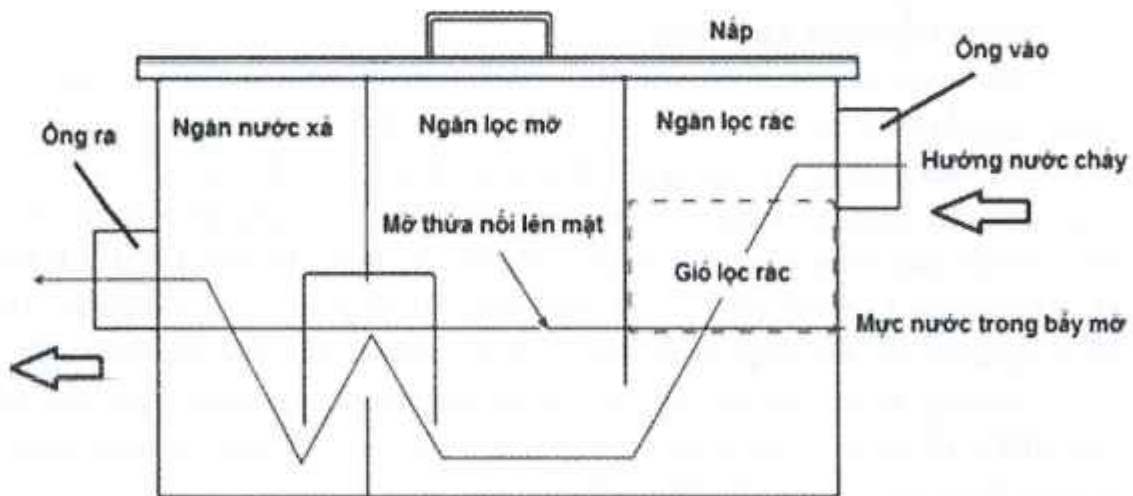
Trong bể tự hoại diễn ra quá trình lắng cặn và lên men, phân hủy sinh học kỵ khí cặn lắng. Các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các hydrocarbon, đạm, béo, ... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là CH₄, CO₂, H₂S, NH₃, ...). Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý nước thải và tốc độ phân hủy bùn cặn trong bể tự hoại: nhiệt độ và các yếu tố môi trường khác; lưu lượng dòng thải và thời gian lưu nước tương ứng; tải trọng chất bẩn (rất phụ thuộc vào chế độ dinh dưỡng của người sử dụng bể hay loại nước thải nói chung); hệ số không điều hoà và lưu lượng tối đa; các thông số thiết kế và cấu tạo bể: số ngăn bể, chiều cao, phương pháp bố trí đường ống dẫn nước vào và ra khỏi bể, qua các vách ngăn,

...Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng cho phép đạt hiệu suất lắng cặn trung bình 50 – 70% theo cặn lơ lửng (TSS) và 25 – 45% theo chất hữu cơ (BOD và COD). Các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần trong bể tự hoại, chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn và lắng xuống, hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn, do môi trường sống không thích hợp. Cũng chính vì vậy, trong phân bùn bể tự hoại chứa một lượng rất lớn các mầm bệnh có nguồn gốc từ phân và cần được thu gom lưu giữ, vận chuyển, xử lý đúng quy cách. Nước thải sau xử lý qua bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Công ty, xử lý đạt quy chuẩn đầu nối cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại, cơ sở thường xuyên bổ sung các chế phẩm vi sinh để đẩy nhanh quá trình lên men phân hủy sinh học với tần suất 15 ngày/1 lần; định kỳ 6 tháng/1 lần thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn lắng cặn trong bể tự hoại; 01 năm/ lần kiểm tra hệ thống đường ống xả nước thải của cơ sở.

1.3.2. Công trình bể tách dầu mỡ

- Công ty bố trí lắp đặt bể tách dầu mỡ bằng inox có thể tích chứa 25 lít/bể gọn nhẹ đặt tại chân bồn rửa, và có hệ thống cửa che đậy cẩn thận tránh mùi hôi thối và không gây ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực không gian bếp, thuận tiện cho việc thu gom văng dầu mỡ.



Hình 3. 4. Sơ đồ bể tách dầu mỡ

Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu:

- Giai đoạn 1: Lọc rác và phần mỡ thừa kích thước lớn

Trong quá trình nấu ăn, dọn rửa phần chất thải thực phẩm, lượng lớn dầu mỡ thừa cùng rác bẩn, nước thải được xả xuống đường ống và đi trực tiếp vào ngăn đầu tiên của bể tách mỡ. Tại đây, các chất thải cùng một phần mỡ thừa có kích thước lớn sẽ được giữ lại bởi lớp lưới lọc để tránh tắc nghẽn đường ống dẫn nước thải. Đồng thời rác thải tại ngăn chứa này cũng có tác dụng điều hòa tốc độ dòng nước vào bể để quá trình lọc tách mỡ diễn ra hiệu quả hơn.

- Giai đoạn 2: Tách mỡ ra khỏi nước

Nước thải có chứa lớp mỡ sẽ tiếp tục đi qua ngăn thứ 2. Ngăn này được thiết kế vách ngăn có tác dụng hướng dòng chảy để tách mỡ và nước thành 2 phần riêng biệt. Là bởi mỡ thừa có trọng lượng riêng nhẹ hơn nước, do đó sẽ nổi lên trên, phần nước bên dưới sẽ di chuyển theo vách hướng dòng để thoát qua ngăn số 3.

- Giai đoạn 3: Thu gom mỡ thừa

Đến cuối cùng, phần dầu mỡ dư thừa đã được tách ra khỏi nước thải và giữ lại trong bể chứa, có thể dễ dàng được thu gom thông qua ống thoát dầu mỡ và tiến hành xử lý đúng tiêu chuẩn. Quá trình thu gom mỡ thừa nên được thực hiện định kỳ để mang lại hiệu quả tốt nhất và đảm bảo vệ sinh. Phần nước thải được tách mỡ sẽ theo đường ống thải chảy ra ngoài.

1.3.3. Công trình bể khử trùng

Chủ cơ sở xây dựng 01 bể khử trùng có dung tích 2 m^3 (kích thước $D \times R \times H = 2 \times 1 \times 1 \text{ m}$) để xử lý nước thải sau xử lý sơ bộ từ bể tự hoại 3 ngăn và bể tách dầu mỡ trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực. Khử trùng có nhiệm vụ chứa nước và khử trùng tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh. Hóa chất được sử dụng để khử trùng nước thải là chất Clorin để khử trùng nước thải nhằm giảm lượng Coliform có trong nước thải trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau quá trình khử trùng đảm bảo các thông số nằm trong tiêu chuẩn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT cột B (K=1,2) (*Áp dụng từ ngày giấy phép được cấp có hiệu lực đến ngày 31/12/2031*) và QCVN 14:2025/BTNMT, Cột B (*Áp dụng từ ngày 01/1/2032*).

Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải sau xử lý các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép, từ khi được cấp giấy phép đến ngày 31/12/2031, thực hiện kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt xả ra môi trường đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT cột B (K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; kể từ ngày 01/01/2032, thực hiện rà soát, cải tạo hoặc nâng cấp để đảm bảo nước thải xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung được đầu nổi thoát ra mương thoát nước chung khu vực phía Đông Bắc cơ sở.

- Phương án đầu nổi xả nước thải: Nước thải sau bể khử trùng được dẫn theo đường ống HDPE D200, $i = 0,04\%$, có chiều dài 17,78m về điểm đầu nổi thoát nước thải vào mương thoát nước chung phía Đông Bắc cơ sở.

- Vị trí đầu nổi xả nước thải (*Toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^\circ 0$, múi chiều 3°*):
 $X = 2243503.76$; $Y = 533991.93$.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất

*** Bụi từ công đoạn cấp liệu**

- Trong các công đoạn sản xuất của Nhà máy, bụi sẽ phát sinh từ quá trình nạp nguyên liệu (tro bụi/than cám) vào thùng trộn sản xuất gạch. Tuy nhiên, theo công nghệ sản xuất của Nhà máy, nguyên liệu chứa trong silo được phân phối vào thùng trộn bằng vít tải. Vít tải được làm kín, nên ko làm cho nguyên liệu bay hơi hay bị gió thổi rơi ra

ngoài, do đó hạn chế được khả năng bay, bốc hơi, rơi ra ngoài làm hao hụt nguyên liệu và đặc biệt không phát sinh bụi ảnh hưởng tới sức khỏe CBCNV của Nhà máy.

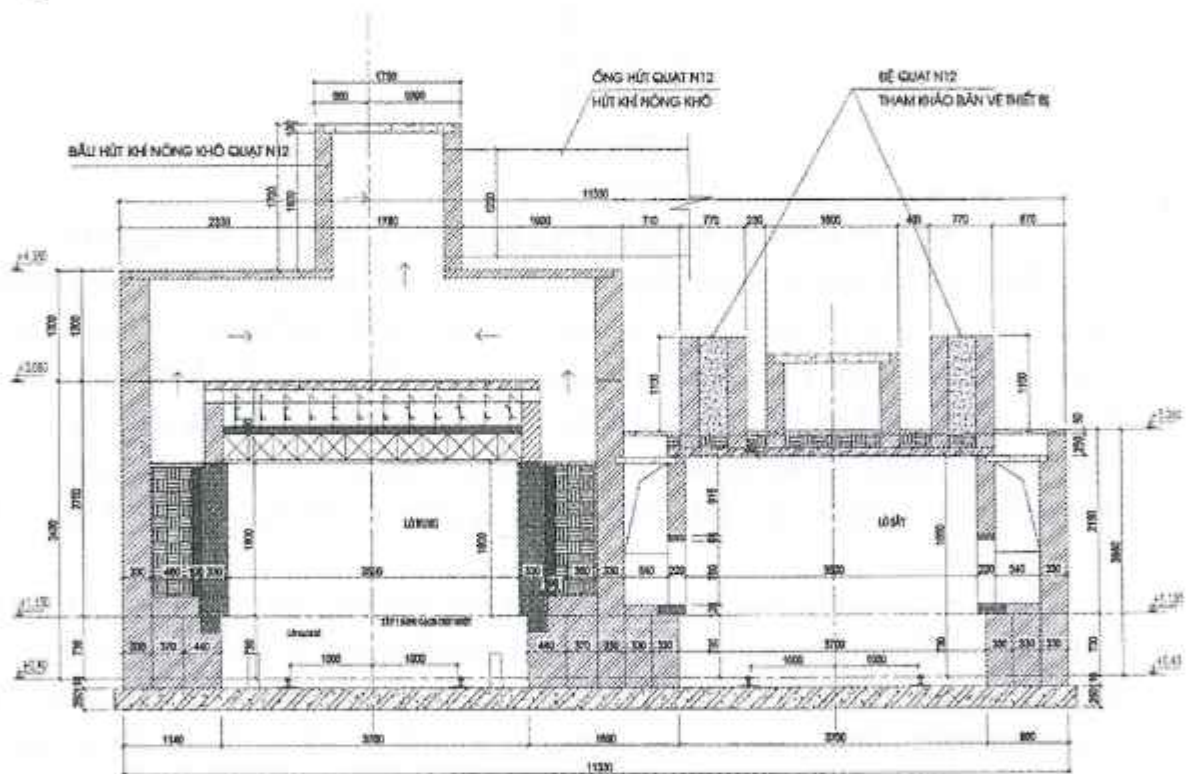
- Sử dụng trực vít tải để cấp phụ liệu tro bụi/than cám vào thùng trộn nhằm hạn chế làm phát sinh bụi thay vì cấp liệu bằng băng tải hở hoặc bằng thủ công;

- Lắp đặt ống lọc bụi bằng tay áo dạng túi vải nối từ miệng đầu ra của trực vít với đầu vào của thùng trộn

- Sử dụng thùng trộn kín để phối trộn nguyên liệu.

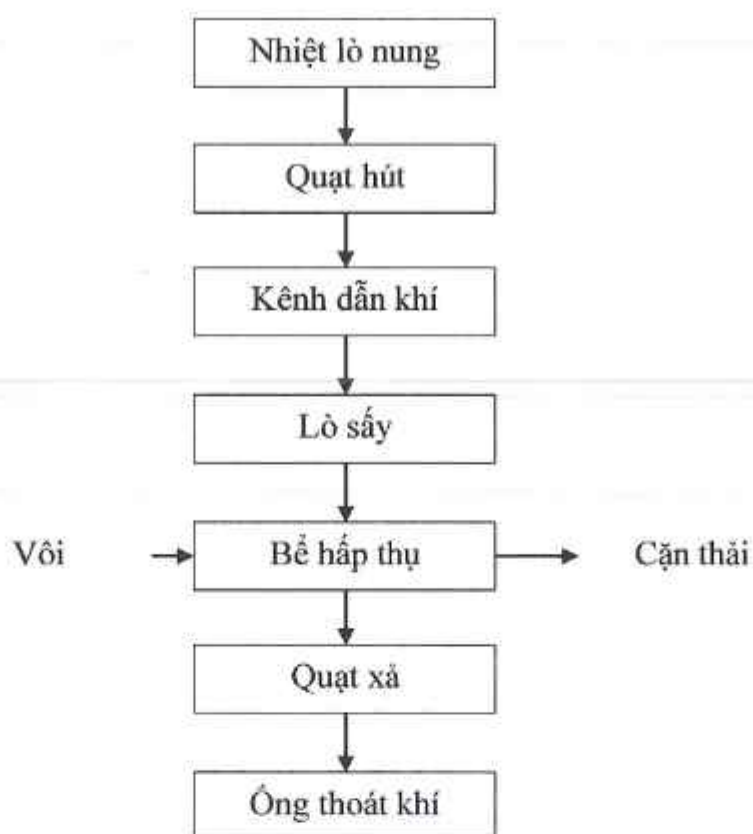
*** Bụi, khí thải từ quá trình nung sấy**

- Toàn bộ quá trình nung sấy gạch từ gạch mộc đến khi sản phẩm ra lò được thực hiện khép kín. Đầu tiên sử dụng năng lượng điện được thực hiện để cung cấp nhiệt cho lò nung. Sau quá trình nung khí thải lò nung có nhiệt độ trên 800 - 1200 °C, khí này được quạt hút đặt ở cuối lò nung hút quay lại lò sấy để tận dụng nhiệt sấy gạch. Khí thải sau quá trình khi sấy được quạt hút đặt tại khu vực lò sấy hút qua ống khói thoát ra môi trường.



Hình 3. 5. Mặt cắt lò nung sấy Tuynel

- Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò nung sấy



Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò nung sấy

Nhiệt từ khu vực lò nung được tận dụng chuyển sang vùng đốt nóng khu vực sấy gạch mộc. Khí thải từ vùng sấy được thải ra ngoài qua ống khói nhờ quạt hút. Sự tuần hoàn của khí thải cho phép tạo ra chế độ nhiệt và chế độ ẩm dịu hơn, làm cho nhiệt độ đồng đều trên tiết diện lò, giảm tác động có hại của không khí lạnh lọt vào. Lượng khói thải được tận dụng tối đa để sử dụng nhiệt thừa của khói lò nung đưa sang lò sấy mộc nhằm tiết kiệm nguyên liệu đốt. Điều này giúp giảm lượng bụi thải ra và giảm thiểu khí thải phát sinh.

Nhiệt dư, bụi, khí thải được dẫn vào kênh dẫn khí nóc lò. Dòng khí thải sẽ theo kênh dẫn khí dẫn vào bể hấp thụ. Tại đây dòng khí thải đi từ dưới đáy lên, nước dập bụi được bơm từ bể chứa nước (bể chia thành 2 ngăn lắng bụi) có bổ sung dung nước vôi trong theo đường ống chảy từ trên xuống, ngược lại với chiều đi của dòng khí. Khí thải sau quá trình hấp thụ đưa lên ống thoát khí cao 20 m, thoát ra môi trường.

- Danh mục công trình xử lý khí thải lò nung sấy

Bảng 3. 4. Hạng mục công trình xử lý khí thải lò nung sấy

TT	Hạng mục	Nội dung
1	Lò nung sấy hiện trạng	- Kích thước DxRxH: 94x8,8x2,8m - Xây gạch đặc tuynel - Quạt N18, N12, N12: Số lượng 1 - Ống khói cao 20m, Ø dưới 1,2m; Ø trên 1m.

* **Bụi, khí thải từ quá trình dỡ, vận chuyển gạch chín**

- Quá trình dỡ và vận chuyển gạch sau khi nung làm phát sinh bụi trong khu vực sản xuất. Tuy nhiên bụi này phát sinh ở nguồn thấp, có kích thước tương đối lớn nên khả năng phát tán không cao và không ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe công nhân. Để giảm

thiếu tác động này, cơ sở trang bị quạt thổi gió ở đầu lò sản phẩm để làm sạch sản phẩm gạch và thu hồi về các hố lắng bụi tro nơi hầm lò.

- Thường xuyên thu gom xỉ tro do than cháy sinh ra tại lò nung – sấy, thao tác gọn gàng tránh phát tán bụi tro. Xi than được thu gom ngay tại nơi phát sinh, sau đó đóng bao, cột kín để tránh rơi vãi và bị nước cuốn trôi trong quá trình vận chuyển và lưu trữ tại khu vực chứa chất thải rắn của nhà máy (khu vực này có mái che và tường rào bao quanh).

- Thường xuyên vệ sinh thu gom nguyên liệu rơi vãi trong khu vực nhà máy.

- Phun nước vào những ngày khô nắng tại các khu vực phát sinh nhiều bụi.

- Xây dựng chế độ bốc xếp nguyên vật liệu, sản phẩm hợp lý nhằm hạn chế phát tán bụi.

- Trang bị khẩu trang cho công nhân làm việc ở các công đoạn phát sinh nhiều bụi để hạn chế các tác hại do bụi phát sinh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân.

*** Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác**

- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên làm việc như: quần áo bảo hộ lao động, khẩu trang, găng tay, kính mắt, ...

- Chủ cơ sở sẽ quan tâm đến công tác vệ sinh công nghiệp trong khu vực sản xuất và kho chứa nguyên liệu, sản phẩm. Thường xuyên quét dọn đất, cát, nguyên liệu rơi vãi nhằm làm giảm lượng bụi khô phát tán vào không khí xung quanh và môi trường làm việc của cán bộ công nhân viên, đặc biệt là vào các ngày nắng nóng, gió nhiều. Tần suất quét dọn 1 lần/ngày. Các vật liệu này không nguy hại có thể dùng để tái sử dụng lại hoặc làm vật liệu cho san lấp nền cho các công trình trong Nhà máy.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên liệu về bãi chứa nguyên liệu của nhà máy sẽ được phủ kín bằng bạt để tránh bụi phát tán vào không khí

- Xung quanh khu vực nhà xưởng đảm bảo mật độ cây xanh theo quy hoạch để điều hòa vi khí hậu và tạo cảnh quan cho khu vực cơ sở.

- Bố trí nội quy vận hành máy móc, thiết bị tại khu vực làm việc.

2.2. Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của phương tiện giao thông, máy móc thiết bị

- Các xe tham gia vận chuyển nguyên liệu sản xuất và sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo “Quyết định số 19/2024/QĐ-TTg ngày 15/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về quy định lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp” Trong đó, % thể tích của khí CO trong khí thải không được vượt quá 4,5%. Không chuyên chở hàng hoá vượt trọng tải danh định.

- Các phương tiện ra vào khu vực Nhà máy phải tuân thủ theo đúng nội quy quy định của Nhà máy như: không được phóng nhanh vượt ẩu, không được tăng ga đột ngột, rú còi ầm ĩ trong khuôn viên nhà máy, ...), công nhân đi phương tiện (xe máy, xe đạp) phải xuống xe, dắt máy khi ra vào nhà máy.

- Khi dừng xe phải tiến hành tắt máy luôn không để máy chạy gây ồn và phát sinh khí thải ra môi trường khu vực.

- Tốc độ phương tiện di chuyển trên tuyến đường vận chuyển phải tuân thủ theo biển báo giới hạn tốc độ quy định cụ thể trên từng tuyến đường.

- Diện tích cây xanh trong khu vực cơ sở là 9.860,4 m², thành phần thực vật gồm cây long nhãn, bạch đàn nằm dọc tường rào xung quanh cơ sở và phân tách giữa khu vực nhà xưởng sản xuất với công trình hành chính (nhà ăn + nghỉ công nhân; nhà văn phòng, ...) vừa để tạo cảnh quan khu vực cơ sở vừa có tác dụng lọc bụi nhà máy.

- Cán bộ vệ sinh môi trường trong nhà máy có trách nhiệm dọn dẹp vệ sinh sân đường nội bộ cơ sở. Những ngày nắng nóng phun nước giảm bụi trên bề mặt sân đường nội bộ cơ sở tần suất 4 lần/ngày.

2.3. Khí thải phát sinh từ hệ thống điều hòa

- Thiết kế bố trí vị trí lắp đặt dàn nóng của máy điều hòa phù hợp để không ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường và đảm bảo bố trí tại khu vực thông thoáng.

- Vận hành hệ thống điều hòa đúng theo quy định, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống điều hòa tránh gây rò rỉ chất tải lạnh.

- Sử dụng hệ thống điều hòa đảm bảo về mặt môi trường: độ ồn thấp, không sử dụng các thiết bị dùng khí gas chứa các chất CFC, ...

2.4. Mùi, khí thải phát sinh từ các công trình xử lý môi trường

- Thường xuyên vệ sinh, nạo vét bùn lắng trên đường ống thoát nước. Bùn từ quá trình nạo vét được hợp đồng thu gom triệt để, tránh phát sinh mùi hôi.

- Thường xuyên vận hành hệ thống XLNT tập trung của cơ sở để nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Định kỳ 3 tháng 1 lần bổ sung vi sinh tương ứng cho bể phốt, bể khử trùng để tăng hiệu quả xử lý. Đảm bảo chất lượng nước thải sau hệ thống của cơ sở đạt quy chuẩn cho phép. Hạn chế mùi hôi phát sinh.

- Đối với công trình nhà vệ sinh: Khu vệ sinh sử dụng quạt hút mùi; bố trí cán bộ vệ sinh môi trường để thường xuyên dọn dẹp nhà vệ sinh. Công trình vệ sinh của cơ sở là nhà vệ sinh tự tiêu; không sử dụng nhà vệ sinh lộ thiên, nhà tro gây mất vệ sinh môi trường.

- Bổ sung men vi sinh Bio Phốt cho bể tự hoại 3 ngăn để nâng cao hiệu quả xử lý của công trình.

2.5. Mùi, khí thải từ hoạt động nhà ăn

- Đối với khu vực nhà bếp được bố trí tại nhà ăn ca, tách biệt hẳn với xưởng sản xuất. Ngoài ra khu bếp được thiết kế ngăn vách với khu vực phòng ăn và được trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.

- Lắp đặt 01 hệ thống quạt hút mùi tại khu vực bếp ăn, đồng thời sử dụng biện pháp thông thoáng tự nhiên để hạn chế ảnh hưởng của mùi tại phòng ăn.

- Thu gom thức ăn dư thừa, dọn vệ sinh, lau chùi sàn nhà ăn bằng nước rửa sát trùng.

- Sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện... để phục vụ nấu ăn.

- Lập kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống thu gom, thoát nước của khu vực để hạn chế mùi phát sinh do nước tù đọng.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

* Thành phần rác thải sinh hoạt

- Các chất hữu cơ: Thực phẩm thừa, giấy, ...

- Các chất vô cơ: Túi nilon, vỏ hộp nhựa, vỏ chai thủy tinh, kim loại, ...

* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại khu vực cơ sở như sau.

Lượng phát thải tính khoảng 0,9 kg/người/ngày (Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng). Định mức chất thải rắn phát sinh tại cơ sở đối với 32 cán bộ công nhân làm việc theo ca tại nhà máy là 0,3 kg/ngày. Định mức chất thải rắn đối với 8 cán bộ công nhân viên ăn 3 bữa nghỉ lại tại nhà máy là 0,9 kg/người/ngày.

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

TT	Hạng mục	Người	Khối lượng trung bình	Tổng
1	Cán bộ, công nhân viên làm việc theo ca	32	0,3 (kg/người)	9,6 kg/ngày
2	Cán bộ, công nhân viên nghỉ lại tại nhà máy	8	0,9 (kg/người)	7,2 kg/ngày
Tổng (kg/ngày)				16,8

* Biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Nhà máy bố trí thùng chứa tại các khu vực như nhà ăn, văn phòng làm việc, nhà nghỉ ca nhằm thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, cụ thể như sau:

- Khu vực nhà ăn:

+ Bố trí các xô đựng rác thể tích 5 lít, 10 lít đặt tại khu vực bàn ăn, phòng ăn.

+ Bố trí 3 thùng đựng rác có nắp đậy dung tích 60 lít đặt tại khu vực bếp nấu ăn.

- Khu vực nhà văn phòng:

+ Bố trí các xô đựng rác thể tích 5 lít, 10 lít đặt tại khu vực phòng làm việc, phòng vệ sinh.

+ Bố trí 2 cụm thùng nhựa composite (mỗi cụm 2 thùng dung tích 60 lít/thùng; 1 thùng chứa chất thải rắn vô cơ; 1 thùng chứa chất thải rắn hữu cơ) đặt tại 2 đầu hành lang.

- Khu vực sân đường nội bộ: Bố trí các cụm thùng nhựa composite (mỗi cụm 2 thùng dung tích 60 lít/thùng; 1 thùng chứa chất thải rắn vô cơ; 1 thùng chứa chất thải rắn hữu cơ) đặt tại sân đường nội bộ của cơ sở.

→ Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở trong quá trình hoạt động được tập kết về 2 thùng rác HDPE dung tích 660 lít, có bánh xe. Nhà máy không bố trí kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở chủ yếu từ hoạt động trong quá trình kinh doanh như bao bì, gạch mộc rơi vỡ, xỉ than, ...

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bảng 3. 6. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Chất thải rắn	ĐVT	Khối lượng
1	Bavia phế phẩm khâu mộc, tạo hình	Tấn/năm	30
2	Gạch vỡ, hỏng, loại sau nung	Tấn/năm	100
3	Gạch đỡ nung vỡ hỏng	Tấn/năm	10
4	Pallet gỗ hỏng	Tấn/năm	0,15
5	Lõi giấy (cuộn nilon bọc gạch thành phẩm)	Tấn/năm	0,10
6	Xi than	Tấn/năm	1
7	Bùn thải	Tấn/năm	1,5
Tổng			142,75

- Biện pháp thu gom:

+ Bavia phế phẩm khâu mộc, khâu tạo hình nhà máy được công nhân thu gom để tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

+ Gạch vỡ, hỏng, loại sau nung được thu gom, tập kết tại khu vực sân bãi phía Đông cơ sở. 1 phần được tận dụng để gia cố sân đường nội bộ, tuyến đường vận chuyển, 1 phần được bán lại cho các đơn vị trên địa bàn có nhu cầu.

+ Xi than được tập hợp thu gom và tận dụng cho quá trình sản xuất (trộn vào công đoạn cấp liệu làm nguyên liệu sản xuất gạch).

+ Pallet gỗ hỏng, lõi giấy thải bỏ tập kết vào khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường sau đó bàn giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển.

- Biện pháp xử lý: Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Do đặc điểm hoạt động của cơ sở là hoạt động kinh doanh, buôn bán các sản phẩm nên phát sinh một số chất thải nguy hại, tuy nhiên khối lượng phát sinh là không đáng kể, CTNH phát sinh cụ thể như: Dầu động cơ, hộp số; giẻ lau dính dầu mỡ; bao bì kim loại cứng thải nhiễm TPNH

- Thành phần, khối lượng CTNH:

Bảng 3. 7. Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, vật liệu nhiễm TPNH	18 02 01	50
2	Bao bì kim loại cứng thải nhiễm TPNH	18 01 02	30
3	Dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
5	Gạch chịu lửa	17 01 02	250
Tổng cộng			365

- Biện pháp thu gom, lưu giữ

+ Vị trí khu vực lưu giữ CTNH: cơ sở bố trí khu vực lưu giữ chất thải có diện tích khoảng 10 m².

+ Kết cấu khu vực CTNH:

Khu vực lưu giữ CTNH được bố trí xây dựng kiên cố. Nền đảm bảo cho việc chứa chất thải không bị hưng hồng cũng như đảm bảo kín khít, không rạn nứt. Cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, không bị nước mưa chảy vào từ bên trong. Khu vực lưu chứa có hệ thống thu gom nước mưa trên mái để thoát ra đường thu gom nước mưa cơ sở, không xâm nhập vào khu vực bên trong.

+ Thiết bị lưu chứa:

Bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng. Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009.

Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi (nguyên liệu hết hạn sử dụng, ...) có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi. Đối với cát, mùn cưa lẫn thành phần nguy hại (phát sinh trong quá trình xử lý sự cố) phải lưu trữ trong thùng kín, có nắp đậy, gắn nhãn, không đổ ra nền sàn kho.

- Dự án tuyệt đối không để CTNH (dầu thải, bao bì thải dính TPNH, pin, ...) ở ngoài trời, tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời.

- Biện pháp xử lý: Chủ cơ sở cam kết ký Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

* Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực xưởng sản xuất (hoạt động của Máy ủi, máy xúc, ...)

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút khu vực lò nung sấy tại Nhà xưởng.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

* Biện pháp giảm thiểu:

Theo công nghệ sản xuất của nhà máy, mức ồn, rung tại một số phân xưởng tương đối lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân lao động như:

- Khu vực máy phát điện dự phòng doanh và sản xuất, mức ồn cụ thể còn phụ thuộc vào nhà sản xuất, loại động cơ, đầu phát và vỏ chống ồn của máy.

- Ôn từ các phương tiện ra vào cơ sở mức ồn thường dao động từ 90-110dB khi các phương tiện đang hoạt động.

Để hạn chế tiếng ồn và chấn động trong nhà máy hơn nữa, Công ty thực hiện một số biện pháp như sau:

- Thiết kế hệ thống nhà xưởng thoáng, rộng, đủ không gian bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất, hành lang di chuyển,...

- Các thiết bị của dây chuyền sản xuất được lắp đặt chắc chắn trên các đệm cao su để giảm tiếng ồn và rung khi vận hành

- Chủ cơ sở sẽ định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các thiết bị, máy móc kỹ thuật chung theo đúng quy trình.

- Các thiết bị có phát sinh tiếng ồn, rung lớn như: Lắp đặt các thiết bị tại các khu vực cách xa xưởng sản xuất, nhà văn phòng nhà điều hành và các khu vực làm việc đông người.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân cho công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực máy móc thiết bị hoạt động phát ra tiếng ồn: Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc trong khu vực có mức ồn cao...

- Vận hành các máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật; định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị (máy nén khí, máy bơm,..) theo khuyến cáo của nhà sản xuất; lắp đặt thiết bị giảm âm cho máy nén khí để giảm thiểu tiếng ồn khi máy hoạt động,....

- Các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của nhà máy. Trong thời gian nhập hàng, xếp hàng hóa phải tắt máy, dùng xe để hạn chế tiếng ồn, độ rung, khí thải ảnh hưởng công nhân tham gia sản xuất của nhà máy.

- Đặt biển cấm bóp còi, rú ga đối với phương tiện giao thông di chuyển trong sân đường nội bộ của nhà máy.

- Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung là: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc (*Áp dụng đến hết ngày 31/12/2026*), QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*Áp dụng từ ngày 01/01/2027*).

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt độ và bức xạ nhiệt

Một số các biện pháp giảm thiểu tác động của nhiệt đến sức khỏe công nhân lao động trong các xưởng được Chủ đầu tư thực hiện trong giai đoạn hoạt động của dự án như sau:

- Từ khâu thiết kế kỹ thuật thi công, Chủ đầu tư đã lựa chọn giải pháp nhà khung thép công nghiệp. Chiều cao định hình trong nhà lớn để đảm bảo lưu thông thoát khí. Mái nhà, vách tường bao che sử dụng vật liệu tôn chống nóng, thiết kế ô thông gió trên mái nhà và quanh tường.

- Tại các xưởng sản xuất được lắp đặt hệ thống quạt thông gió công nghiệp (số lượng quạt được lắp phù hợp cho từng phân xưởng), đồng thời kiểm tra, giám sát thường xuyên điều kiện làm việc;

- Đối với vị trí chịu tác động nhiệt lớn như khu vực đúc ép nhựa, khu vực hàn, ... phía trên đầu mỗi vị trí làm việc của công nhân đều được bố trí quạt để đảm bảo yếu tố vi khí hậu cho công nhân làm việc.

- Nhiệt phát sinh từ các bức tường, mái nhà công trình, sân nền bê tông: đây là tác động bình thường do thời tiết nên để giảm thiểu tác động do nhiệt từ quá trình này Công ty trồng cây xanh xung quanh khu vực xưởng sản xuất và dọc 2 bên tuyến đường nội bộ và dải cây xanh cách ly với diện tích 20% theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

7.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới kinh tế, xã hội

- Chủ dự án có kế hoạch tuyển dụng lao động địa phương – giải pháp này sẽ góp phần tạo việc làm cho người dân địa phương, giảm thiểu tình trạng thất nghiệp.

- Dự án bố trí bảo vệ điều tiết các phương tiện ra vào, đồng thời, quản lý công nhân.

- Công ty phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để quản lý công nhân nhà máy. Cung cấp đầy đủ trang phục, thẻ cho công nhân tuyển dụng bổ sung.

- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu đã đưa ra, phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc môi trường định kỳ nhằm đánh giá hiệu quả xử lý của biện pháp giảm thiểu và có phương án điều chỉnh phù hợp đảm bảo rằng hoạt động sản xuất của Nhà máy đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tạo môi trường làm việc tốt cho công nhân sản xuất.

7.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do khai thác nước ngầm

Trong quá trình khai thác nước, Công ty thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định, quy trình kỹ thuật về khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước khai thác và môi trường liên quan.

- Theo dõi sự biến đổi mực nước, lưu lượng, chất lượng nước tại các giếng khai thác để điều chỉnh chế độ khai thác phù hợp.

- Lấy mẫu phân tích chất lượng nước theo định kỳ quy định, khi có sự cố bất thường phải báo cáo cơ quan cấp phép và cơ quan y tế đại phương để có biện pháp xử lý.

- Hàng năm báo cáo tới cơ quan cấp phép về tình hình khai thác, sử dụng nước và kết quả quan trắc mực nước, chất lượng nước tại các giếng khai thác.

- Kiểm soát và sửa chữa hệ thống rò rỉ: Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa các rò rỉ trong hệ thống cấp nước để tránh mất nước không cần thiết.

- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước: Sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như vòi sen, bồn cầu tiết kiệm nước để giảm lượng nước sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày.

- Hạn chế sử dụng nước dưới đất cho mục đích không cần thiết

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Không thay đổi.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

A. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại Nhà văn phòng (Bao gồm: Nước thải từ xí, tiểu được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; Nước thải tắm, rửa tay chân không đi qua bể tự hoại).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt tại Nhà vệ sinh (Bao gồm: Nước thải từ xí, tiểu được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; Nước thải rửa tay chân không đi qua bể tự hoại).

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt tại Nhà nghỉ + ăn ca (Bao gồm: Nước thải ăn uống qua bể tách dầu mỡ).

- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất tại Nhà xưởng (Bao gồm: Nước thải xả cặn bể hấp thụ).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Có 01 dòng nước thải sau bể khử trùng thể tích $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm xả ra môi trường tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước khu vực phía Đông Bắc cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép được thoát ra sông Tống.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3°): X = 2243503.76 (m); Y = 533991.93 (m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép

Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép là $2,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy (xả mặt)

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1,2) đến ngày 31/12/2031. Từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K = 1)	QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B)		
1	pH	-	5-9	5-9	Không	Không
2	Nhu cầu oxy	mg/l	60	≤ 35	thuộc đối	thuộc

	sinh hóa BOD ₅ (20 ⁰ C)				tượng	đôi tượng
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	-	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	≤ 60		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200	-		
6	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	≤ 0,5		
7	Amoni (Tinh theo N)	mg/l	12	≤ 8		
8	Tổng Nitơ		-	≤ 30		
9	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	-		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	≤ 15		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt/ Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	2	≤ 5		
12	Tổng Phot pho (T-P)	mg/l	-	≤ 6		
13	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	-		
14	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000	≤ 5.000		

B. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, Khí thải phát sinh từ lò nung sấy tại Nhà xưởng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Có 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải xả ra môi trường tiếp nhận:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ nguồn số 01 sau hệ thống xử lý khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải

- Có 01 dòng khí thải ra môi trường, cụ thể:

Dòng khí thải số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 01.

- Vị trí xả thải: Khuôn viên nhà máy tại xã Diên Lư, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ các điểm xả khí thải (theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 105° , múi chiếu 3°) cụ thể như sau: Ống thoát khí tương ứng với dòng khí thải số 01: Toạ độ vị trí xả khí thải X_1 (m) = 2220401; Y_1 (m) = 587632.

2.2. Lưu lượng xả khí thải

- Dòng khí thải số 01 lưu lượng xả khí thải tối đa là $28.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục khi dự án hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Kể từ ngày giấy phép có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2031, chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường của các dòng khí thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $Kq=0,9$; $Kv=1,4$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thải ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m^3/h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Áp suất	mBar	-		
3	Nhiệt độ	$^\circ\text{C}$	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm^3	252		
5	SO_2	mg/Nm^3	630		
6	NO_2	mg/Nm^3	1.071		
7	CO	mg/Nm^3	1.260		

- Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường của các dòng khí thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m^3/h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Áp suất	mBar	-		
3	Nhiệt độ	$^\circ\text{C}$	-		
4	Bụi PM	mg/Nm^3	≤ 100		
5	SO_2	mg/Nm^3	≤ 350		
6	NO_2	mg/Nm^3	≤ 500		
7	CO	mg/Nm^3	≤ 300		

C. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực xưởng sản xuất (hoạt động của Máy ủi, máy xúc, ...)

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút khu vực lò nung sây tại Nhà xưởng.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

- Kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực đến ngày 31/12/2026: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

TT	Thông số	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dBA		Tần suất quan trắc	Ghi chú
		Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	Tiếng ồn	70	55	-	Khu vực thông thường
2	Độ rung	70	60	-	

- Kể từ ngày 01/01/2027, Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn

TT	Thông số	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dBA			Tần suất quan trắc	Ghi chú
		Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	Tiếng ồn	70	65	60	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung

TT	Thông số	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dBA		Tần suất quan trắc	Ghi chú
		Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	Tiếng ồn	75	70	-	Khu vực D

D. Nội dung quản lý chất thải

1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
----	----------	---------	---------------------

1	Giẻ lau, vật liệu nhiễm TPNH	18 02 01	50
2	Bao bì kim loại cứng thải nhiễm TPNH	18 01 02	30
3	Dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
5	Gạch chịu lửa	17 01 02	250
Tổng cộng			365

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Chất thải rắn	ĐVT	Khối lượng
1	Bavia phế phẩm khâu mộc, tạo hình	Tấn/năm	30
2	Gạch vỡ, hỏng, loại sau nung	Tấn/năm	100
3	Gạch đỡ nung vỡ hỏng	Tấn/năm	10
4	Pallet gỗ hỏng	Tấn/năm	0,15
5	Lõi giấy (cuộn nilon bọc gạch thành phẩm)	Tấn/năm	0,10
6	Xi than	Tấn/năm	1
7	Bùn thải	Tấn/năm	1,5
Tổng			142,75

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Hạng mục	Tổng
1	Chất thải sinh hoạt	5,2 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 5 thùng phuy có nắp đậy, dung tích 60 – 220 lít, có dán mã CTNH, biển cảnh báo.

Bảo đảm lưu chứa an toàn CTNH Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng. Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009.

Thiết bị lưu chứa CTNH ở thể lỏng hoặc có thành phần nguy hại dễ bay hơi (nguyên liệu hết hạn sử dụng, ...) có nắp đậy kín, biện pháp kiểm soát bay hơi. Đối với cát, mùn cưa lẫn thành phần nguy hại (phát sinh trong quá trình xử lý sự cố) phải lưu trữ trong thùng kín, có nắp đậy, giãn nhãn, không đổ ra nền sàn kho.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

+ Vị trí khu vực lưu giữ CTNH: Dự án bố trí khu vực lưu giữ chất thải có diện tích 10 m² (TR/TMB).

+ Kết cấu khu vực CTNH: Có tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn, nền lát đồ bê tông, có rãnh, hố thu chất lỏng rò rỉ được bố trí bên trong các ô lưu chất thải. Mỗi ô lưu giữ chất thải có bố trí các thùng chứa, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Trong kho có các thiết bị ứng phó sự cố môi trường, phòng ngừa, chữa cháy.

+ Kho lưu chứa CTNH đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại, có lắp đặt hệ thống thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Định kì chuyển giao chất thải nguy hại cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chủ đầu tư bố trí các bao nilon, thùng chứa để lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- 01 Kho lưu chứa được xây dựng kiên cố, có mái che, nền chống thấm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa có dung tích 40 – 60 lít và thùng 120 lít đặt tại khu vực nhà ăn ca, nghỉ ca công nhân, khu vực nhà xưởng, sân đường nội bộ.

- Hàng ngày, công nhân vệ sinh sẽ thu gom vào thùng thùng rác HDPE dung tích 120 - 240 lít, có bánh xe để chờ đưa đi xử lý.

2.3.2. Khu lưu chứa:

Dự án không bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, thực hiện thu gom vào thùng chứa, tập kết ở khu vực công để chờ đưa đi xử lý. Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

Chương V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

- Ngày 01/12/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 3939/QĐ-UBND về việc Thu hồi đất do UBND xã Điền Trung, huyện Bá Thước (nay là xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa) và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sản xuất sản xuất sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án: Xây dựng Nhà máy gạch Tuynel.

- Ngày 16/01/2012, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn – Bá Thước, công suất 40 triệu QTC/năm và vùng khai thác nguyên liệu tại xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa) tại Quyết định số 212/QĐ-UBND.

- Trong khoảng thời gian từ năm 2013 – 2021, Công ty đã hoàn thiện quá trình xây dựng các hạng mục công trình và đi vào vận hành hoạt động sản xuất gạch tuynel. Tuy nhiên do tình hình hoạt động kinh tế, sản xuất, nhu cầu thị trường thay đổi, hạng mục công trình sản xuất xuống cấp, tình hình sản xuất của Công ty không đạt hiệu quả, sản phẩm tiêu thụ kém dẫn đến kế hoạch sản xuất không đảm bảo hiệu quả kinh tế như mong muốn.

- Do đó, năm 2022 Nhà máy đã dừng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm định hướng lại kế hoạch sản xuất kinh doanh hướng tới việc sản xuất hợp lý, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm tăng hiệu quả kinh tế.

- Ngày 19/12/2025, UBND xã Điền Lư đã ban hành Quyết định số 1206/UBND-KT về việc chấp thuận điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa (Nhà máy thực hiện cải tạo một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp nhằm đáp ứng nhu cầu về quy mô, đồng bộ dây chuyền sản xuất).

Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Căn cứ khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026: “Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3, Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách dầu mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định)” không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

- Căn cứ Điều 31, Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án như sau:

Bảng 5. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường

STT	Công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	Số lượng công trình	Thời gian dự kiến	
			Bắt đầu	Kết thúc
1	Hệ thống xử lý khí thải lò nung sậy	1	01/6/2026	01/9/2026

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Tần suất quan trắc ít nhất 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra).

Bảng 5. 2. Thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc

Thời gian	Lấy mẫu khí thải	
	Đầu vào	Đầu ra
18/7/2026		√
19/7/2026		√
20/7/2026		√

* Hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Vị trí giám sát:

Mẫu khí thải tại 01 ống thoát khí tại hệ thống xử lý khí thải từ khu vực lò nung sậy tại Nhà xưởng.

- Các chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi tổng, SO₂, NO₂, CO.

- Quy chuẩn áp dụng:

Dòng khí thải số 01 chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $Kq=0,9$; $Kv=1,4$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thải ra môi trường.

* Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

- Công ty TNHH Công nghệ và Phân tích Môi trường Vielab

- Địa chỉ: Số 15, ngõ 68 đường Phú Vinh, xã An Khánh, Thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số 18/GCN-BNNMT, ngày 19/05/2025, mã số chứng nhận VIMCERTS 338.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo Điều 111, 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15; Điều 97, điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 thì cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải và khí thải.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Không thuộc đối tượng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

- Không thuộc đối tượng

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

- Không

**Chương VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ
MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC
PHÂN LOẠI XANH**

Cơ sở không thuộc đối tượng đáp ứng tiêu chí môi trường theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Công ty cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan, cụ thể như sau:

2.1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Cam kết tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*Áp dụng từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực đến ngày 31/12/2026*) và QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*Áp dụng từ ngày 01/01/2027*).

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động để đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $Kq=0,9$; $Kv=1,4$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (*Áp dụng từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực đến ngày 31/12/2031*) và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C) (*Áp dụng từ ngày 01/01/2032*).

2.2. Thu gom, xử lý nước thải

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động để đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B ($K=1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (*Áp dụng từ ngày giấy phép được cấp có hiệu lực đến ngày 31/12/2031*) và QCVN 14:2025/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (*Áp dụng từ ngày 01/1/2032*).

2.3. Thu gom chất thải rắn

- Chủ cơ sở cam kết quản lý chất thải rắn theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn. Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xèng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung trong giấy phép môi trường được phê duyệt.
- Thực hiện các biện pháp kiểm soát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải trong quá trình hoạt động dự án.
- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải, thiết bị xử lý khí thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của các hệ thống xử lý nước thải.
- Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng quy định của nhà nước.
- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, các Quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường;
 - Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ sự cố đối với các Hệ thống xử lý nước thải, thiết bị xử lý khí thải và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.
 - Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở ./.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2801664422

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 02 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 07 tháng 10 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SON - BÁ THUỐC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAM SON - BA THUOC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Phố 3, Thị trấn Cảnh Nang, Huyện Bá Thuộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Điện thoại: 0911201965

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.800.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ VĂN PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 05/11/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038077009994

Ngày cấp: 31/10/2019

Nơi cấp: Cục trưởng cục cachsr sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: số nhà 23 đường Đinh Lễ - Tiểu khu 2, Thị trấn Thiệu Hòa, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: số nhà 23 đường Đinh Lễ - Tiểu khu 2, Thị trấn Thiệu Hòa, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Thọ

Số:



GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Thanh Hoá*

Địa chỉ trụ sở: *Số 45 đại lộ Lê Lợi, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Điện thoại: *0237 385 1450* Fax:

Email: *skhdth@gmail.com* Website:

http://skhdth.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN BÀ THUỐC**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2801664422

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chăn nuôi khác	0149
2	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
5	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
9	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
10	Phá dỡ	4311
11	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14	Trồng cây mía	0114(Chính)
15	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
16	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
17	Trồng cây hàng năm khác	0119



STT	Tên ngành	Mã ngành
18	Trồng cây ăn quả	0121
19	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
20	Trồng cây lâu năm khác	0129
21	Chăn nuôi gia cầm	0146
22	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
23	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
24	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
25	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
26	Khai thác và thu gom than bùn	0892
27	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
28	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
29	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
30	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
31	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
32	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
33	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
34	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
35	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
36	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
37	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
38	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
39	Khai thác gỗ	0220
40	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
41	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
42	Bán buôn thực phẩm	4632
43	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
44	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
46	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
47	Xây dựng công trình công ích khác	4229
48	Nhân và chăm sóc cây giống hằng năm	0131
49	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
50	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
51	Xây dựng công trình điện	4221
52	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
53	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
55	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
56	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
57	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
58	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa không bao gồm môi giới, đấu giá	4610

STT	Tên ngành	Mã ngành
59	Đại lý du lịch	7911
60	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
61	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
62	Điều hành tua du lịch	7912
63	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
64	Xây dựng nhà ở	4101
65	Xây dựng nhà không ở	4102
66	Xây dựng công trình đường sắt	4211
67	Xây dựng công trình đường bộ	4212
68	Xây dựng công trình thủy	4291
69	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
70	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
71	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
72	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN - BÀ THƯỚC. Địa chỉ: Phô 3, Thị Trấn Cảnh Năng, Huyện Bá Thước, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

.....
- Lưu: Quách Văn Trung.....

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Văn Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 26121000001

Chứng nhận ngày 07 tháng 01 năm 2014

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ các Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ các Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hoá tại Tờ trình số 3065/SKHĐT-KTĐN ngày 23/12/2013 và Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Chứng nhận nhà đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước.

Trụ sở chính: Phố 3, thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2801664422 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 18/02/2011.

Vốn điều lệ: 18 tỷ đồng (mười tám tỷ đồng).

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Lê Thanh Tùng - Chủ tịch HĐQT.

Sinh ngày: 04/10/1959

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 171474699

Ngày cấp: 01/6/2007; Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 543 Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện tại: Lô 23, khu nhà vườn Mai Xuân Dương, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nội dung đăng ký thực hiện dự án đầu tư.

Điều 1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước.

Điều 2. Địa điểm thực hiện dự án và diện tích đất dự kiến sử dụng:

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Điền Trung, huyện Bá Thước.

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 22,1ha.

Điều 3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu: Sản xuất gạch, ngói làm vật liệu xây dựng để cung cấp cho các công trình xây dựng trong khu vực, góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương và tăng nguồn thu ngân sách.

- Quy mô: Công suất 40 triệu viên QTC/năm.

Điều 4. Vốn đầu tư thực hiện dự án: 50,188 tỷ đồng (Năm mươi tỷ, một trăm tám mươi tám triệu đồng).

Trong đó: Vốn tự có của Công ty: 15,056 tỷ đồng và vốn vay ngân hàng: 35,132 tỷ đồng.

Điều 5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án:

- Khởi công xây dựng: Tháng 01/2014.

- Hoàn thành, đưa dự án vào hoạt động: Tháng 7/2014.

Điều 7. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Dự án Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước của Công ty thực hiện tại xã Điền Trung, huyện Bá Thước là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (theo Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư). Do đó, nếu Công ty thực hiện đúng với hồ sơ đăng ký và thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán thì dự án trên được hưởng các ưu đãi như sau:

- Được miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào sử dụng đối với phần diện tích đất được Nhà nước cho thuê để thực hiện dự án trên (theo Điểm c, Khoản 10, Điều 2, Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ).

- Được giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với phần diện tích được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất cho Công ty để thực hiện dự án trên (theo Điểm b, Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 44/2008/NĐ-CP ngày 09/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất).

- Được miễn tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (theo Khoản 1, Điều 9, Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 ngày 17/6/2010).

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 2 (hai) bản gốc: Nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại UBND tỉnh Thanh Hoá. Giấy chứng nhận được sao gửi đến: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hoá./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

QUYẾT ĐỊNH

V/v Thu hồi đất do UBND xã Điền Trung, huyện Bá Thước quản lý giao cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án: Xây dựng Nhà máy gạch Tuynel.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giao đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Xét Đơn xin giao đất ngày 02/11/2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 680/TTr-STNMT ngày 22/11/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi đất do UBND xã Điền Trung, huyện Bá Thước quản lý giao cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án: Xây dựng Nhà máy gạch Tuynel. Cụ thể như sau:

- Tổng diện tích khu đất: 42.404 m², trong đó:

+ Thu hồi 1.682 m² đất (đất giao thông) do UBND xã Điền Trung quản lý, giao cho Công ty.

+ Cho phép Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước chuyển mục đích sử dụng 40.722 m² đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp, giao cho Công ty.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 618/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 11/11/2011.

- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng Nhà máy gạch Tuynel.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Thời hạn giao đất: 50 năm, tính từ ngày ký Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế Thanh Hóa, UBND huyện Bá Thước và các đơn vị có liên quan xác định tiền sử

dụng đất Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước phải nộp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Kiểm tra việc thực hiện quyết định này; chủ trì, chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bá Thước, UBND xã Điền Trung bàn giao đất tại thực địa cho Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty, khi Công ty hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất; chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc và các đơn vị có liên quan chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Kiểm tra, giám sát việc chuyển mục đích sử dụng rừng, hướng dẫn Chủ đầu tư, Chủ rừng lập hồ sơ khai thác tận thu lâm sản, thanh lý rừng (nếu có) trình duyệt theo quy định của pháp luật; chỉnh lý hồ sơ giao đất lâm nghiệp, hồ sơ cập nhật diễn biến tài nguyên rừng theo quy định; giám sát chặt chẽ việc tận thu lâm sản, thực hiện nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng, nghiêm cấm lợi dụng tận thu lâm sản để khai thác buôn bán lâm sản trái phép.

4. Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước: Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; nộp tiền sử dụng đất đầy đủ theo quy định, có Văn bản báo cáo, kèm theo giấy tờ chứng minh đã hoàn thành việc nộp tiền sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường để làm cơ sở bàn giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật hiện hành; sử dụng đất đúng diện tích, đúng vị trí, đúng mục đích và chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy.

5. UBND huyện Bá Thước: Kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất, đầu tư xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước theo quy hoạch và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

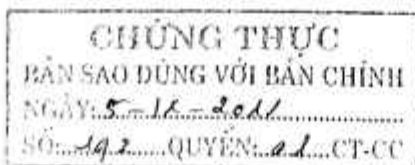
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Bá Thước, Chủ tịch UBND xã Điền Trung, Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;

- Lưu: VT, NN.

(Truc141)



CÔNG CHỨNG VIỆN

toan

Võ Nguyễn Ngọc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung nội dung với nội dung nêu trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải làm lại ngay với cơ quan cấp Giấy.



1 4 9 3 5 1 1 0 0 0 4 2 3



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

- 1. Người sử dụng đất: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Lâm Sơn - Bà Thước
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2801664422; do phòng Đăng ký kinh doanh: Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 18/02/2011
- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Diên Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá

BH 065279

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất.

- a) Thửa đất số: 350, tờ bản đồ số: 21
- b) Địa chỉ: Xã Điện Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá
- c) Diện tích: 42.404 m² (bốn hai nghìn bốn trăm linh bốn mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (xây dựng Nhà máy gạch Tuynel)
- đ) Mục đích sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
- g) Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
- e) Thời hạn sử dụng đất: 50 năm (tính từ ngày 01/12/2011)

2. Công trình, xây dựng khác: -/-

3. Ghi chú:

- Thửa số 350 tờ số 21, là thửa mới tạo thành theo Trích lục bản đồ địa chính lưu đất số 61/TLBĐ do Văn phòng ĐKQSD đất, Sở TN&MT lập ngày 11/11/2011.

III. Sơ đồ thửa đất.

(Tỷ lệ 1/5000)



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 04 năm 2012

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Đình Xinh

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Lực

Thanh hóa, ngày 19 tháng 4 năm 2012.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 880 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước.
Người đại diện: ông Lê Thanh Tùng, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: số nhà 121, phố 1, thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước.

2. Được phép xây dựng công trình: nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng.

Tên công trình: Nhà máy gạch Tuynen Lam Sơn – Bá Thước;

Vị trí xây dựng: thôn Điền Trúc và thôn Điền Thái, xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa;

Chi giới xây dựng: tuân thủ theo Tổng mặt bằng xây dựng nhà máy đã được UBND huyện Bá Thước phê duyệt ngày 10/11/2011.

Hạng mục 1: Nhà thường trực số 1 + bán hàng.

Diện tích xây dựng : 74,2 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 74,2 m²;

Chiều cao công trình: +6,6m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,45m.

Hạng mục 2: Nhà bao che lò nung – Hầm sấy.

Diện tích xây dựng : 3.840,0 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 3.840,0 m²;

Chiều cao công trình: Phần mái +10m; ống khói +25m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,85m.

Hạng mục 3: Nhà để xe.

Diện tích xây dựng : 135,0 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 135,0 m²;

Chiều cao công trình: +3,06 m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,20m.

Hạng mục 4: Nhà văn phòng.

Diện tích xây dựng : 184,8 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 184,8 m²;

Chiều cao công trình: 5,58m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,45m.

Hạng mục 5: Nhà ăn ca.

Diện tích xây dựng : 214,2 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 214,2 m²;

Chiều cao công trình: +6,45 m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,45m.

Hạng mục 6: Nhà nghỉ ca công nhân.

Diện tích xây dựng : 190,0 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 190,0 m²;

Chiều cao công trình: +5,61m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,51m.

Hạng mục 7: Nhà vệ sinh.

Diện tích xây dựng : 28,8 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 28,8 m²;

Chiều cao công trình: +4,20 m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,30m.

Hạng mục 8: Nhà bảo vệ.

Diện tích xây dựng : 9,0 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 9,0 m²;

Chiều cao công trình: +3,60 m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,20 m.

Hạng mục 9: Nhà chứa đất.

Diện tích xây dựng : 540,0 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 540,0 m²;

Chiều cao công trình: +9,0 m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m thấp hơn cốt sân hoàn thiện 0,20m.

Hạng mục 10: Nhà phơi gạch mộc.

Diện tích xây dựng : 8.640,0 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 8.640,0 m²;

Chiều cao công trình: +4,5 m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m thấp hơn cốt sân hoàn thiện 0,20 m.

Hạng mục 11: Kho than, xưởng cơ khí, máy phát.

Diện tích xây dựng : 432,0 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 432,0 m²;

Chiều cao công trình: 8,0 m (so với cốt sân hoàn thiện);

Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,20 m.

Hạng mục 12: Nhà vệ sinh công nhân.

Diện tích xây dựng : 55,44 m²;

Tổng diện tích sàn xây dựng: 55,44 m²;

Chiều cao công trình: + 3,70 m (so với cốt sân hoàn thiện);

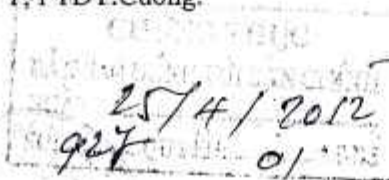
Số tầng: 01 tầng;

Cốt nền tầng 1: ±0,0m thấp hơn cốt sân hoàn thiện 0,20m.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép./.

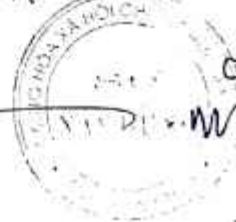
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PTĐT.Cuong.



A handwritten signature in black ink, appearing to be "Dienh".

11/2 GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Hoàn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 212/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án: Đầu tư xây dựng Nhà máy Gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước, công suất 40 triệu QTC/năm và vùng khai thác nguyên liệu tại xã Diên Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng Nhà máy Gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước, công suất 40 triệu QTC/năm và vùng khai thác nguyên liệu tại xã Diên Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước tại Biên bản phiên họp ngày 29/11/2011 và Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định ngày 29/11/2011;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 14/TTTr-STNMT ngày 09/12/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án tư xây dựng Nhà máy gạch tuynel Lam Sơn - Bá Thước công suất 40 triệu QTC/năm và vùng khai thác nguyên liệu tại xã Diên Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa được lập bởi Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Nhà máy sản xuất gạch tuynel và vùng nguyên liệu được thực hiện tại thôn Cò Trúc, xã Diên Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Với tổng diện tích khu đất 24ha, trong đó: xây nhà máy 4,24 ha, vùng khai thác nguyên liệu 19,66 ha có ranh giới tiếp giáp như sau:

Phía Đông: Giáp đường mòn khai thác lâm nghiệp;

Phía Tây: Giáp đường mòn khai thác lâm nghiệp;

Phía Nam: Giáp đất lâm nghiệp (rừng luồng);

Phía Bắc: Giáp đường mòn đi của thôn Điền Thái.

- Công suất của dự án: 40 triệu viên QTC/năm.

- Các hạng mục công trình của dự án bao gồm:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà điều hành 200m^2 ; nhà ăn 400m^2 ; nhà kho dự trữ than 288m^2 ; nhà kho 1.499m^2 ; khu nhà chế biến tạo hình, nhà bao che hầm sấy và lò nung, nhà phơi mộc, nhà chứa đất, xưởng cơ khí được bố trí hợp khối phù hợp với đường đi công nghệ trong nhà máy 8.813m^2 ; sân chơi thể thao 2.000m^2 .

+ Hạng mục công trình phụ trợ gồm: Đường giao thông nội bộ, trạm điện, hệ thống thoát nước, khu xử lý chất thải.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Chủ dự án:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Khí thải và tiếng ồn của dự án phải được xử lý đạt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường:

- QCVN 05: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

2.3. Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường:

- QCVN 14: 2008/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 24: 2009/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;

2.4. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp về xử lý chất thải rắn và các giải pháp BVMT khác.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

3.2. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

Điều 2. Chủ dự án phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án; nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thi công xây dựng dự án; lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với các khoản 1, Điều 1 của Quyết định này, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

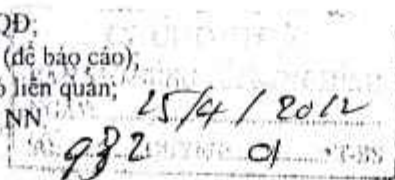
Điều 5. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bá Thước, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, P.G.NN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Quyền

CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐIỆN LƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1206 /UBND-KT

Điện Lư, ngày 19 tháng 12 năm 2025

Về chấp thuận điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy gạch Teymel tại xã Điện Lư, tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi: Công ty CP đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ các Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ các Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; số 16/2025/TT-BXD quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 5795/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến công tác quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Văn bản số 478/WUBND-NN ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương, địa điểm xây dựng nhà máy gạch teymel tại xã Điện Trung, huyện Bá Thước của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước;

Căn cứ Quyết định số 3936/QĐ-UBND ngày 01/12/2011 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất do UBND Điện Trung, huyện Bá Thước quản lý giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án Nhà máy gạch teymel;

Căn cứ Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước gia hạn thời gian sử dụng đất 24 tháng để hoàn thành dự án Nhà máy gạch teymel tại xã Điện Trung, huyện Bá Thước;

Căn cứ Công văn số 10960/SXD-QH ngày 27/11/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn UBND xã Điền Lư về quy định lập quy hoạch dự án: Nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Trung, huyện Bá Thước (nay là xã Điền Lư), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 12824/STC-ĐTDN ngày 28/11/2025 về việc tham gia ý kiến về đề nghị điều chỉnh Tổng mặt bằng xây dựng nhà máy gạch tuynel tại xã Điền Lư của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước.

Căn cứ Văn bản thỏa thuận về quy hoạch xây dựng nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Trung, huyện Bá Thước ngày 30/3/2011.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 065279 của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 17/01/2012.

Xét Công văn số 01/CV-LSBT ngày 05/11/2025 của công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước.

UBND xã Điền Lư chấp thuận điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

I. Phạm vi, quy mô diện tích lập quy hoạch.

1. Tên dự án: Nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa.

2. Phạm vi, ranh giới và quy mô diện tích:

a) Phạm vi ranh giới: Khu đất nghiên cứu lập Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng thuộc địa giới hành chính xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

+ Phía Bắc, phía Đông: Giáp đất sản xuất kinh doanh.

+ Phía Tây, phía Nam: Giáp đường giao thông hiện trạng.

b) Quy mô diện tích:

Diện tích lập quy hoạch là 42.404,0 (m²).

3. Tính chất dự án: Là khu đất xây dựng các công trình phục vụ sản xuất kinh doanh có quy mô hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

II. Các nội dung điều chỉnh.

1. Lý do điều chỉnh:

Dự án: Nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Trung, huyện Bá Thước (nay là xã Điền Lư, tỉnh Thanh Hóa) thành lập với mục tiêu đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch Tuynel hiện đại, đồng bộ nhằm cung cấp các sản phẩm cho thị trường trong và ngoài khu vực, dự án đã được UBND tỉnh Thanh Hóa Chấp thuận Chủ trương, địa điểm xây dựng nhà máy gạch Tuynel tại Văn bản số 4789/UBND-NN ngày 27/7/2011; Được UBND huyện Bá Thước thỏa thuận về việc Quy hoạch xây dựng nhà máy gạch Tuynel tại xã Điền Trung, huyện Bá Thước. Đến nay do định hướng phát triển của Công ty, dự án bổ sung và điều chỉnh một số hạng mục trong khu nhà máy, nhằm đáp ứng nhu cầu về quy mô và đồng bộ dây chuyền sản xuất cho nhà máy. Tận dụng tối đa quỹ đất hiện có, làm tăng hiệu quả kinh tế cho dự án.

2. Nội dung điều chỉnh:

- Xây dựng bổ sung các hạng mục: Nhà chứa đất, Nhà ủ đất, Nhà dỡ gạch chín.

- Điều chỉnh vị trí các hạng mục: Nhà bảo vệ, Nhà để xe.

III. Các chỉ tiêu áp dụng cho đồ án.

1 Quy mô cán bộ, công nhân viên:

- Quy mô cán bộ: Khoảng 10 người;

- Quy mô công nhân viên: Khoảng 50 người.

- Quy mô sản xuất: 40 triệu viên/năm

2 Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Mật độ xây dựng toàn khu đảm bảo chỉ tiêu $\leq 40\%$;

- Tầng cao công trình chính tối đa: 1 tầng;

- Hệ số sử dụng đất: Không quá 0,4 lần;

- Đất trồng cây xanh $\geq 20\%$.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện sản xuất: 120Kw/ha.

+ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt, chiếu sáng: 40% điện sản xuất.

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt: Chỉ tiêu: 60%; Đơn vị: 20m³/ha/ngày đêm.

+ Nước sản xuất: 8% nước sinh hoạt

+ Nước tưới cây xanh: 3 lít/m²/ ngày đêm.

+ Nước rửa đường: 0,4 lít/m²/ ngày đêm.

+ Nước rò rỉ: 15% tổng lượng nước.

- Chỉ tiêu nước thải và vệ sinh môi trường:

+ Thoát nước: Thoát nước mưa và nước thải riêng biệt; tỷ lệ thu gom nước thải $\geq 100\%$ nhu cầu cấp nước.

+ Chỉ tiêu xử lý chất thải: 1,2 kg/người/ngày đêm.

IV. Phương án quy hoạch Tổng mặt bằng xây dựng

1. Quy mô xây dựng các hạng mục công trình theo Quy hoạch chi tiết xây dựng đã được thỏa thuận:

- Diện tích đất thực hiện dự án: 42.404,0 m².

- Quy mô công trình xây dựng: Công chính; Nhà thường trực số 1 + bán hàng; Nhà để xe; Nhà văn phòng; Nhà ăn ca; Nhà nghỉ ca công nhân; Nhà vệ sinh; Bể nước; Công phụ; Nhà bảo vệ; Bãi xếp thành phẩm; Nhà bao che lò nung sây; Nhà phơi gạch mộc; Nhà chứa đất; Kho than + xưởng cơ khí, máy phát; Tháp nước sản xuất; Nhà vệ sinh công nhân; Trạm điện; Bãi nguyên liệu ngoài trời; Cây xanh cảnh quan và các hạng mục phụ trợ khác.

2. Phương án kiến trúc công trình bổ sung:

Bổ sung xây mới nhà bảo vệ (ký hiệu 2 trên TMB), nhà xe (ký hiệu 3 trên TMB), nhà chứa đất (ký hiệu 7 trên TMB), nhà ủ đất (ký hiệu 8 trên TMB), nhà chứa gạch chín (ký hiệu 9 trên TMB).

Quy định về cốt nền xây dựng:

- Các hạng mục: Nhà xe (ký hiệu 3 trên TMB), nhà chứa đất (ký hiệu 7 trên TMB), nhà ủ đất (ký hiệu 8 trên TMB), nhà chứa gạch chín (ký hiệu 9 trên TMB) có cốt nền tầng 1 cao +0,15m so với cốt sân đường nội bộ.

- Hạng mục: Nhà bảo vệ (ký hiệu 2 trên TMB) có cốt nền tầng 1 cao +0,45m so với cốt sân đường nội bộ.

Quy mô xây dựng công trình:

- Nhà bảo vệ: Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng 24,1m². Tổng chiều cao công trình khoảng 4m.

- Nhà xe: Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng 114,5m². Tổng chiều cao công trình khoảng 6m.

- Nhà chứa đất: Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng 2.402,2m². Tổng chiều cao công trình khoảng 9m.

- Nhà ủ đất: Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng 865,0m². Tổng chiều cao công trình khoảng 9m.

- Nhà dỡ gạch chín: Quy mô 1 tầng, diện tích xây dựng 924,2m². Tổng chiều cao công trình khoảng 9m.

Hình thức kiến trúc công trình.

- Trang trí mặt ngoài: Không sơn quét các màu đen, màu tối hoặc quá sặc sỡ, sử dụng quá nhiều màu trên một công trình kiến trúc, trang trí các chi tiết rườm rà, phân cảm.

- Về hình dáng, màu sắc, chi tiết kiến trúc, sử dụng vật liệu công trình đảm bảo trang nhã, hài hòa, phù hợp với tính chất, chức năng công trình nhà công nghiệp.

3. Cơ cấu sử dụng đất.

* Các thông số quy hoạch toàn khu.

- Diện tích khu đất: 42.404,0 m².

- Diện tích xây dựng công trình: 16.296,3 m².

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 16.246,3 m².

- Diện tích đường giao thông + sân đường nội bộ: 8.890,1 m².

- Diện tích đất HTKT: 930,8 m².

- Đất cây xanh: 9.860,4 m².

- Bãi chứa nguyên liệu: 6.426,4 m².

- Mật độ xây dựng: 38,43%.

- Tầng cao tối đa: 01 tầng.

- Hệ số sử dụng đất: 0,38 lần.

BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT						
ST T	Danh mục đất	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m²)	Tầng cao (tầng)	Tổng diện tích sàn (m²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình		16.296,3		16.246,3	38,43%
1	Cổng (hiện trạng)	1	50,0	-	-	
2	Nhà bảo vệ (xây mới)	2	24,1	1	24,1	
3	Nhà để xe (xây mới)	3	114,5	1	114,5	
4	Nhà văn phòng (hiện trạng)	4	83,5	1	83,5	
5	Nhà nghỉ, ăn ca công nhân (hiện trạng)	5	183,2	1	183,2	
6	Nhà xưởng (hiện trạng)	6	11.609,0	1	11.609,0	
7	Nhà chứa đất (xây mới)	7	2.402,2	1	2.402,2	
8	Nhà ủ đất (xây mới)	8	865,0	1	865,0	
9	Nhà dỡ gạch chín (xây mới)	9	924,2	1	924,2	
10	Nhà vệ sinh (hiện trạng)	13	40,8	1	40,8	
II	Đất sân bãi		6.426,4			15,16%
10	Đất sân thành phẩm	10	2.971,0	-	-	
11	Bãi tập kết vật liệu	11	3.455,4	-	-	
III	Đất hạ tầng kỹ thuật		930,8			2,20%
12	Trạm biến áp (hiện trạng)	12	-	-	-	
13	Bể nước PCCC + trạm bơm (hiện trạng)	14	332,3	-	-	
14	Bể xử lý nước thải tập trung (hiện trạng)	10	30,0	-	-	
IV	Đất cây xanh, taluy	CX	9,860,4	-	-	23,25%
V	Đất giao thông + sân đường nội bộ		8.890,1			20,97%
Tổng cộng			42,404,0			100,0%
Mật độ xây dựng toàn khu (%)						38,43%
Tầng cao tối thiểu (tầng)						1
Tầng cao tối đa (tầng)						1
Hệ số sử dụng đất toàn khu (lần)						0,38

BẢNG SO SÁNH CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH					
T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo Văn bản thảo thuận quy hoạch ngày 30/3/2011 của UBND huyện Bá Thước	Điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)
	Diện tích khu đất lập quy hoạch	m ²	42.404,0	42.404,0	0,0
1	Tổng Diện tích xây dựng công trình	m ²	14.29,2	16.296,5	+2.007,1
2	Mật độ xây dựng	%	33,7	38,43	+4,73
3	Tổng diện tích cây xanh	m ²	5.184,8	9.860,4	+4.675,6
4	Mật độ cây xanh	%	12,3	23,25	+10,95
5	Tổng diện tích giao thông, sân đường nội bộ	m ²	5.488,0	8.890,1	+3.402,1
6	Đất sản hời	m ²	6.426,4	6.426,4	0
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	m ²	930,8	930,8	0
8	Hệ số sử dụng đất	lần	0,33	0,38	+0,05

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo văn bản thảo thuận quy hoạch ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước cũ.

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch theo các nội dung được chấp thuận nêu trên gửi về Ủy ban nhân dân xã Điện Lư kiểm tra, đóng dấu, lưu trữ theo quy định; bàn giao hồ sơ cho UBND xã Điện Lư và đơn vị liên quan làm cơ sở để quản lý quy hoạch xây dựng.

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước căn cứ Tổng mặt bằng quy hoạch xây dựng được chấp thuận để triển khai các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND xã (B&C)
- Lưu VT (S.Page 03).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PH. CHỦ TỊCH



Hà Thanh Nhân

Số: 99 /TD-PCCC

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 12 năm 2025

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Kính gửi: Công ty CP đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 07/ĐN.TĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Công ty CP đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

- Tên công trình: Nhà máy gạch tuynel Lam Sơn – Bá Thước.
- Địa điểm xây dựng: Xã Diên Lư, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty CP đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước.
- Địa chỉ của chủ đầu tư: Phố 3, xã Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.
- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại Tuấn Quang.

II. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

1. Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số PC11 kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ.

2. Giấy chứng nhận đầu tư số 26121000001 ngày 07/01/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chứng nhận nhà đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 065279 ngày 17/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước.

3. Thiết kế bản vẽ thi công thể hiện các nội dung: Phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy; Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

4. Văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 04/TĐ-TKPC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Công ty CP đầu tư phát triển Lam Sơn – Bá Thước.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH

1. Quy mô công trình đề nghị thẩm định:

- Nhà tạo hình gạch mộc: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 9.132 m²;
- Nhà chứa đất thô: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 2.653 m²;
- Nhà ủ đất: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 827 m²;
- Nhà xuất gạch: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 918 m²;
- Nhà văn phòng: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 87,5 m²;
- Nhà nghỉ + ăn ca: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 183,5 m²;
- Nhà để xe đạp, xe máy: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 109,5 m²;
- Nhà bảo vệ: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 4,94 m²;
- Nhà máy phát: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 22,8 m²;
- Nhà bơm PCCC: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 12,2 m²;
- Các hạng mục phụ trợ: Hạ tầng kỹ thuật, bể nước PCCC.

2. Nội dung đề nghị thẩm định: Phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy; Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

IV. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY:

1. Nội dung thẩm định:

- Phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy:
 - + Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;
 - + Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà;
 - + Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
 - + Trang bị bình chữa cháy, dụng cụ phá dỡ thô sơ;
- Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

2. Danh mục hồ sơ thiết kế (bản vẽ thiết kế):

- Bản vẽ hệ thống chữa cháy (hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, trang bị bình chữa cháy, dụng cụ phá dỡ thô sơ, chi tiết lắp đặt, sơ đồ nguyên lý): PC3; PC4; PC7; PC10; PC13; PC16; PC18; PC20 đến PC-24; PC27 đến PC-29;

- Bản vẽ phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, chi tiết lắp đặt, sơ đồ nguyên lý: PC5; PC6; PC8; PC9; PC11, PC12; PC14; PC15; PC17; PC19; PC-25; PC26;

- Bản vẽ hệ thống điện cho hệ thống PCCC, thuyết minh: PC30; PC32.

Văn bản này ghi nhận kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy để phục vụ thi công, nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình. Không có giá trị về quyền sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch, xây dựng và các yêu cầu khác không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

Nơi nhận:

- C07 - Bộ Công an (để b/c);
- Đ/c Trưởng phòng (để b/c);
- Công an xã Điện Lư (để p/h);
- Sở Xây dựng (để p/h);
- Chủ đầu tư (t/h);
- Lưu: VT, Đ1.

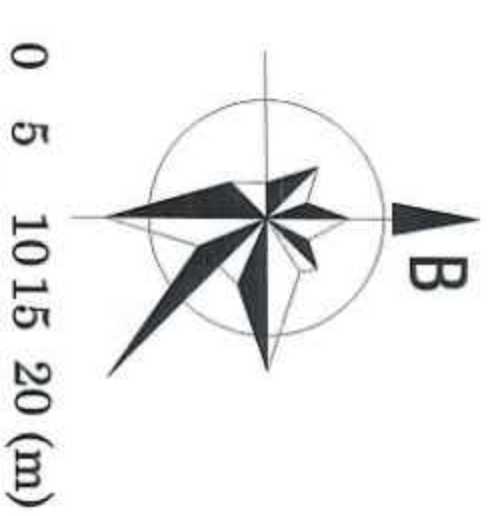
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trưởng tá Lê Đình Lợi

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL TẠI XÃ ĐIỀN LỰ, TỈNH THANH HÓA

TỔNG MẶT BẰNG, PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

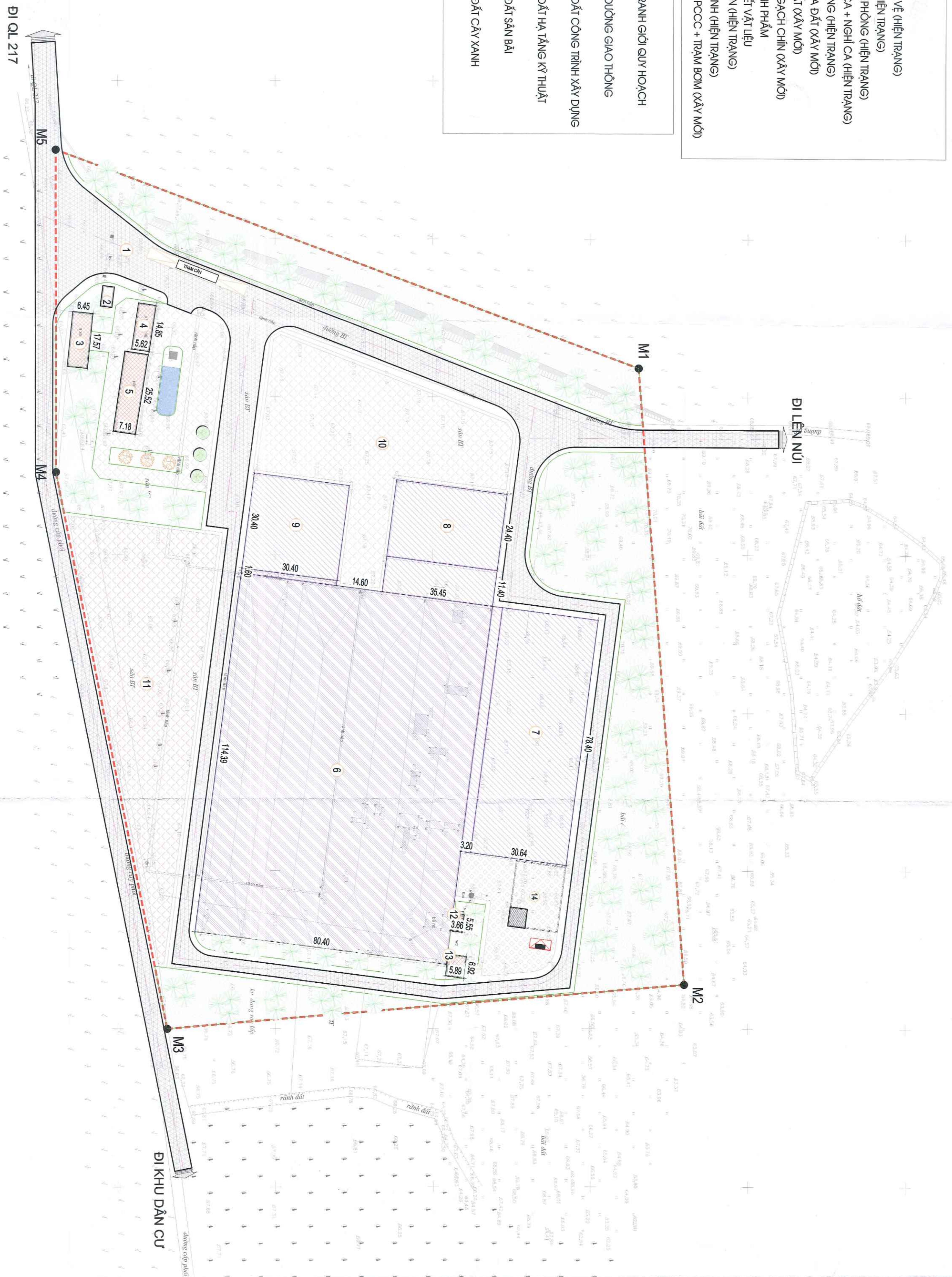


BẢNG THÔNG KẾ MỐC TỌA ĐỘ

Mốc	X	Y
M0c	2243515.3900	533790.8700
M1	2243529.8400	533986.0400
M2	2243965.7298	533999.9900
M3	2243330.5600	533823.8300
M4	2243330.4400	533721.8100

- GIẢI THÍCH:
- CÔNG
 - NHÀ BẢO VỆ (HIỆN TRẠNG)
 - NHÀ XE (HIỆN TRẠNG)
 - NHÀ VÁN PHÒNG (HIỆN TRẠNG)
 - NHÀ AN CẢ + NGHỈ CA (HIỆN TRẠNG)
 - NHÀ XƯỜNG (HIỆN TRẠNG)
 - NHÀ CHỨA ĐẤT (XÂY MỚI)
 - NHÀ Ủ ĐẤT (XÂY MỚI)
 - NHÀ ĐỒ GẠCH CHÍN (XÂY MỚI)
 - SÂN THÀNH PHẨM
 - BAI TẬP KẾT VẬT LIỆU
 - TRẠM ĐIỆN (HIỆN TRẠNG)
 - NHÀ VỆ SINH (HIỆN TRẠNG)
 - BỂ NƯỚC PCCC + TRẠM BƠM (XÂY MỚI)

- CHỈ THÍCH:
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
 - ĐƯỜNG GIAO THÔNG
 - ĐẤT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
 - ĐẤT HÀ TẦNG KỸ THUẬT
 - ĐẤT SÂN BAI
 - ĐẤT CÂY XANH



BẢNG THÔNG KẾ SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Danh mục đất	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	1	16.296,3	-	16.246,3	38,43%
1	Công (hiện trạng)	1	50,0	-	-	-
2	Nhà bảo vệ (hiện trạng)	2	24,1	1	24,1	-
3	Nhà để xe (hiện trạng)	3	114,5	1	114,5	-
4	Nhà ván phòng (hiện trạng)	4	83,5	1	83,5	-
5	Nhà nghỉ, ăn ca công nhân (hiện trạng)	5	183,2	1	183,2	-
6	Nhà xưởng (hiện trạng)	6	11.609,0	1	11.609,0	-
7	Nhà chứa đất (xây mới)	7	2.402,2	1	2.402,2	-
8	Nhà ủ đất (xây mới)	8	865,0	1	865,0	-
9	Nhà đồ gạch chín (xây mới)	9	924,2	1	924,2	-
10	Nhà vệ sinh (hiện trạng)	10	40,8	1	40,8	-
II	Đất sân bãi	10	6.426,4	-	-	-
10	Đất sân thành phẩm	10	2.971,0	-	-	-
11	Bãi tập kết vật liệu	11	3.455,4	-	-	-
III	Đất hạ tầng kỹ thuật	11	930,8	-	-	2,30%
12	Trạm biến áp (hiện trạng)	12	-	-	-	-
13	Bể nước PCCC + trạm bơm (xây mới)	14	332,3	-	-	-
14	Bể xử lý nước thải tập trung (hiện trạng)	10	30,0	-	-	-
IV	Đất cây xanh, cây	CX	9.860,4	-	-	23,25%
V	Đất giao thông + sân đường nội bộ	V	8.890,1	-	-	#VALUERI
Tổng cộng			42.404,0			100,00%
Mật độ xây dựng toàn khu (%)						38,43%
Tầng cao tối thiểu (tầng)						1
Tầng cao tối đa (tầng)						0,38

CƠ QUAN CHẤP THUẬN:
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐIỀN LỰ

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN - BÀ ĐÌNH CƯỜNG

KÊM THEO CÔNG VĂN SỐ 84 /CVLSBT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - DỰ ÁN:
 QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL TẠI XÃ ĐIỀN LỰ, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ:
 TỔNG MẶT BẰNG, PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

BẢN VẼ: CH-03	GHÉP: 01 A0	TỶ LỆ: 1:1500	NĂM 2025
---------------	-------------	---------------	----------

THÊ HIỆN: NGUYỄN HÙNG MẠNH

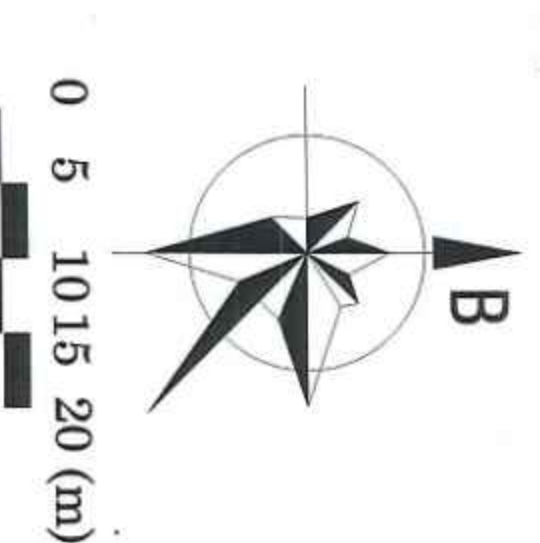
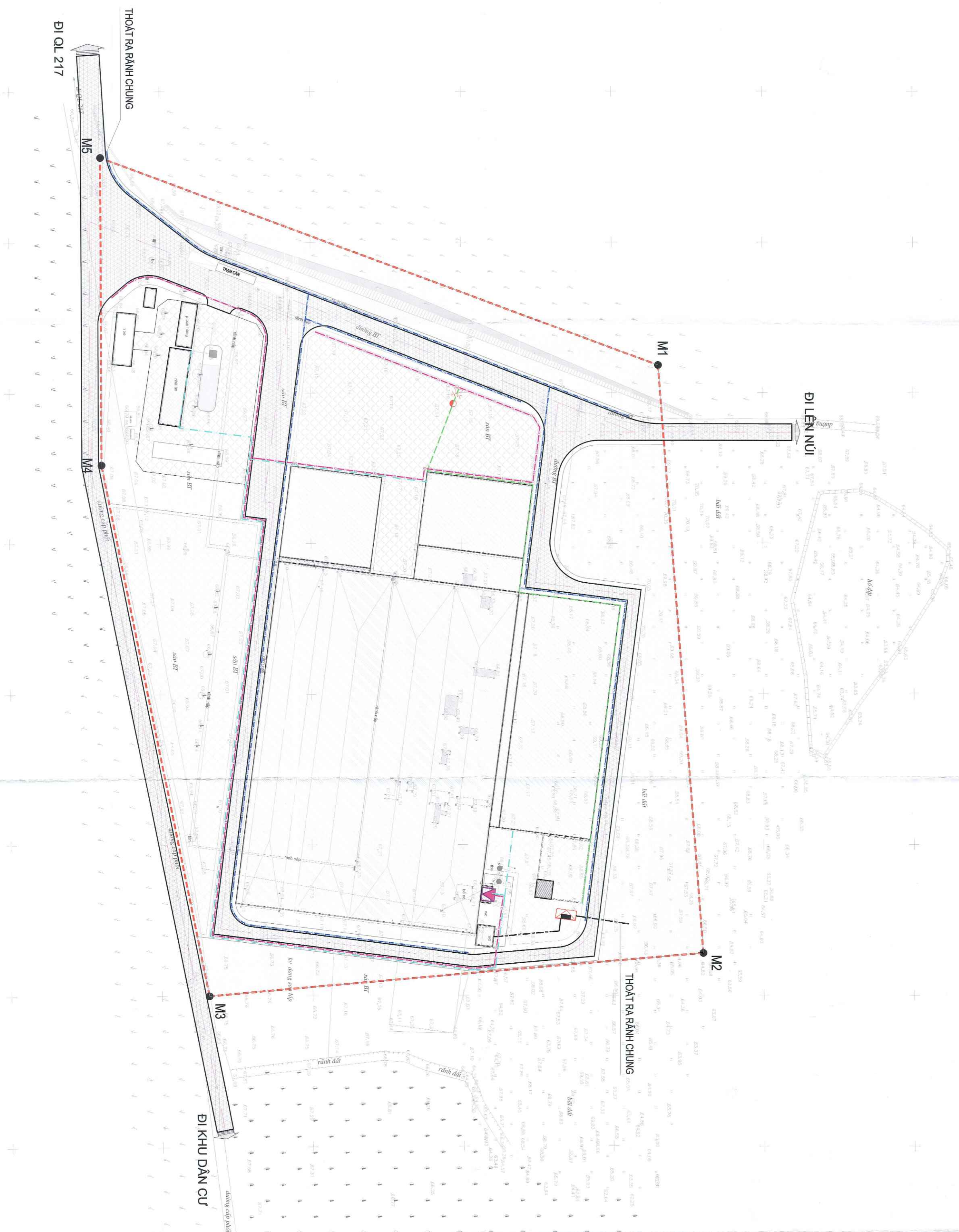
CHỦ TRƯ: NGUYỄN HÙNG MẠNH

THIẾT KẾ: LÊ VĂN HOÀNG

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN THỊ CƯỠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUY HOẠCH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG
 Địa chỉ: TP. Vinh - Nghệ An - Việt Nam
 Mã số thuế: 0312345678
 Điện thoại: 0361.1234567
 Email: info@ddk.vn

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH TẦNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: NHÀ MÁY GẠCH TUNNEL TẠI XÃ ĐIỀN LỰ, TỈNH THANH HÓA
BẢN ĐỒ TỔNG HỢP DƯỜNG DÂY DƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT



BẢNG THÔNG KÊ MỐC TỌA ĐỘ

Mốc	X	Y
M1	2243515.3900	533790.8700
M2	2243529.8400	533986.0400
M3	2243365.7298	533999.9900
M4	2243330.5600	533823.8300
M5	2243330.4400	533721.8100

CHỈ THÍCH:
--- ỐNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI
--- ỐNG CẤP NƯỚC DỊCH VỤ
--- ỐNG CẤP NƯỚC PHÂN PHỐI
TRỤ CỨU HỎA
--- RANH THOÁT NƯỚC MƯA
--- ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
--- DƯỜNG DÂY HẠ THẾ
--- DƯỜNG DÂY CHIẾU SÁNG
--- TỤ ĐIỆN
--- DƯỜNG DÂY TRUNG THỂ
--- DƯỜNG DÂY THÔNG TIN LL

CƠ QUAN CHẤP THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐIỀN LỰ
 Kèm theo Văn bản số 48/UBND-ĐT ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân xã Điền Lự.
TRƯỞNG ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐIỀN LỰ
 NGUYỄN VĂN SƠN

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SON - BA THƯỚC
 Kèm theo Công văn số 41/CSVST ngày 05 tháng 11 năm 2025.
QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH TẦNG MẶT BẰNG DỰ ÁN:
 NHÀ MÁY GẠCH TUNNEL
 TẠI XÃ ĐIỀN LỰ, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ:
 BẢN ĐỒ TỔNG HỢP DƯỜNG DÂY DƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT

BẢN VẼ CHỈ 06	GHÉP: 01 A0	TỶ LỆ: 1:500	NĂM 2025
THỂ HIỆN	KS. LÊ ĐÌNH HẢI		
CHỦ TRÌ	NGUYỄN HÙNG MẠNH		
THIẾT KẾ	LÊ VĂN HOÀNG		
Q.L. KỸ THUẬT	LÊ VĂN HOÀNG		

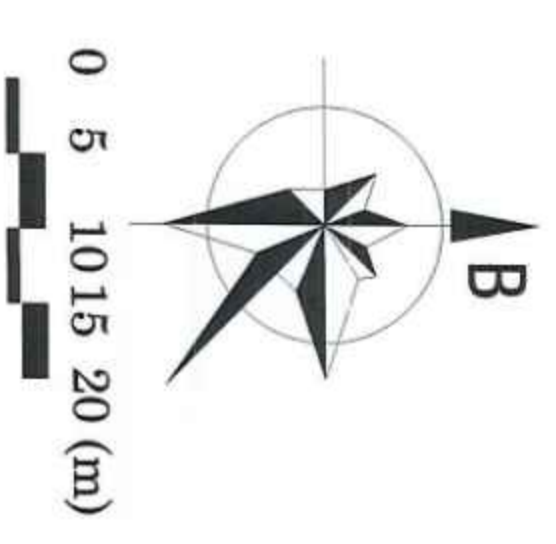
GIÁM ĐỐC:

 NGUYỄN TRI QUYNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUY HOẠCH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG
 Địa chỉ: 115/ Cầu Lộ - Phường Ngọc Trản - Tỉnh Thanh Hóa
 Email: info@quyhoach.com.vn
 Tel: 094.879.818

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL TẠI XÃ ĐIỀN LỰ, TỈNH THANH HÓA

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHUẨN BỊ KỸ THUẬT: SAN NỀN

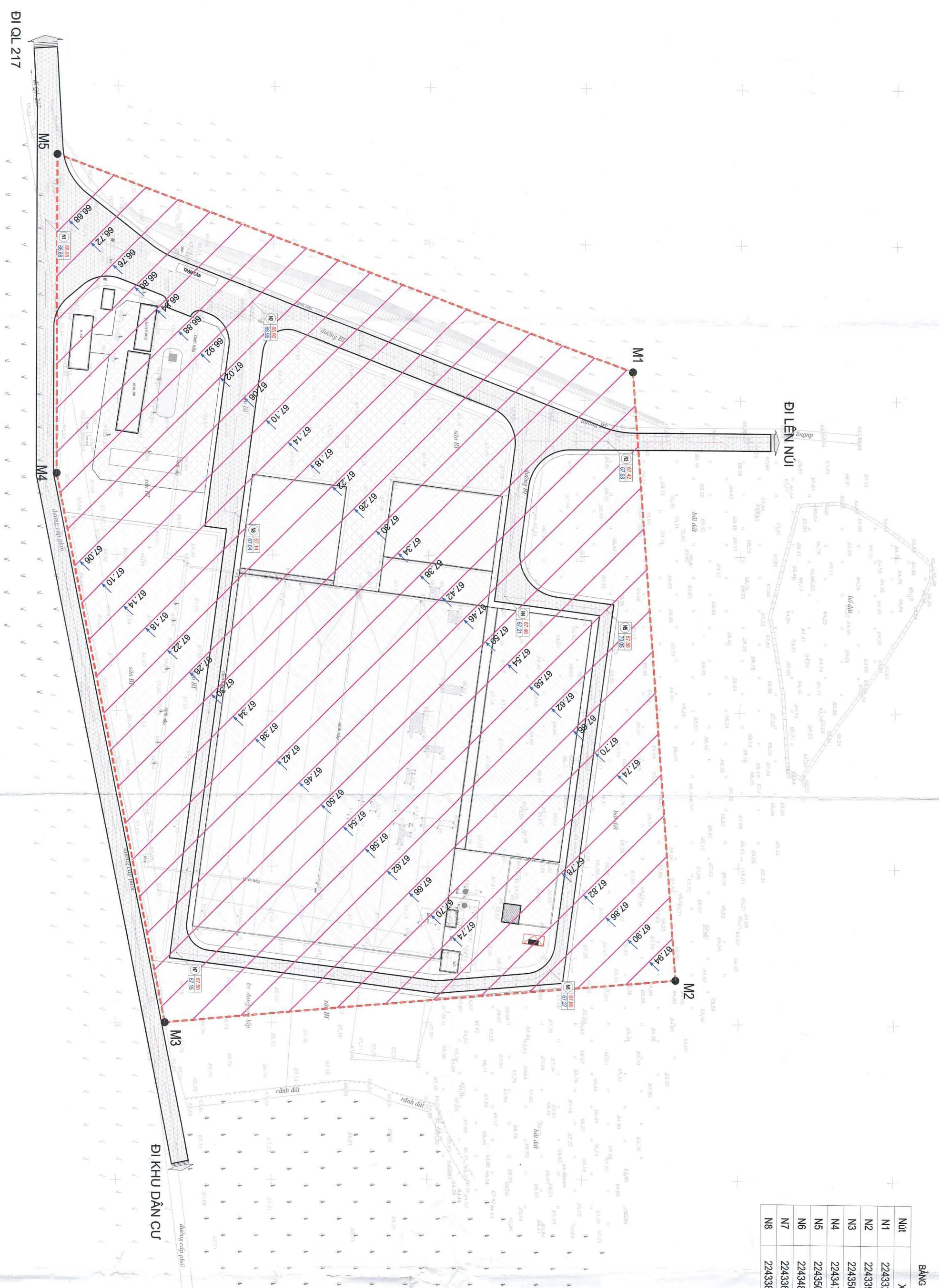
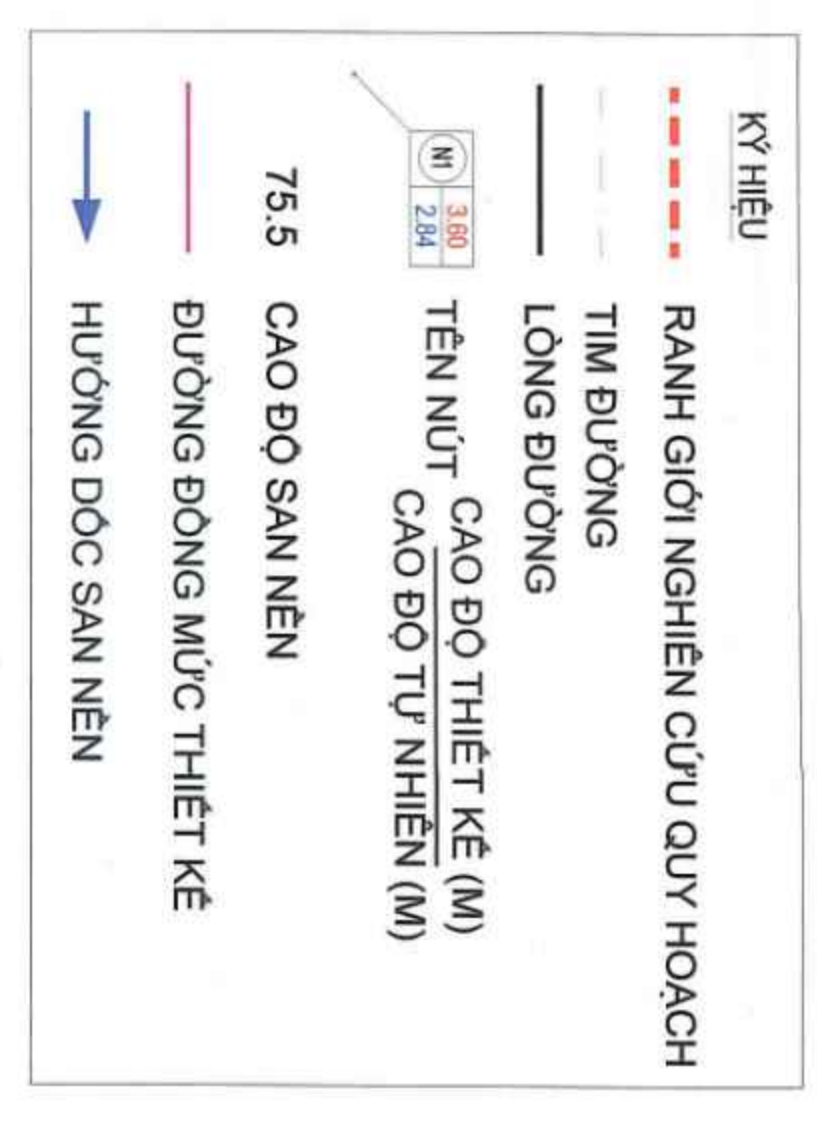


BẢNG THÔNG KÊ TỌA ĐỘ NÚT

Nút	X	Y
N1	2243326,7147	533742,8017
N2	2243393,2151	533768,6574
N3	2243507,4005	533813,0534
N4	2243474,4982	533862,9156
N5	2243507,2578	533867,1941
N6	2243489,4834	533982,7919
N7	2243369,4512	533977,6404
N8	2243387,8794	533836,5387

BẢNG THÔNG KÊ MỐC TỌA ĐỘ

Mốc	X	Y
M1	2243515,3900	533790,8700
M2	2243529,8400	533986,0400
M3	2243365,7298	533999,9900
M4	2243330,5600	533823,8300
M5	2243330,4400	533721,8100



CƠ QUAN CHẤP THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐIỀN LỰ
 KÈM THEO VĂN BẢN SỐ 286/UBND-KT NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 2025

TRƯỞNG CHỖ TỊCH
TRẦN VĂN ĐÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN - BÀ TRƯỚC
 KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 01/CKV.SBT NGÀY 05 THÁNG 11 NĂM 2025

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN:
 NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL
 TẠI XÃ ĐIỀN LỰ, TỈNH THANH HÓA

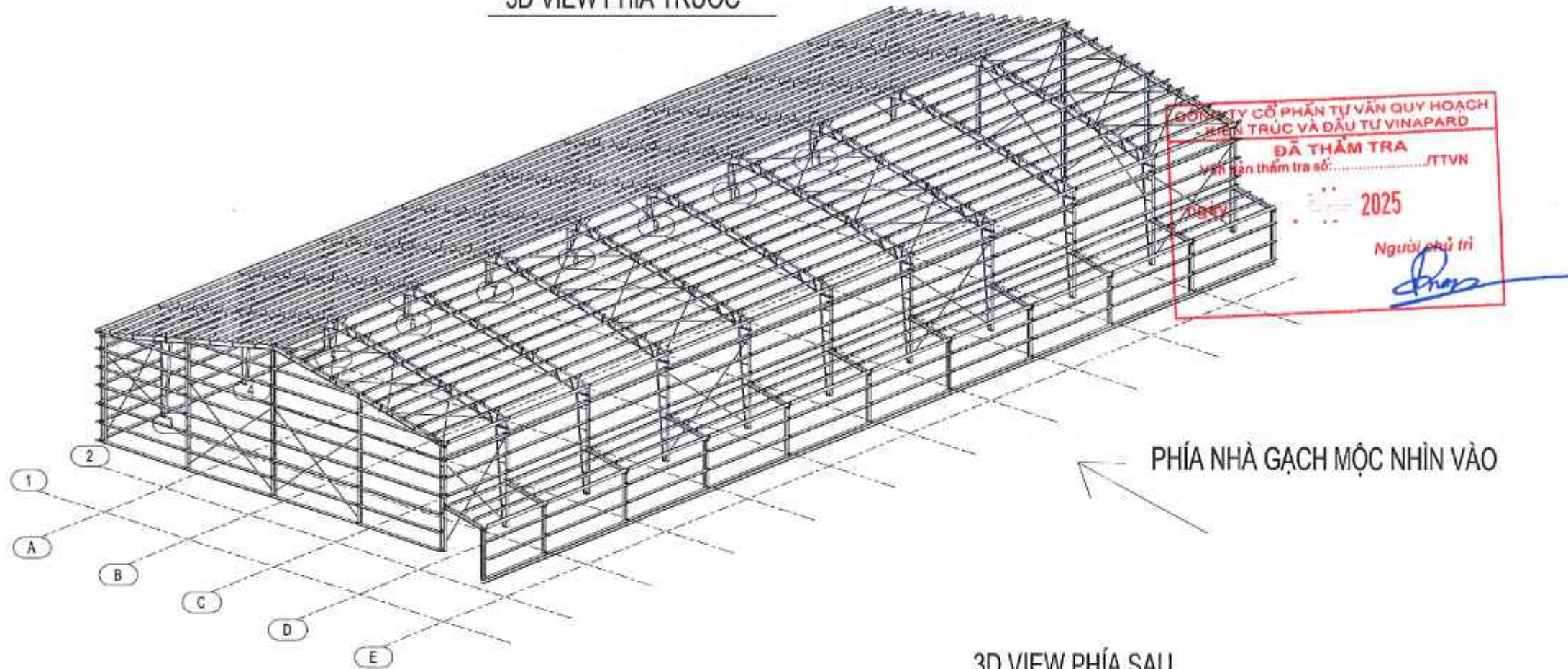
TÊN BẢN VẼ:
 BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHUẨN BỊ KỸ THUẬT: SAN NỀN

BẢN VẼ: QH 05	GHEP: 01 A0	TỶ LỆ: 1/500	NĂM 2025
THỂ HIỆN	K.S. LÊ ĐÌNH HẢI		
CHỦ TRÌ	NGUYỄN HỒNG MẠNH		
THIẾT KẾ	LÊ VĂN HOÀNG		

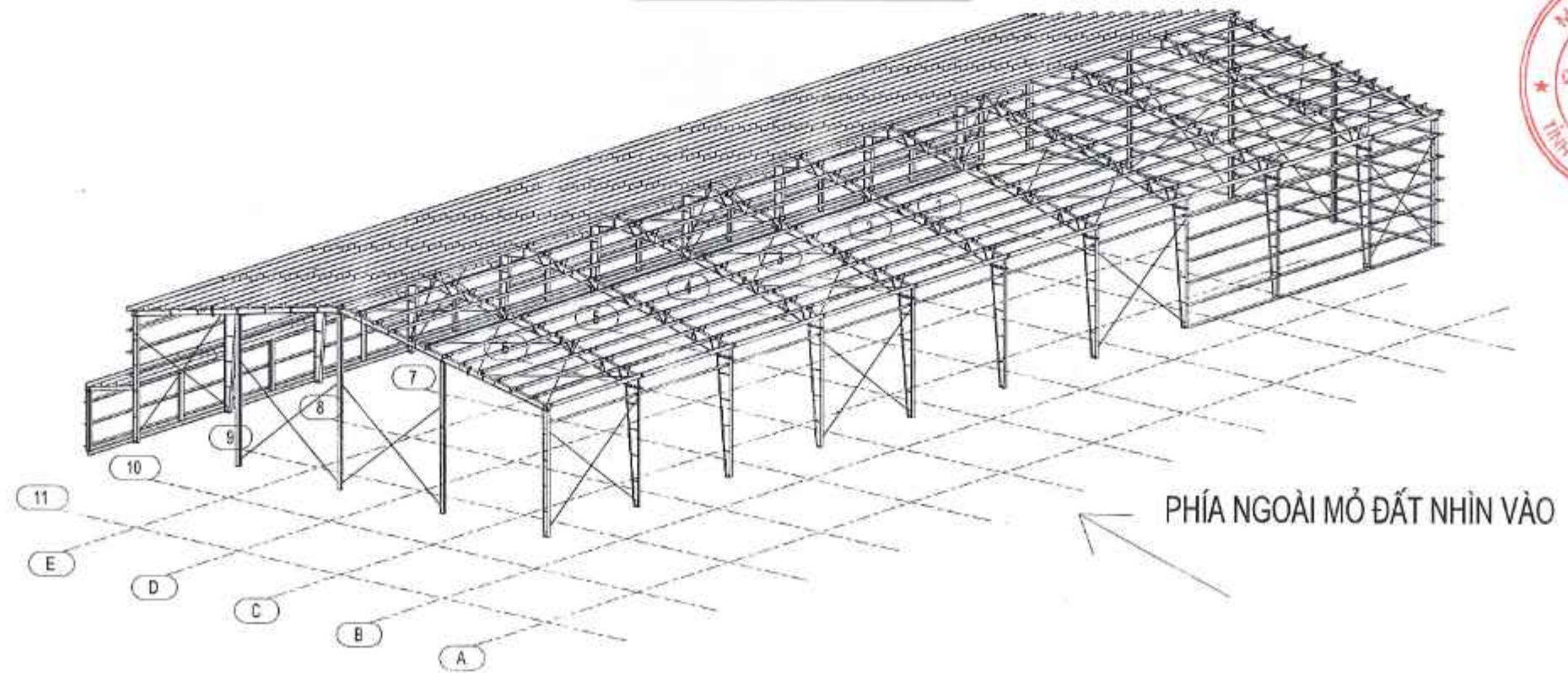
GIÁM ĐỐC
 NGUYỄN THỊ QUỲNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUY HOẠCH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC ĐÔNG DƯƠNG
 ĐIA CHỈ: P. 11/5 CỬA HỒ - PHƯỜNG HẠC THÀNH - THỊ TRẤN HỒA
 ĐIA CHỈ: P. 11/5 CỬA HỒ - PHƯỜNG HẠC THÀNH - THỊ TRẤN HỒA
 TEL: 084.979.918

3D VIEW PHÍA TRƯỚC



3D VIEW PHÍA SAU



GHI CHÚ:

Lần:	Số lần:	Ngày:
1		
2		
3		
4		

CHỖ ĐÓNG
TỬ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐPT
LAM SƠN - BÀ THƯỚC**

TÊN DỰ
ÁNH:
NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL

HÌNH MỤC:

ĐỊA ĐIỂM XÂY
DỰNG:
XÃ ĐIỀN LỰ, TỈNH THANH HÓA

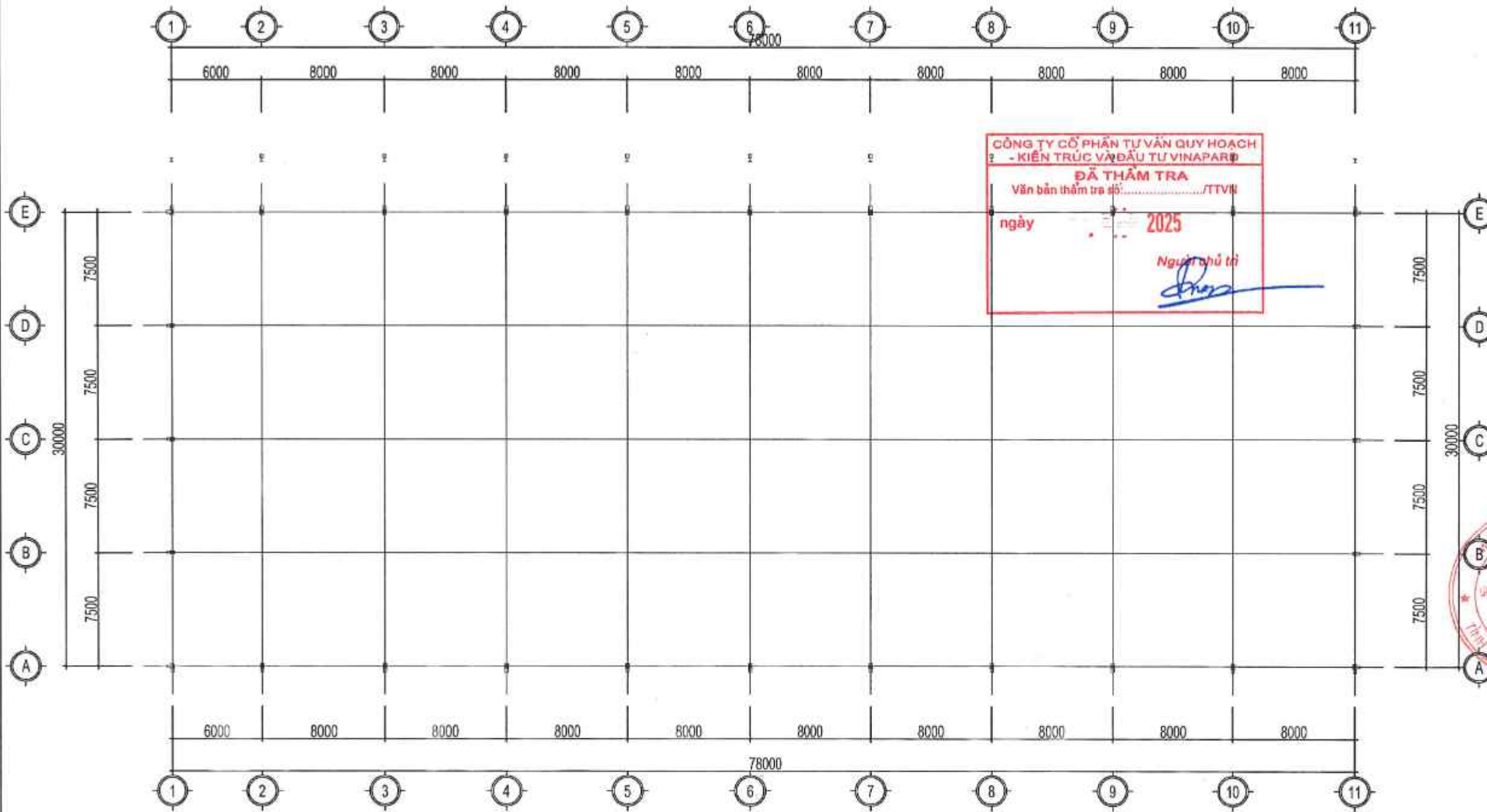
ĐƠN VỊ THỰC
HIỆN:

M.S. D.S. 280291420
CÔNG TY CỔ PHẦN
QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐỒNG DƯƠNG
 QUÝ HOẠCH XÂY DỰNG
 KIẾN TRÚC
 ĐỒNG DƯƠNG
 THANH HÓA
 NGUYỄN THỊ QUỲNH

CHỖ THỦ THẤY KÊ	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
THẾT KẾ	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
THỬ HỮU	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KS. NGUYỄN HÙNG ANH	<i>[Signature]</i>

QUÁI
SỐNH
THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

TỈ LỆ:	HO: N: TH: M:	K: H: M: B: V:
	12/2025	



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT THÉP COS 5.00M

GHI CHÚ:

Lần:	Số lần:	Ngày:
1		
2		
3		
4		

CHỖ ĐÓNG TỰ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐPTT LAM SƠN - BÀ THƯỚC

TÊN DỰ ÁN:
NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL

HÌNH MỤC: -

Địa điểm xây dựng:
XÃ ĐIÊN LỰ, TỈNH THANH HÓA

Đơn vị thực hiện:

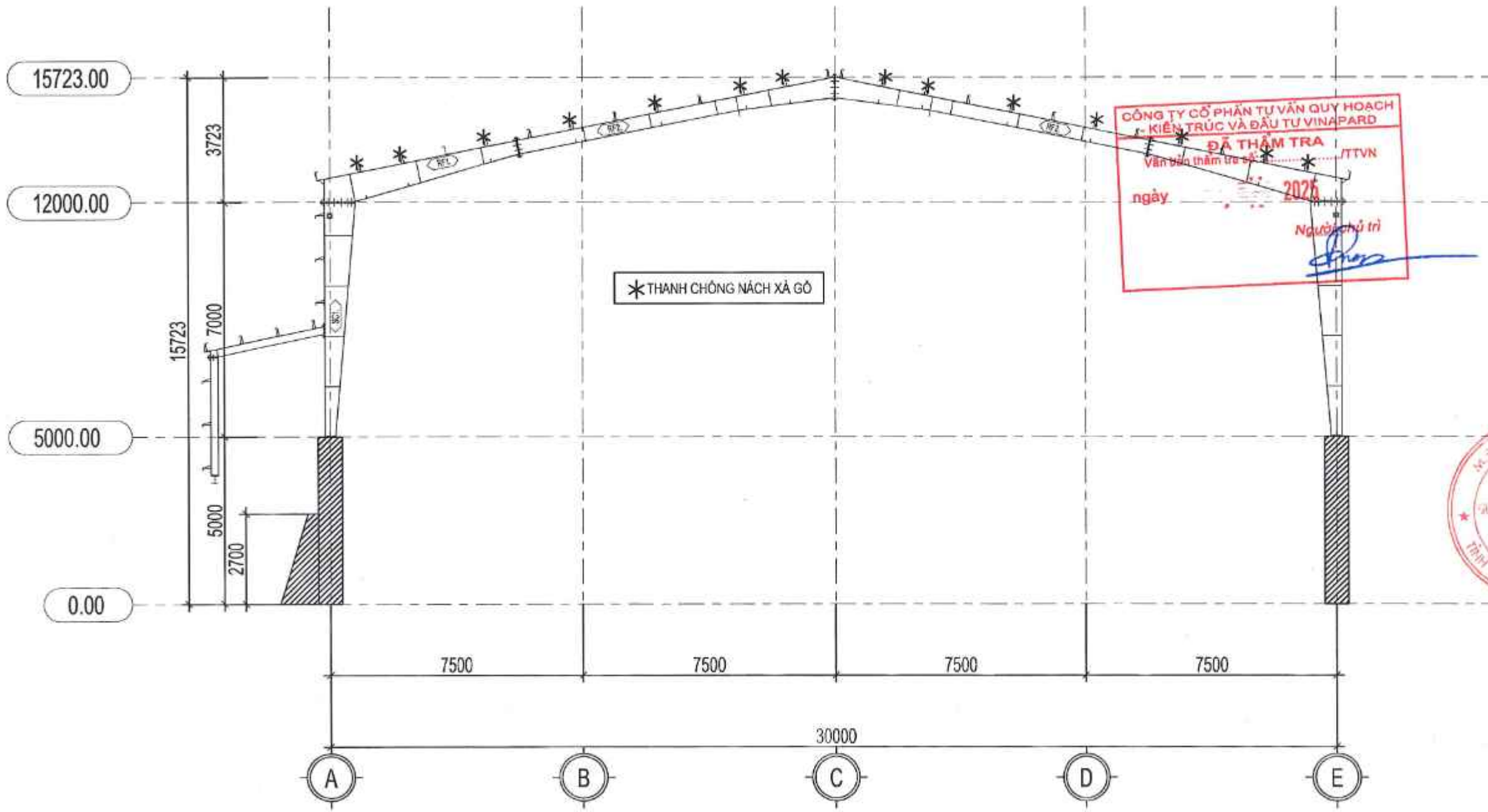

CÔNG TY CỔ PHẦN QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG
 ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG

QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG
 GIÁM ĐỐC: 
NGUYỄN THỊ QUỲNH

CHỖ THỊ THIẾT KẾ	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	
THIẾT KẾ	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	
THỂ HIỆN	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
KS. NGUYỄN HÙNG MẠNH	

CHỖ ĐÓNG TỰ
THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

TH. L.:	H. S. T. H.:	K. H. L. N.:
	12/2025	



* THANH CHỐNG NÁCH XÁ GÓ

KẾT CẤU KHUNG K1

BẢNG KÊ CẤU KIỆN

TÊN CK	VẬT LIỆU	TIẾT DIỆN
SC1.	SS400	H(300-900)*215*8*10
RF1.	SS400	H(900-300)*215*8*10
RF2.	SS400	H(300-600)*215*8*10

VỊ TRÍ * LÀ VỊ TRÍ CÓ CÂY CHỐNG LẬT V50*4

GHI CHÚ:

Lần:	Sửa đổi:	Ngày:
1		
2		
3		
4		

CHỖ ĐÓNG TỬ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTPT LAM SƠN - BÀ THƯỚC

TÊN DỰ ÁN:

NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL

HƯỚNG MẶT:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐIỀN LƯ, TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG
(ĐƠN VỊ: 59 TỈNH CÔNG HỒI, PHƯỜNG HẠC THÁNH)

QUẢN LÝ:

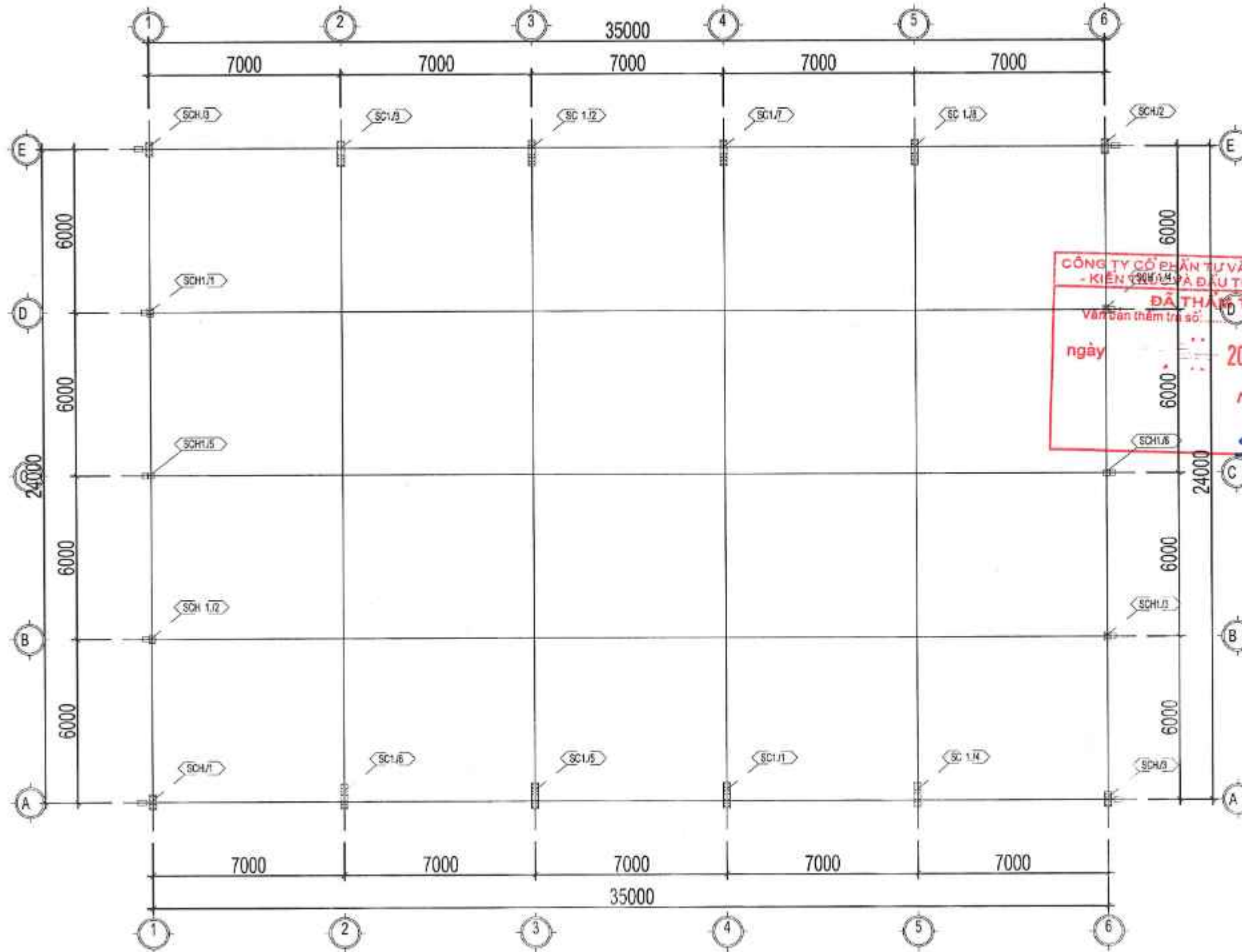
NGUYỄN THỊ QUỲNH

CHỖ TRƯ THỰC KẾ:	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ:	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ:	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
KS. NGUYỄN HÙNG MẠNH	<i>[Signature]</i>

GIẢI QUỲNH
THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

TITLE:	HO: NTH NH	KH: HUB BAN UB
	12/2025	

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH
- KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ VINAPARD
ĐÃ THẨM TRA
 Văn bản thêm tra số:/TTVN
 ngày: 2025
 Người chủ trì: *[Signature]*

BẢNG KÊ CẤU KIỆN

TÊN CK	VẬT LIỆU	TIẾT DIỆN
SC1.	Q355	H(300-700)*8+*215*10
SCH.	Q355	H300*8+215*10
SCH1.	Q355	H215*8+215*10

GHI CHÚ:

Lần:	Số lần:	Ngày:
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTPT LAM SƠN - BÀ THƯỚC

TÊN DỰ ÁN:
NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL

Hạng mục:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ ĐIỀN LƯ, TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:


CÔNG TY CỔ PHẦN
QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG
 THÀNH LẬP 1978 QUẬN HỒI, PHƯỜNG HẠC THÁNH
 GIÁM ĐỐC: *[Signature]*
NGUYỄN THỊ QUỲNH

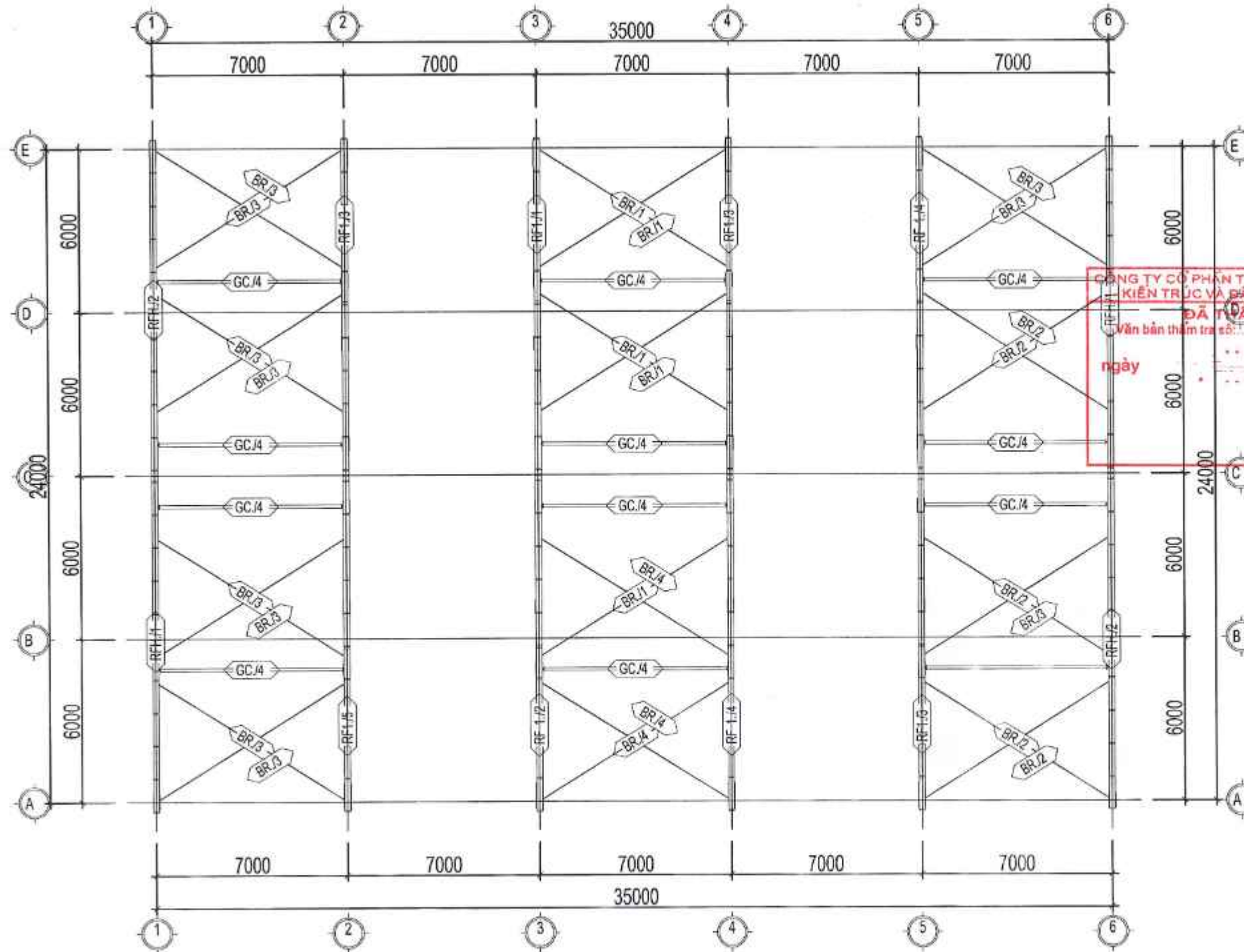
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
KS. HOÀNG THÀNH BÌNH	
THIẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
KS. HUANG THANH BÌNH	
THÉ HỮU:	<i>[Signature]</i>
KS. HOÀNG THÀNH BÌNH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	<i>[Signature]</i>
KS. NGUYỄN HỒNG MẠNH	

GIẤY SƠ DẪN THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

TỈ LỆ:	HỒ BÊN BÊN:	KIỂM BAN VẼ:
	12/2025	



MẶT BẰNG KẾT CẤU KHUNG KÈO



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ VINAPARD
ĐÃ TẠM TRA
Văn bản thêm tra số:/TTVN
ngày 2025
Người chủ trì
[Signature]

GHI CHÚ:

Lần:	Số m. số:	Ngày:
1		
2		
3		
4		

CHỖ ĐÓNG TỰ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTPT LAM SƠN - BÀ THƯỚC

TÊN DỰ ÁN:
NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL

HÌNH MỤC:

QUY MÔ XÂY DỰNG:
XÃ ĐIỀN LƯ, TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:


CÔNG TY CỔ PHẦN QUY HOẠCH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN: PHÒNG KHÁC THÀNH
ĐẠM ĐỐC
[Signature]
NGUYỄN THỊ QUỲNH

TÊN CHỨC VỤ	HỌ TÊN	CHỮ CHỮA
KS. HOÀNG THANH BÌNH		<i>[Signature]</i>
THỦ TƯỚNG	KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
THÀNH VIÊN	KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN HÙNG MINH	<i>[Signature]</i>

GIẢI THÍCH THI CÔNG

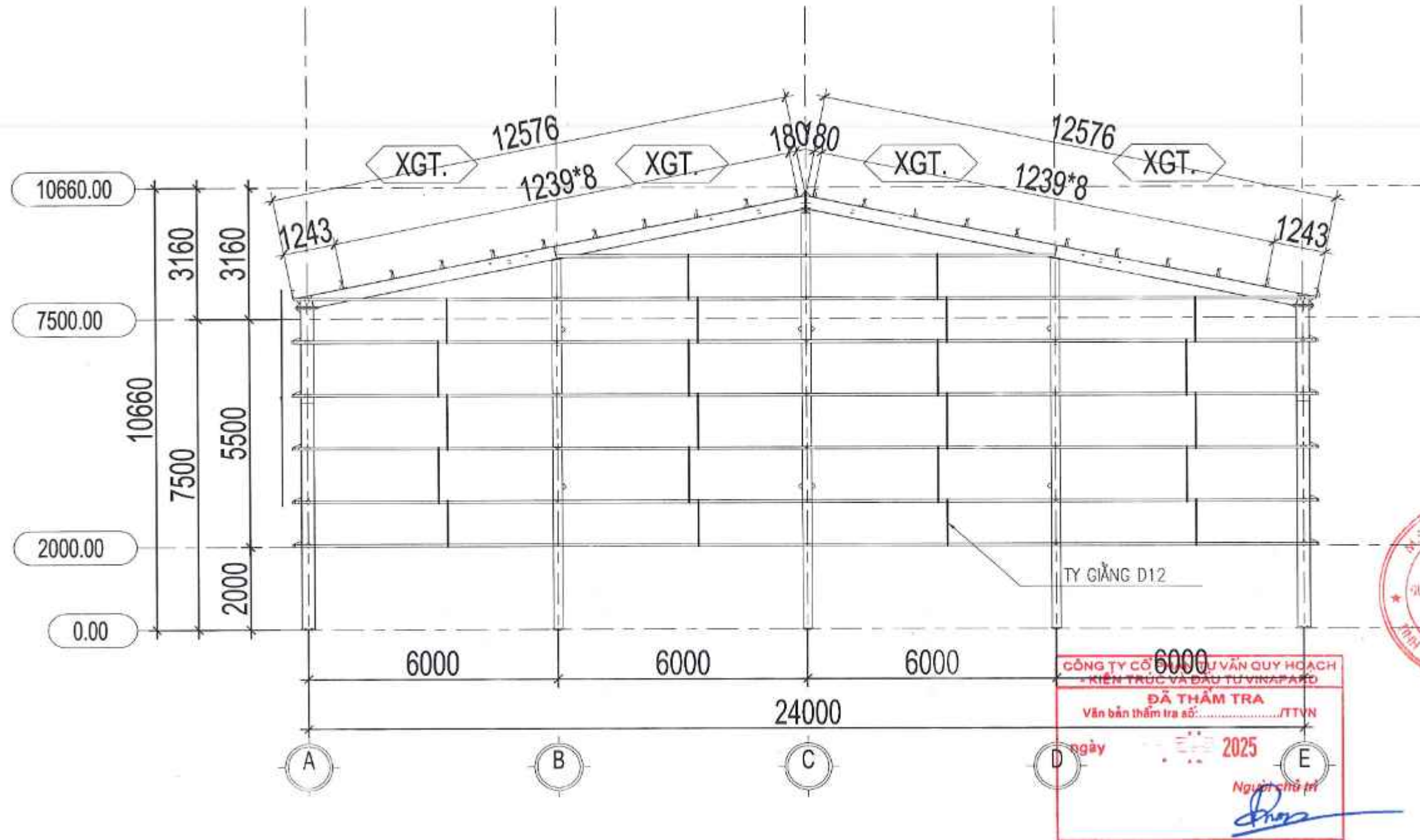
T. L.:	HO. H. TH. H.:	K. M. H. H. V.:

12/2025

BẢNG KÊ CẤU KIỆN

TÊN CK	VẬT LIỆU	TIẾT DIỆN
RF1.	Q355	H(700-450)*8+215*10
GC.	SS400	D114*3.5
BR.	SS400	D20

XÀ GỖ MẶT HỒI



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ VINAPAC**
ĐÃ THẨM TRA
 Văn bản thẩm tra số:/TTVN
 ngày 2025
 Người chủ trì

BẢNG KÊ CẤU KIỆN

TÊN CK	VẬT LIỆU	TIẾT DIỆN
XGT.	G250	C200*65*20*2.0

GHI CHÚ:

Lần	Số vẽ	Ngày
1		
2		
3		
4		

CHẾ ĐỘ TỰ:
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTPT
LAM SƠN - BÀ THƯỚC**

TÊN DỰ ÁN:
NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL

HẠNG MỤC:
 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ ĐIÊN LỮ, TỈNH THANH HÓA

DANH VI THỰC HIỆN:



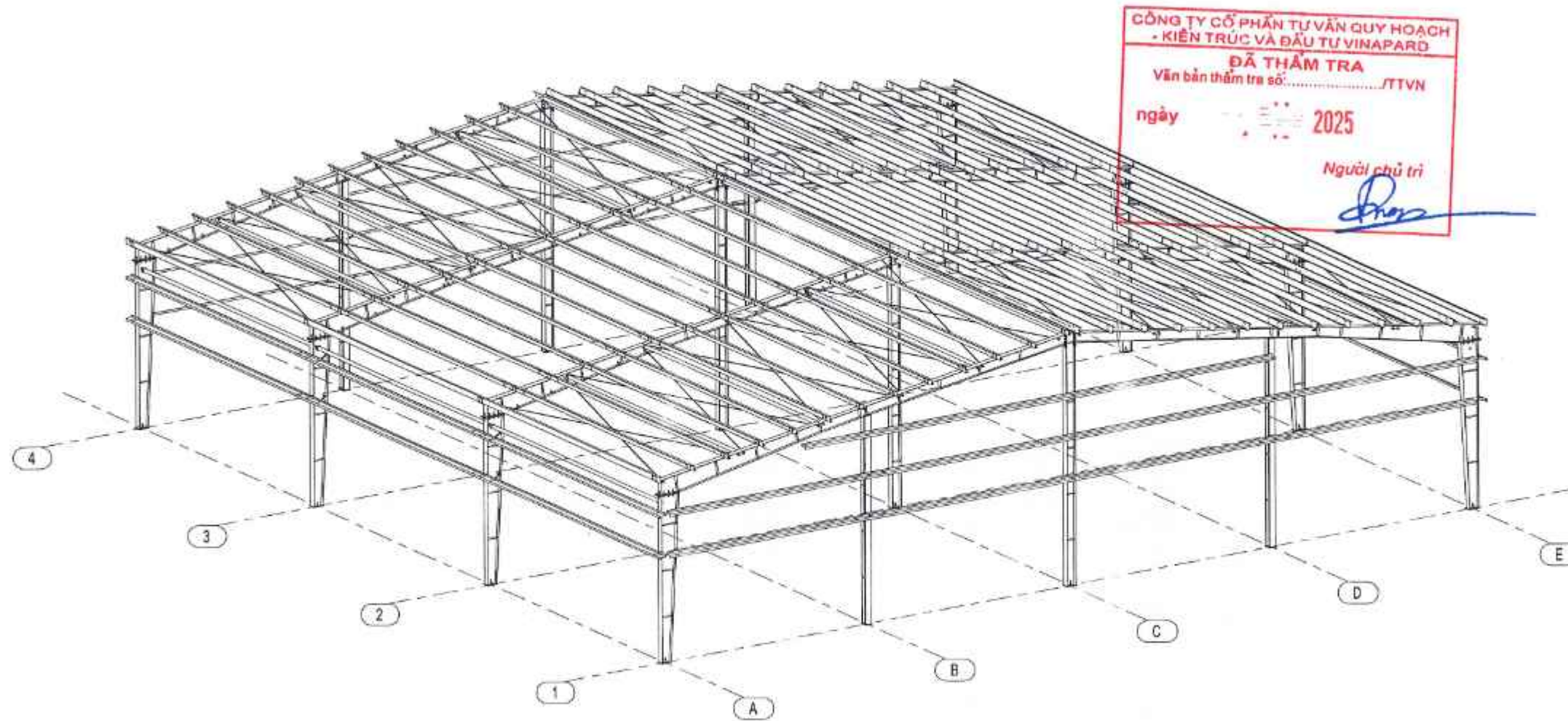
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ VINAPAC
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ VINAPAC
 15/3 Đ. N. 280/29/4/93/1
 QUẬN HOÀNG PHƯƠNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 CHỨC VỤ: CHẠM ĐỨC
 NGUYỄN THỊ QUỲNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	KS. HOÀNG THANH BÌNH	
THIẾT KẾ:	KS. HOÀNG THANH BÌNH	
THỰC HIỆN:	KS. HOÀNG THANH BÌNH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	KS. NGUYỄN HỒNG MẠNH	

THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

TỈ LỆ:	HỒ N. TH. NH.	K. HỒ B. H. V.

3D VIEW KHUNG THÉP



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH
- KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ VINAPARD
ĐÃ THẨM TRA
Văn bản thẩm tra số:/TTVN
ngày 12/12/2025
Người chủ trì
[Signature]

GHI CHÚ:

Lần	Số lần	Ngày
1		
2		
3		
4		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTPT
LAM SƠN - BÁ THƯỚC

TÊN DỰ ÁN:

NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL

HÌNH MỤC:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐIỀN LƯ, TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



NGUYỄN THỊ QUỲNH

CHẠM TRỊ THẬT GÊ:

KS. HOÀNG THANH BÌNH

[Signature]

THIẾT KẾ:

KS. HOÀNG THANH BÌNH

[Signature]

THẨM ĐỊNH:

KS. HOÀNG THANH BÌNH

[Signature]

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:

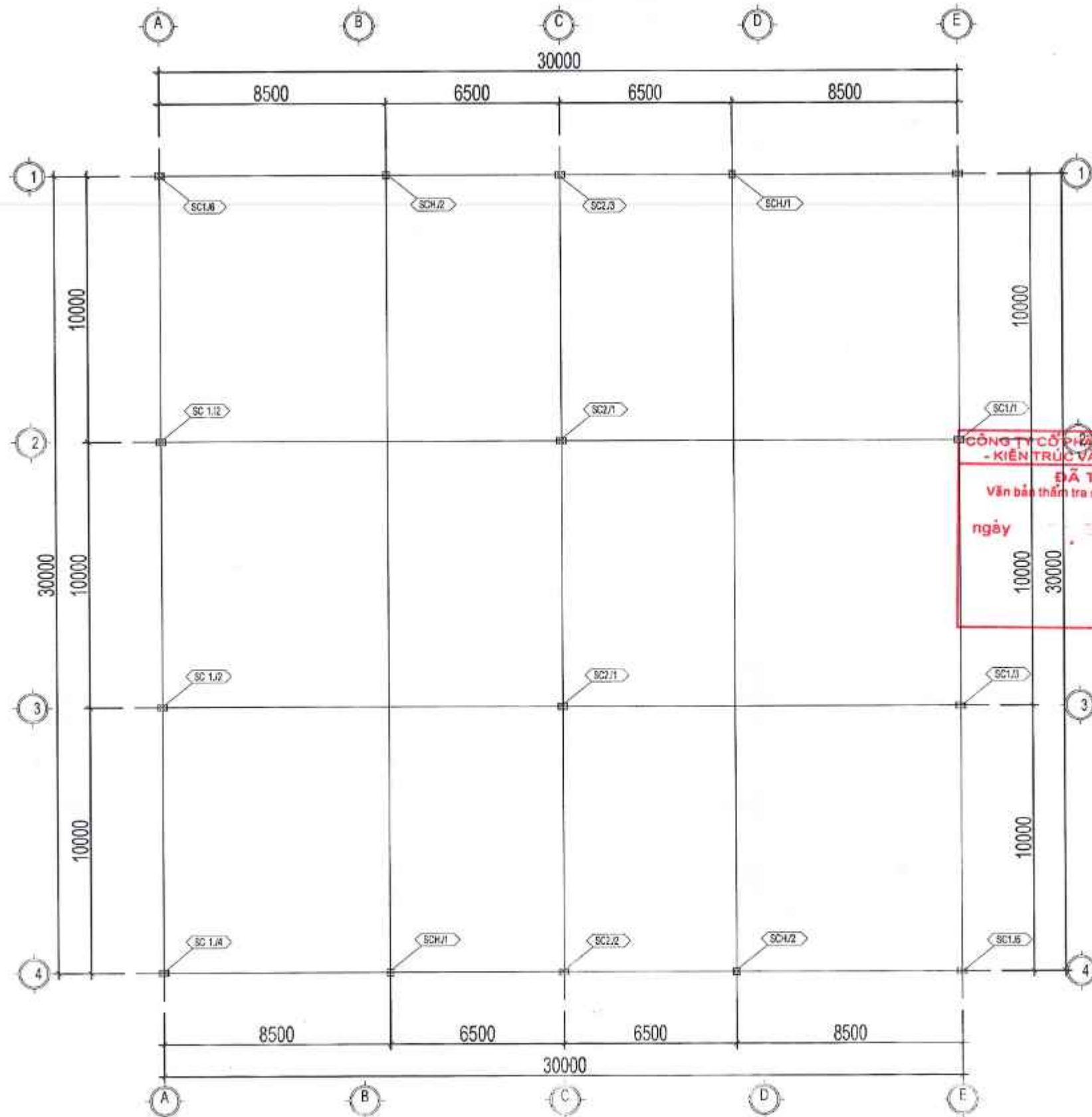
KS. NGUYỄN HÙNG MẠNH

[Signature]

GIẢI THÍCH
THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

TITLE	HỌ TÊN	KÝ HỌ ĐƠN VỊ
	12/2025	

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CỘT



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH
- KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ VINAPARD
ĐÃ THẨM TRA
Văn bản thẩm tra số:/TTVN
ngày 2025
Người chủ trì
[Signature]



GHI CHÚ:

Lần:	Số uớc:	Ng ỳ:
1		
2		
3		
4		

CHỖ ĐƯU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTPT LAM SƠN - BÀ THƯỚC

TÊN DỰ ÁN:
NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL

THỊNG MỤC:
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ ĐIÊN LỰ, TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG
ĐỊA CHỈ: 58 THỊNH CƯỜNG, PHƯỜNG MỤC THẠNH

GIÁM ĐỐC:
[Signature]
NGUYỄN THỊ QUỲNH

CHỖ TRƯ THUYẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
KS. HOÀNG THANH BÌNH	
THUYẾT KẾ:	<i>[Signature]</i>
KS. HOÀNG THANH BÌNH	
THẺ HỒN:	<i>[Signature]</i>
KS. HOÀNG THANH BÌNH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	<i>[Signature]</i>
KS. NGUYỄN HÙNG MẠNH	

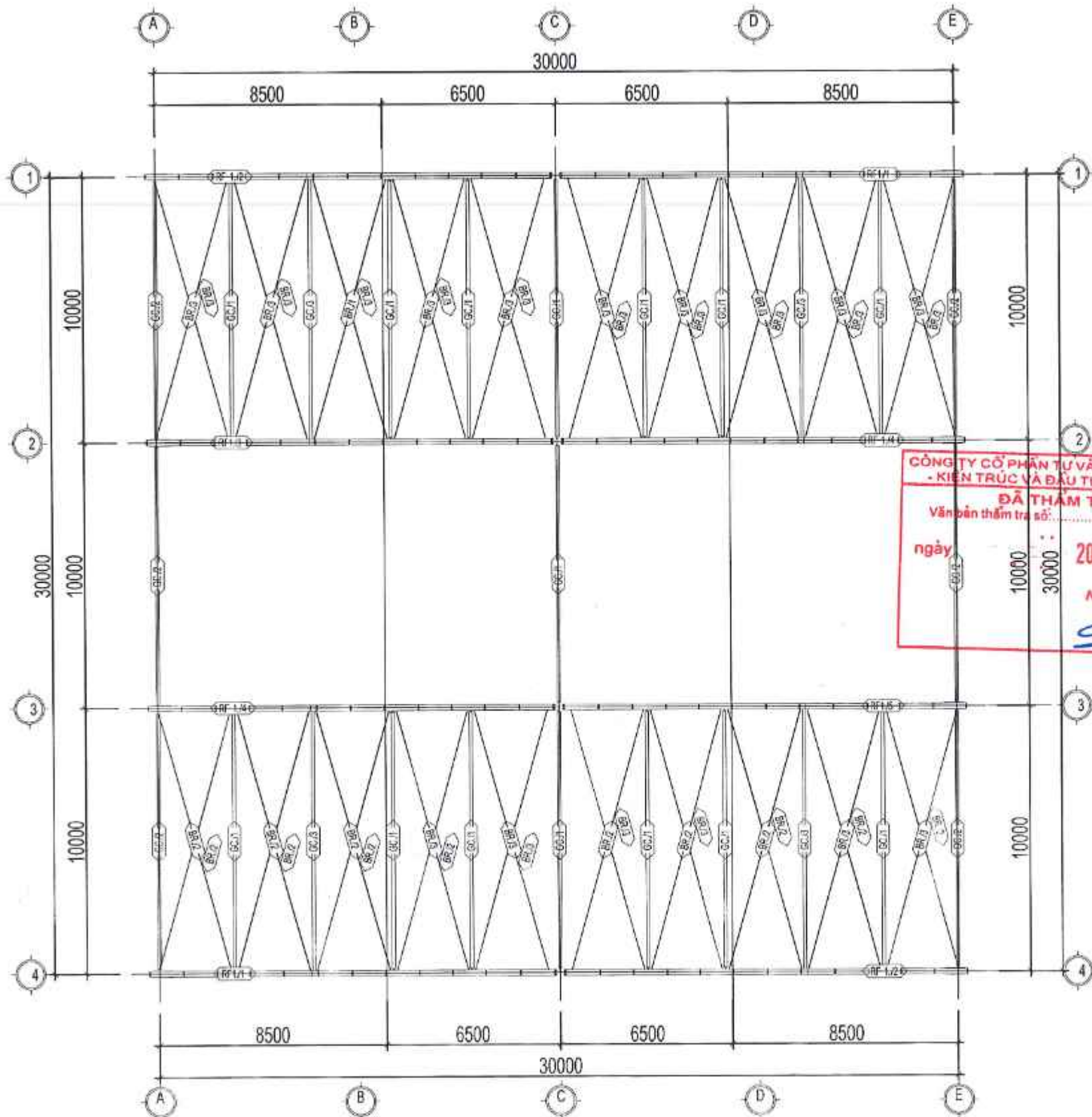
BẢNG KÊ CẤU KIỆN

TÊN CK	VẬT LIỆU	TẾT DIỆN
SC1.	SS400	H(300-600)*8+215*10
SC2.	SS400	H300*8+215*10
SCH.	SS400	H215*8+215*10

ĐẠI DIỆN THUYẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

TITLE:	HỌ TÊN:	KÝ HỌ BÊN VÀ
	12/2025	

MẶT BẰNG KẾT CẤU KHUNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN QUY HOẠCH
 - KIẾN TRÚC VÀ ĐẦU TƯ VINAPARD**
ĐÃ THAM TRA
 Văn bản thẩm tra số:/TTVN
 ngày 10/10/2025
 Người chủ trì: *[Signature]*

GHI CHÚ:

Lần:	Số lần:	Ngày:
1		
2		
3		
4		

CHỖ MẪU TỰ:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTPT
LAM SƠN - BÀ THƯỚC**

TÊN DỰ ÁN:
NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL

HÌNH MỤC:

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ ĐIỀN LỰ, TỈNH THANH HÓA

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC ĐỒNG DƯƠNG**
 SỞ CHỨC SỰ NGHIỆP CÔNG NGHỆ, THƯƠNG MẠI THANH HÓA

NGUYỄN THỊ QUỲNH

CHỨC VỤ THIẾT KẾ	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
THÉ HỌN	
KS. HOÀNG THANH BÌNH	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
KS. NGUYỄN HÙNG MẠNH	<i>[Signature]</i>

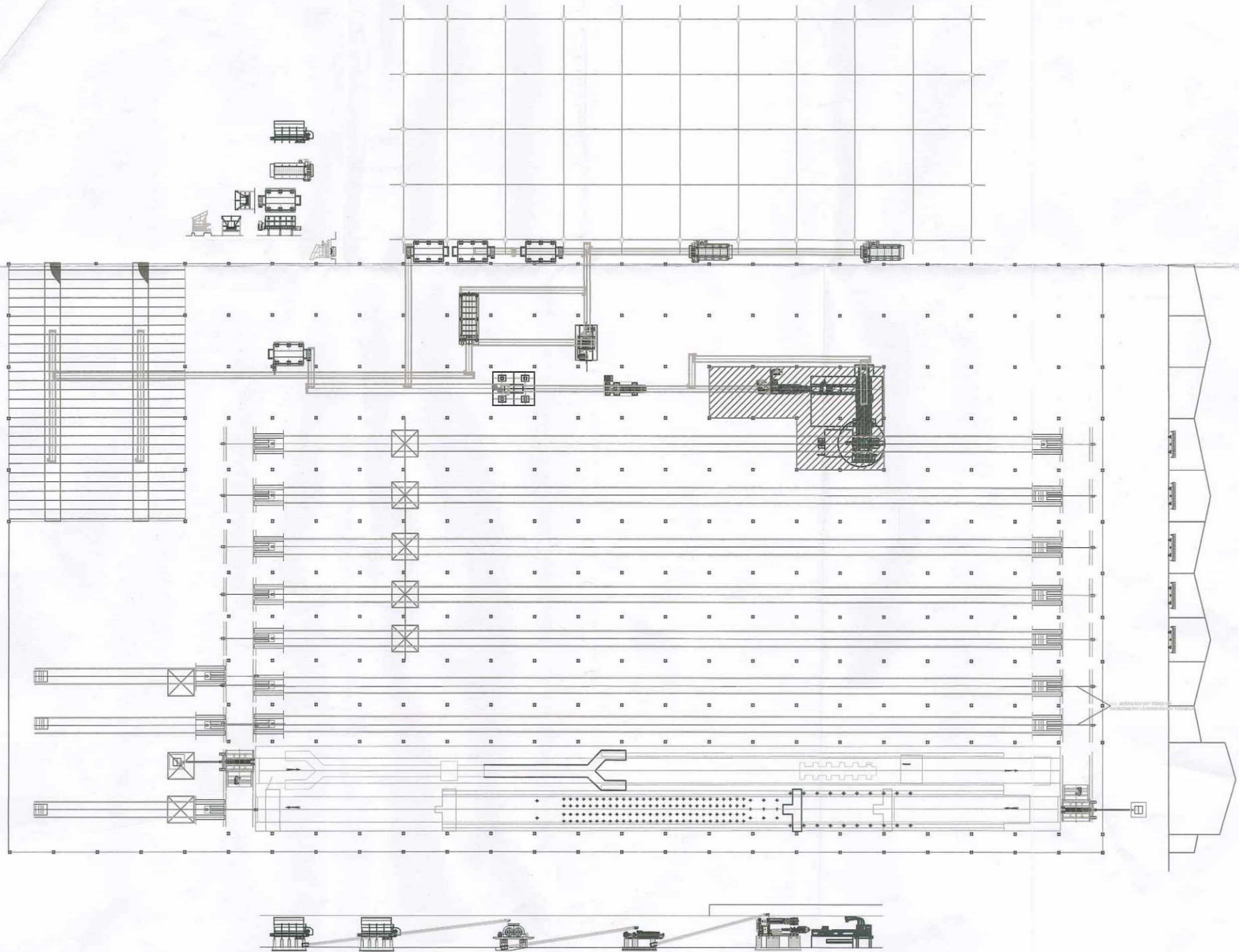
THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG

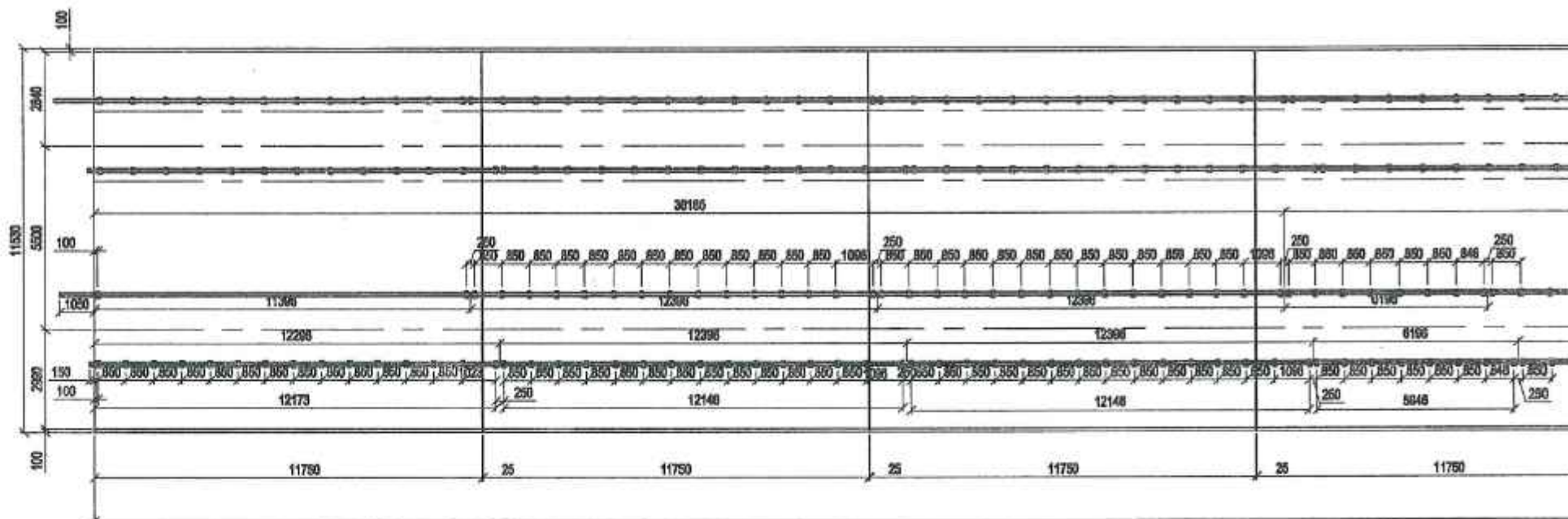
TÊN CK	VẬT LIỆU	TIẾT DIỆN
RF1.	SS400	H(600-300)*8+215*10
GC.	SS400	D114*3.5
BR.	SS400	D20

T. L.:	H. H. T. H.:	K. H. S. V.:
	12/2025	

BẢNG KẾ CẤU KIẾN

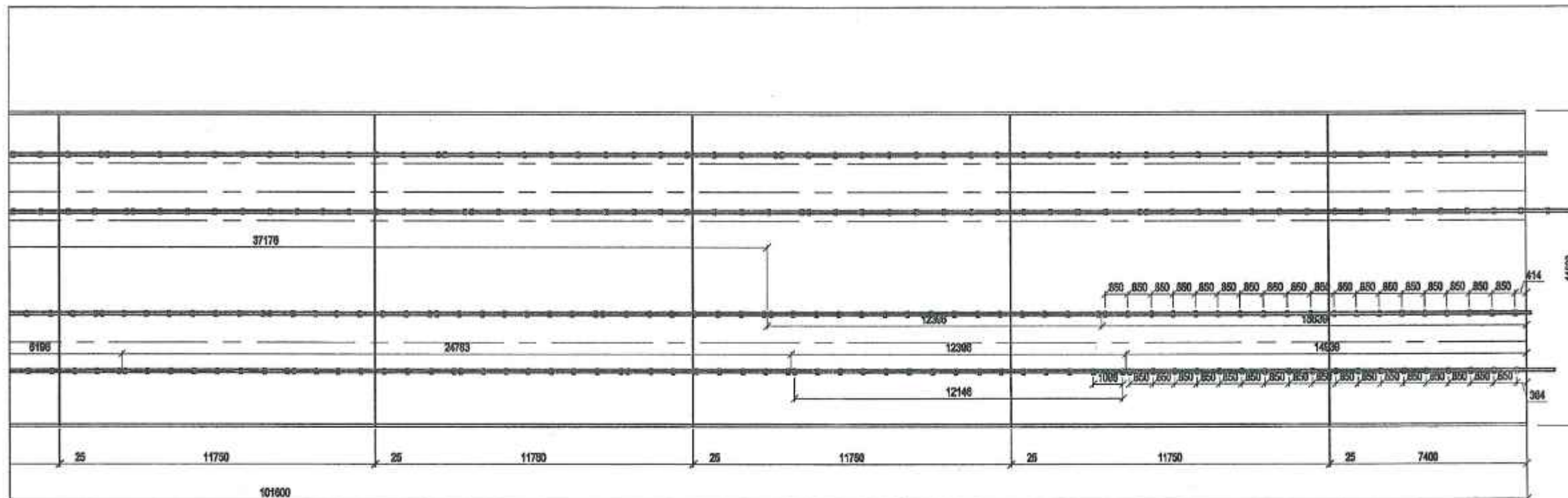
TÊN CK	VẬT LIỆU	TIẾT DIỆN
RF1.	SS400	H(600-300)*8+215*10
GC.	SS400	D114*3.5
BR.	SS400	D20



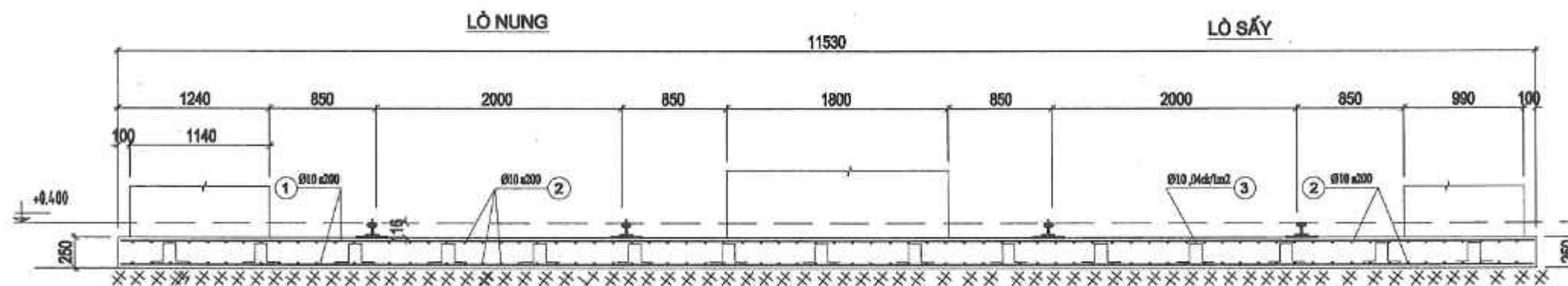


BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP MÓNG

TÊN C.KIỆN	SỐ T.T	HÌNH DÁNG - KÍCH THƯỚC	Ø mm	CHIỀU DÀI 1 THANH mm	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI m	TỔNG T. LƯỢNG kg
					C.KIỆN	T.BỘ		
BÉ MÓNG LỖ ĐOẠN 11.7M	1	11980	10	11980	59	8*59*2	11309,12	6977,73
	2	11700	10	11700	58	8*58*2	10857,6	6699,14
								13676,87
BÉ MÓNG LỖ ĐOẠN 7.4M	1a	7400	10	7400	59	2*59	873,2	538,76
	2	11700	10	11700	58	2*58	1357,2	837,39
								1376,15
	3	$\begin{matrix} & & 100 & & \\ & 150 & \square & 150 & \\ 100 & & & & 100 \end{matrix}$	10	600	4686	4686	2811,6	1734,76



MẶT BẰNG CỐT +0.400 TL 1:50



MẶT CẮT 1-1

GHI CHÚ:

- 1- BÊ TÔNG LÓT MÓNG MẮC 100 ĐÁ 4X6, BÊ TÔNG MÓNG MẮC 200 ĐÁ 1X2
- 2- THÉP D<10 NHÓM AI, THÉP D>=10 NHÓM AII
- 3- TƯỜNG MÓNG XÂY GẠCH ĐẶC MẮC 100, VỮA XM MẮC 50
- 4- CAO ĐỘ MẶT MÓNG THIẾT KẾ CHO RAY P30, NẾU THAY ĐỔI RAY CẦN ĐIỀU CHỈNH LẠI

GHI CHÚ/NOTES :

Ngày/Date: Nội dung/Content: Cập nhật/Update:

Chủ đầu tư /owner:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Dự án/PROJECT:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUNNEL**

Địa chỉ: ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Số kế hoạch và địa điểm: THANH HÓA

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
PHÚC QUANG THÀNH**

Địa chỉ: ADD: SỐ 7, MÃ CƯỜNG, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Giám đốc/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

Chủ trì/Kỹ sư/ENGINEER

BỒI VĂN SÁU

Chủ nhiệm/Kỹ sư/ENGINEER

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

Kiểm tra/CHECK BY

CHỮ ANH ĐỐC

Thiết kế/DESIGN BY

NÔNG THỀM NGÂN

Hạng mục/ITEM NO: 00

LÒ NUNG SẤY TUNNEL

Tên bản vẽ/DRAWING NAME:

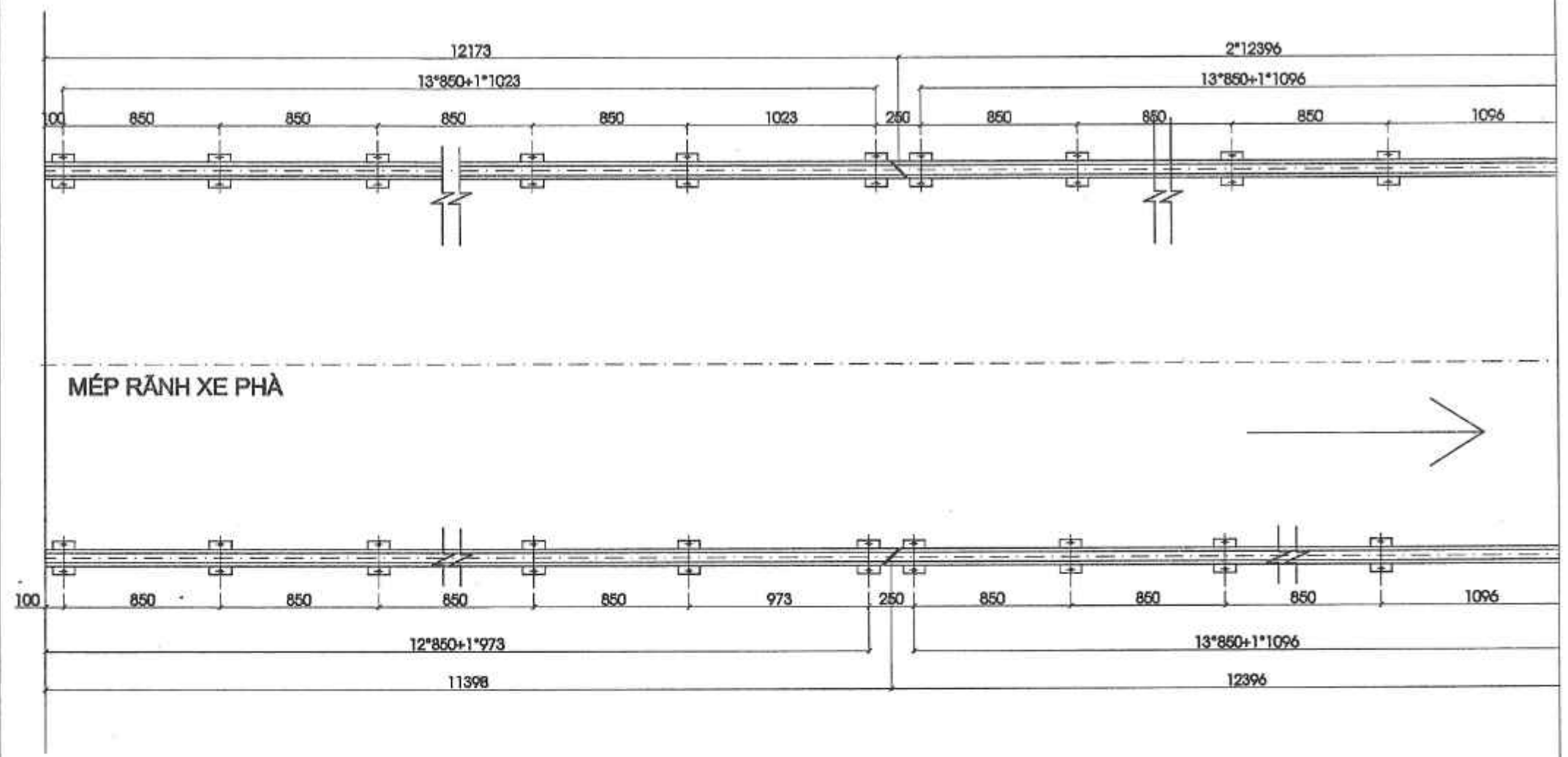
MÓNG Lò NUNG HẦM SẤY

Tỷ lệ/SCALE: A3 Số bản vẽ/DRAWING NO:

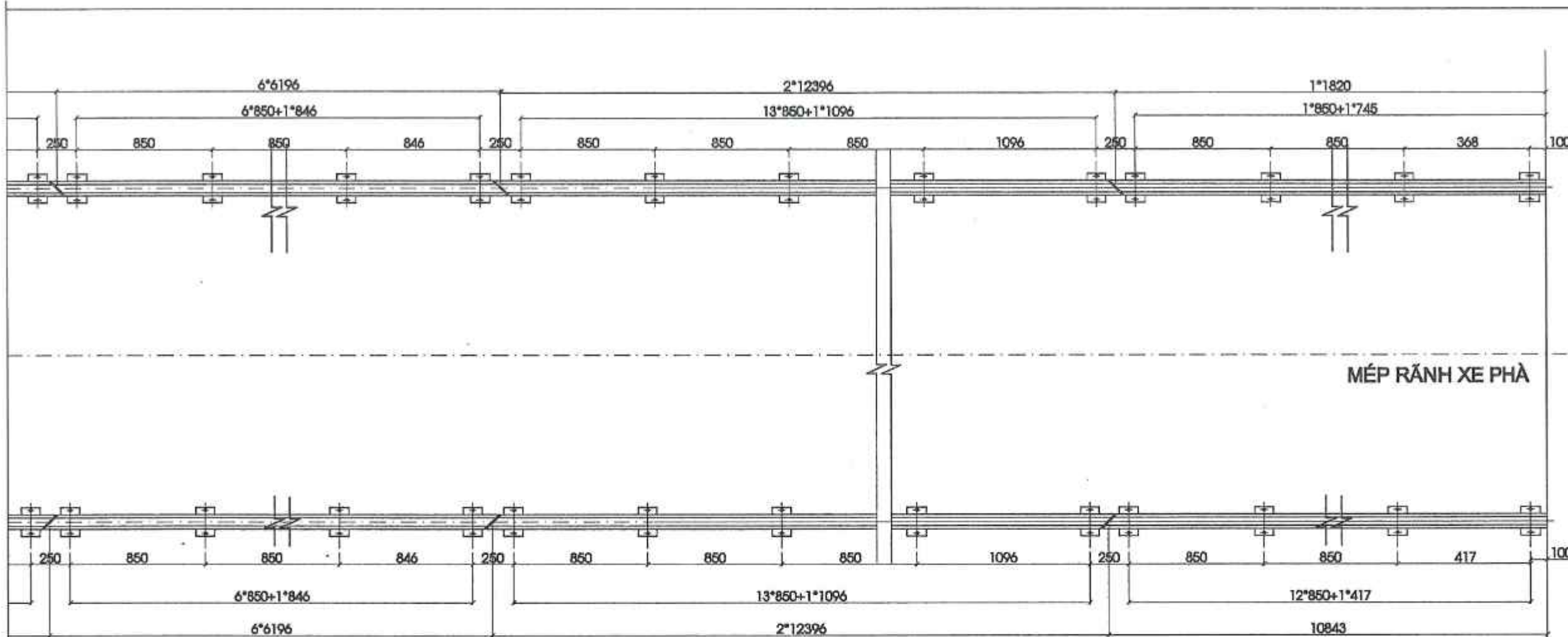
Đơn vị/DESIGNER: B.V.T.C CONSTRUCTION

Ngày/DATE: 06-2025

LNS-00-01



GHI CHÚ
KHE CO DẪN GIỮA 2 ĐOẠN RAY LÀ 7MM



MẶT BẰNG RAY TRONG LÒ

BẢNG THỐNG KÊ THÉP RAY LÒ NUNG

S.H	H.DÁNG KÍCH THƯỚC	L(mm) F(m ²)	S.LƯỢNG	Σ L(m) Σ F(m ²)	G(Kg)
1	DÂY 8	0,03	272	8,16	512,48
2	Ø 10	340	544	184,96	114,12
3	RAY P30	101600	2	203,2	6096

BẢNG THỐNG KÊ THÉP RAY HẨM SẤY

S.H	H.DÁNG KÍCH THƯỚC	L(mm) F(m ²)	S.LƯỢNG	Σ L(m) Σ F(m ²)	KG(Kg)
1	DÂY 8	0,03	260	7,8	489,84
2	Ø 10	340	520	176,80	109,1
3	RAY P30	101600	2	203,2	6096

GHI CHÚ/NOTES :

Δ
VỀ NGÀY/DATE NỘI DUNG/CONTENT CHỈ HƯỚNG/DIR

CHỦ ĐẦU TƯ /OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ ADD: T. LAM SƠN, H. THỌ XUÂN, T. THANH HÓA

DỰ ÁN/PROJECT:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL

Địa chỉ ADD: T. LAM SƠN, H. THỌ XUÂN, T. THANH HÓA

SỐ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ T. THANH HÓA

CÔNG TY TRADING HỮU HẠN
PHÚC QUANG THÀNH

Địa chỉ ADD: T. LAM SƠN, H. THỌ XUÂN, T. THANH HÓA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/MECHANIC

BÙI VĂN SÁU

CHUYÊN DẠY/MECHANIC

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

Kiểm tra/CHECK BY

CHỮ ANH ĐỨC

Thiết kế/DESIGN BY

NÔNG THỊ MỸ NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 00

LÒ NUNG SẤY TUYNEL

TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:

RAY TRONG LÒ NUNG

TỶ LỆ
SCALE

A3

SỐ BẢN VẼ
DRAWING NO

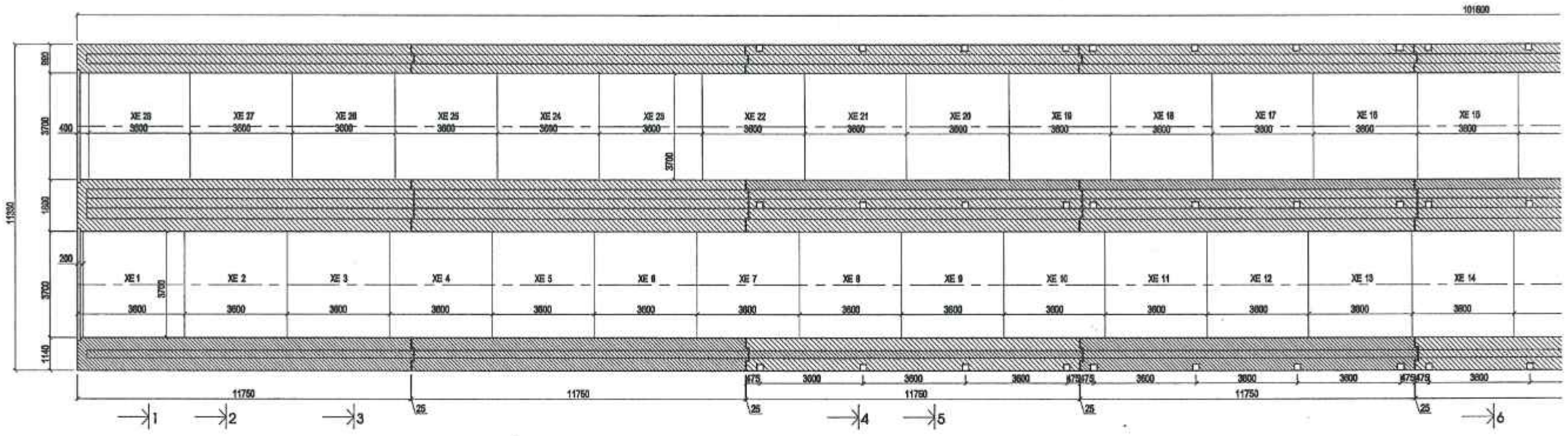
QUY TRÌNH
DESIGN STEP

B.V.T.C
CONSTRUCTION

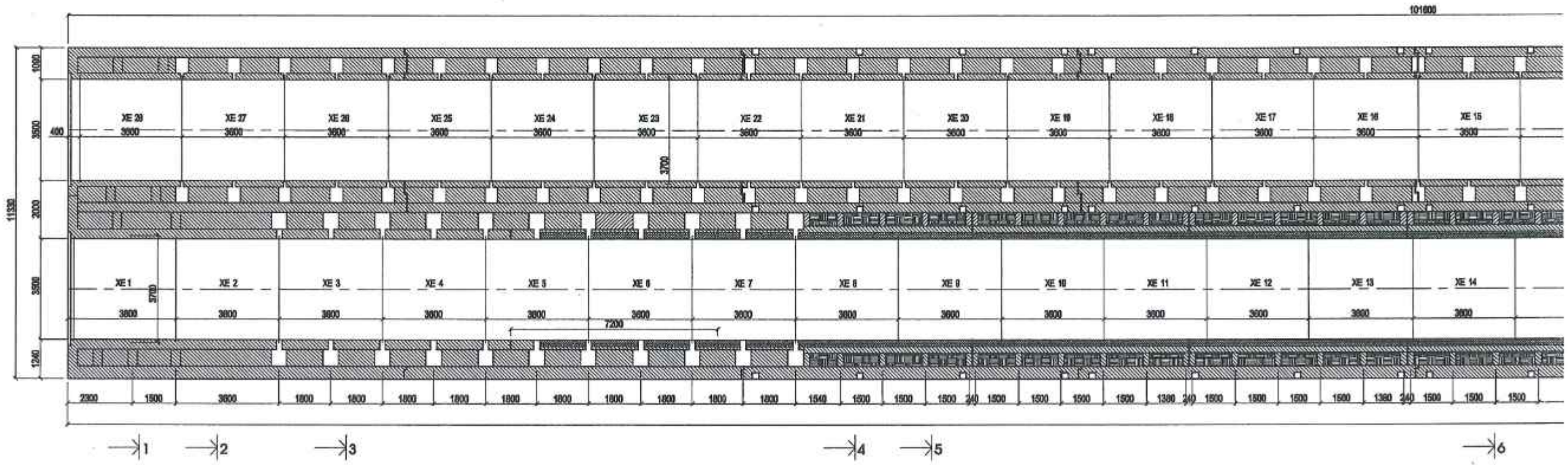
LNS-00-02

NGÀY HI
DATE

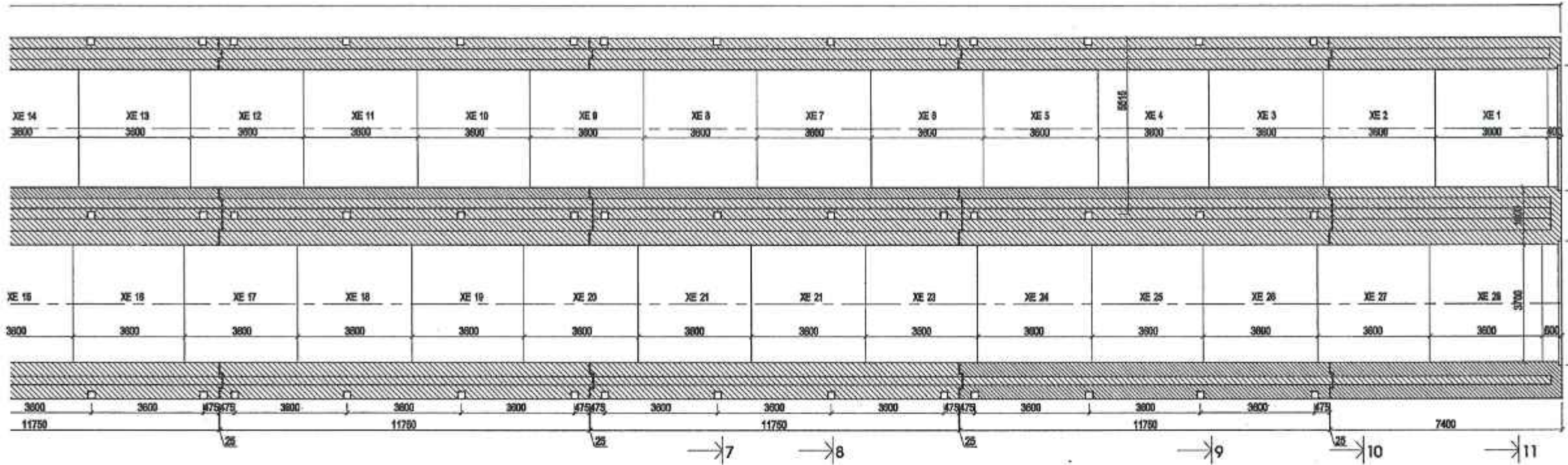
06-2025



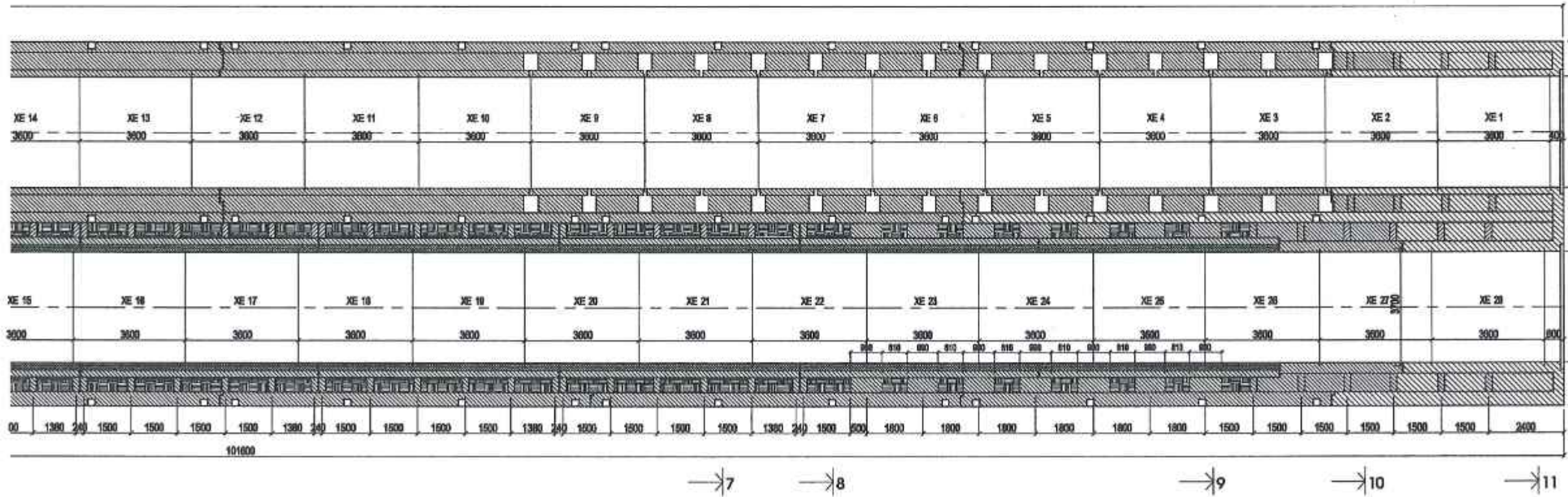
MẶT



MẶT



BẢNG CỐT +0.900 TL 1:50



BẢNG CỐT +1.400 TL 1:50

GHI CHÚ/NOTES :

ỨNG DỤNG/DAE NỘI DUNG/CONTENT GIỚI THIỆU/INTRO

CHỦ ĐẦU TƯ /OWNER:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MIA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XÃM, TỈNH THANH HÓA

DỰ ÁN/PROJECT:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL**

Địa chỉ: ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XÃM, TỈNH THANH HÓA

SỐ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA



GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

QUẢN LÝ THIẾT KẾ/MANAGER

BÙI VĂN SẦU

CHỦ NHIỆM DẠY/MANAGER

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

KÈM TRẠCH/CHK BY

CHỦ ANH ĐỨC

THIẾT KẾ/DESIGN BY

NÔNG THIÊM NGÂN

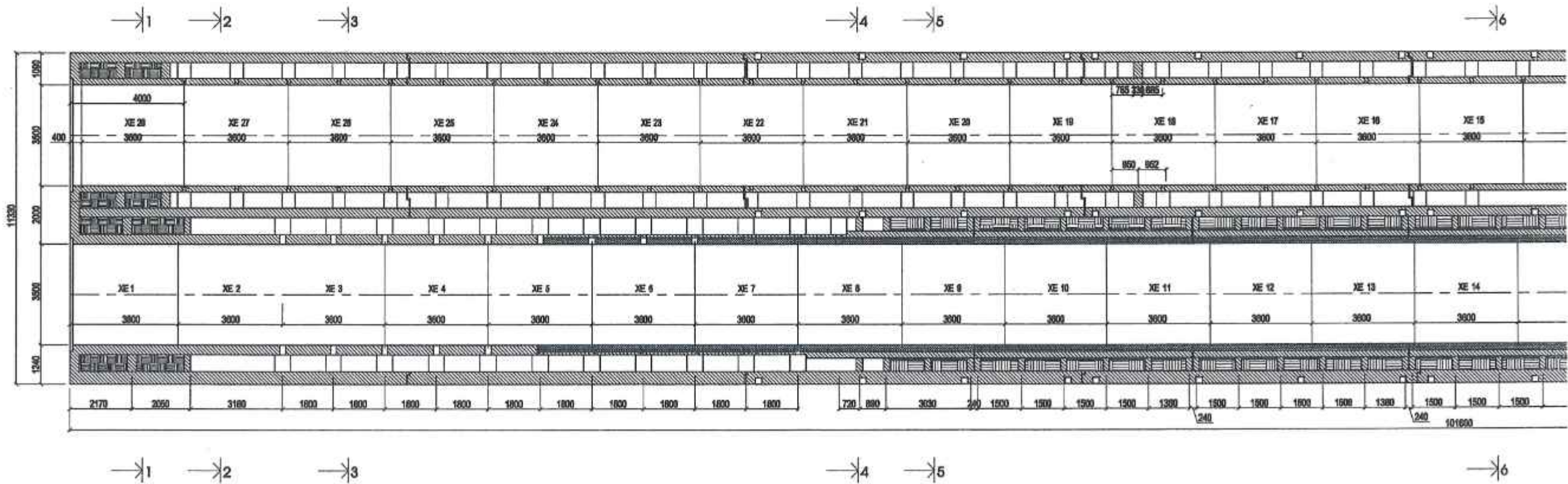
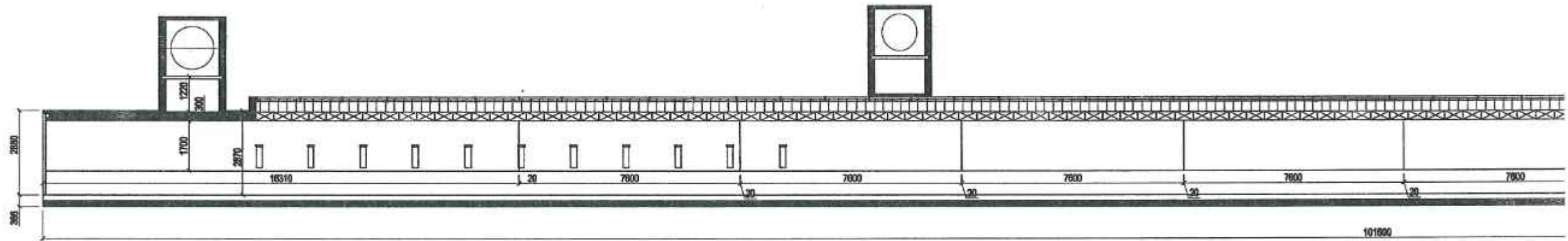
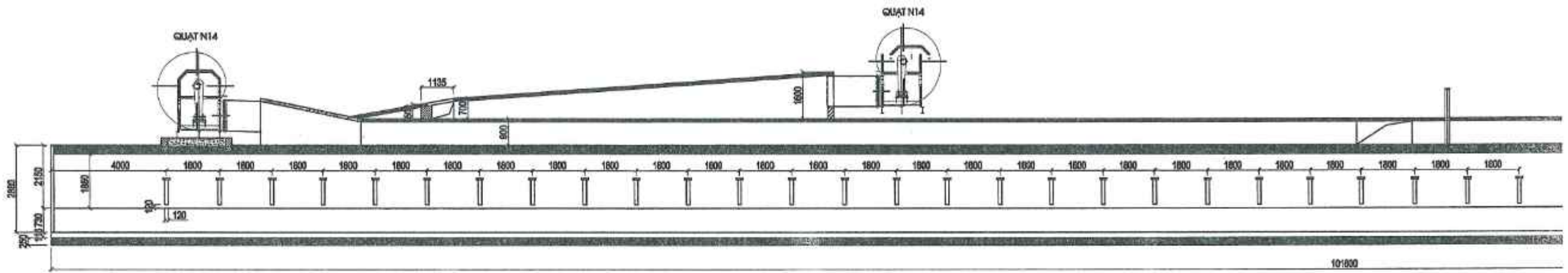
HẠNG MỤC/ITEM NO: 00

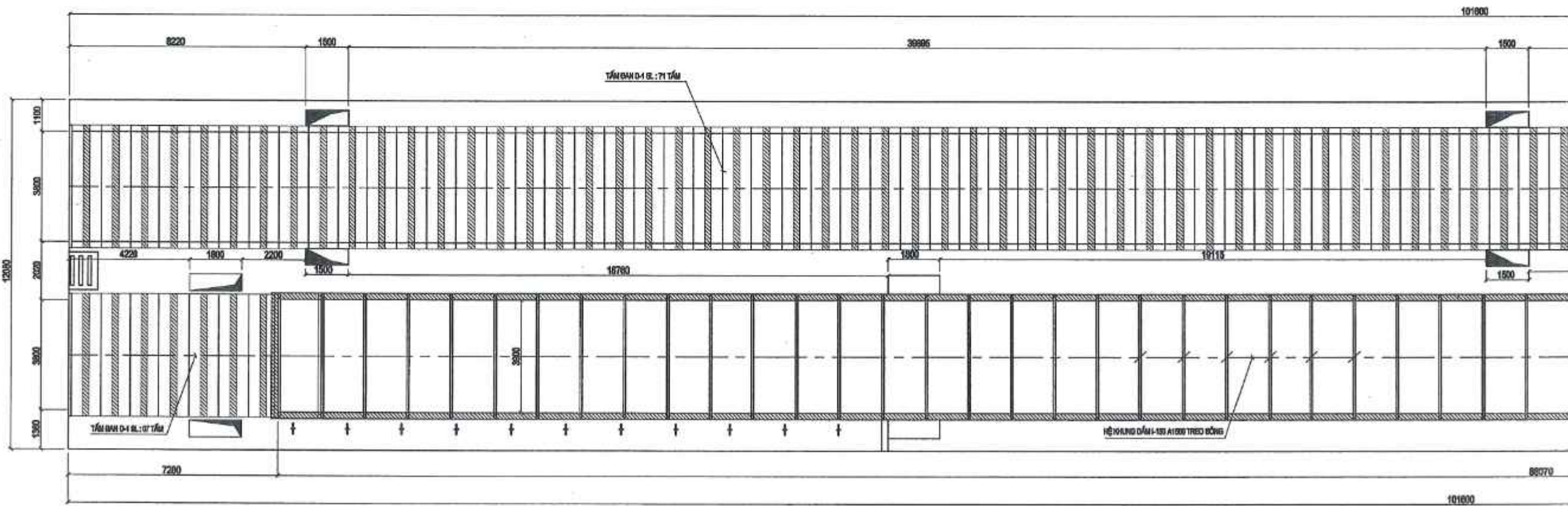
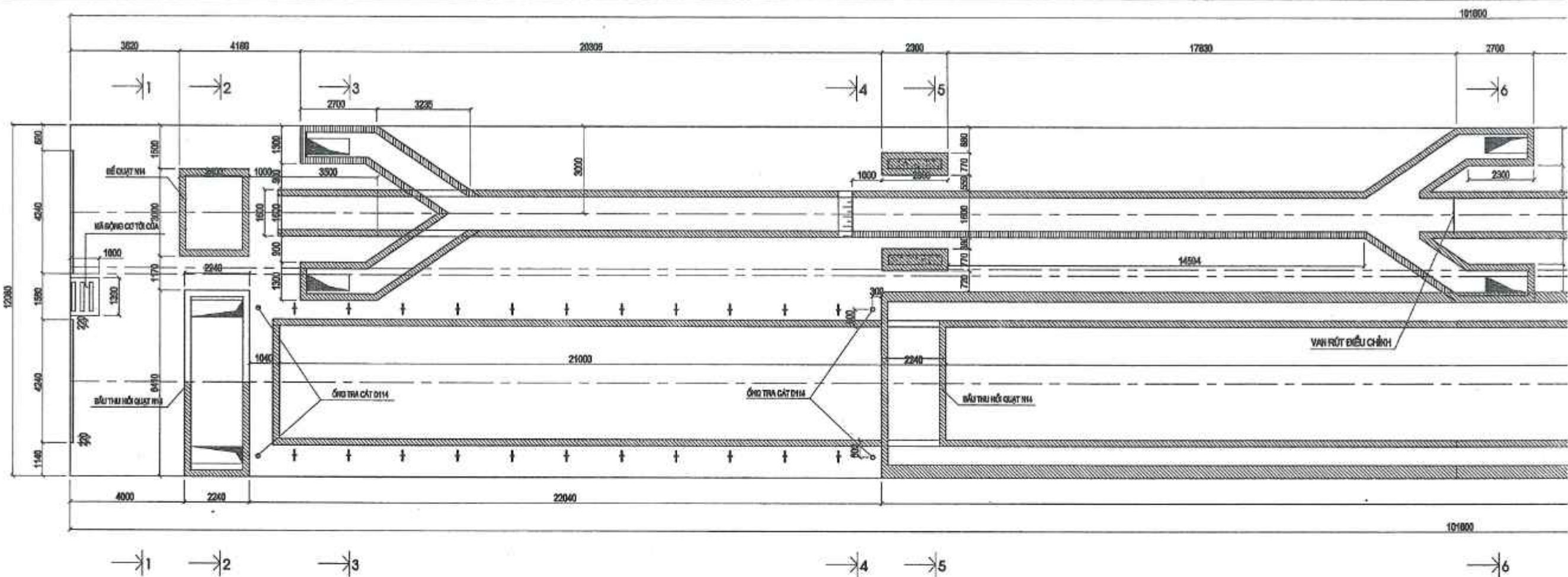
LÒ NUNG SẤY TUYNEL

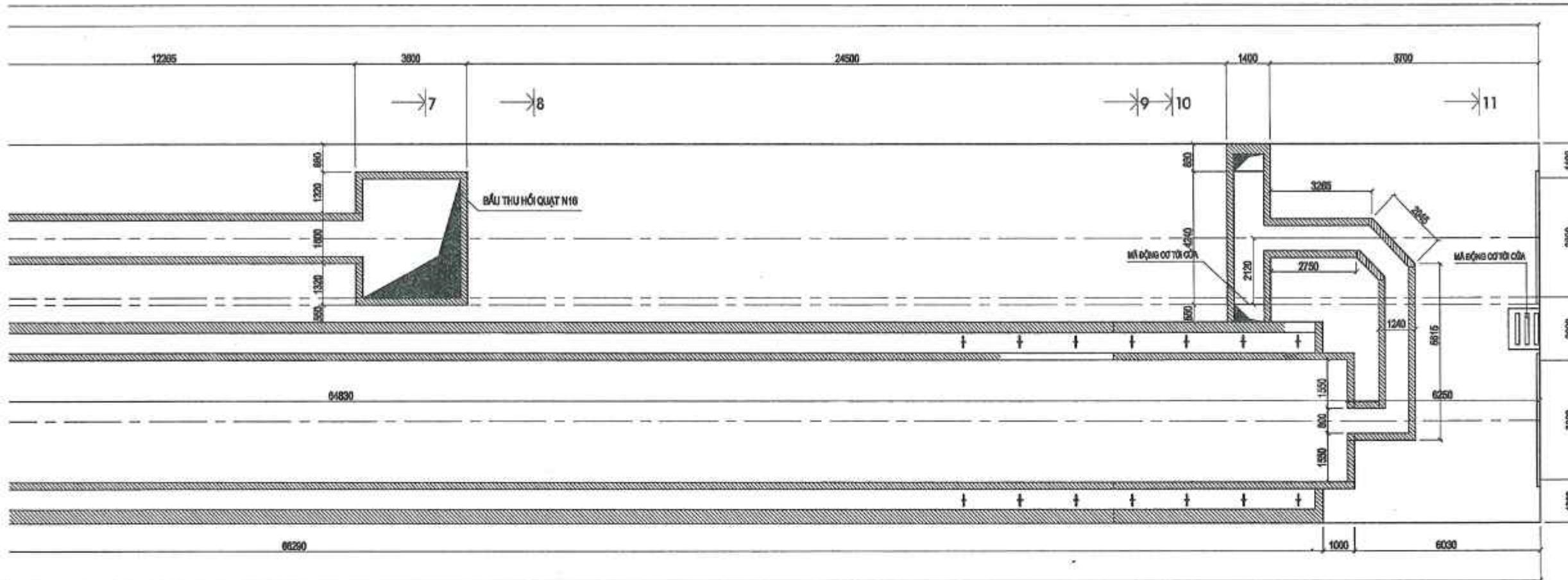
TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:

MẶT BẰNG

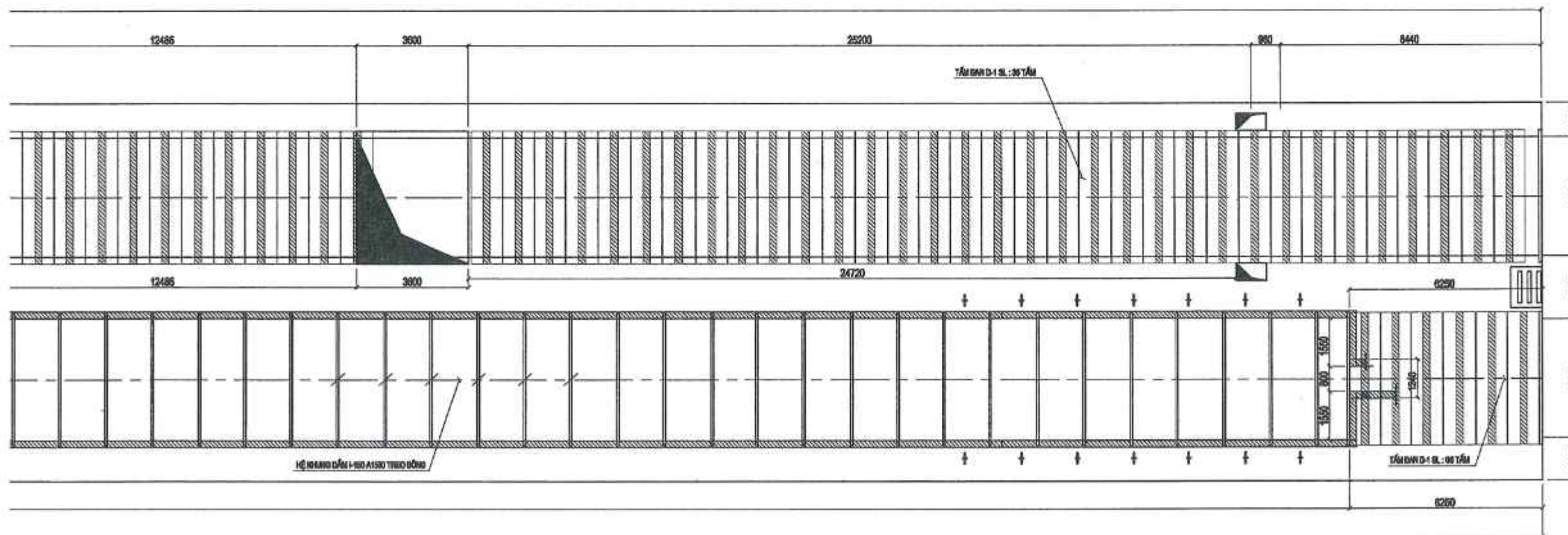
TỶ LỆ SCALE	A3	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO
QUY TRÌNH/DESIGN BY	B.V.T.C CONSTRUCTION	INS-00-03
NGÀY HT DATE	06-2025	







KÊNH DẪN KHÍ NÓC LÒ



MẶT BẰNG KẾT CẤU LÒ

GHI CHÚ/NOTES :

STT	NGÀY/DATE	NỘI DUNG/CONTENT	CHỮ HỌ/TÊN

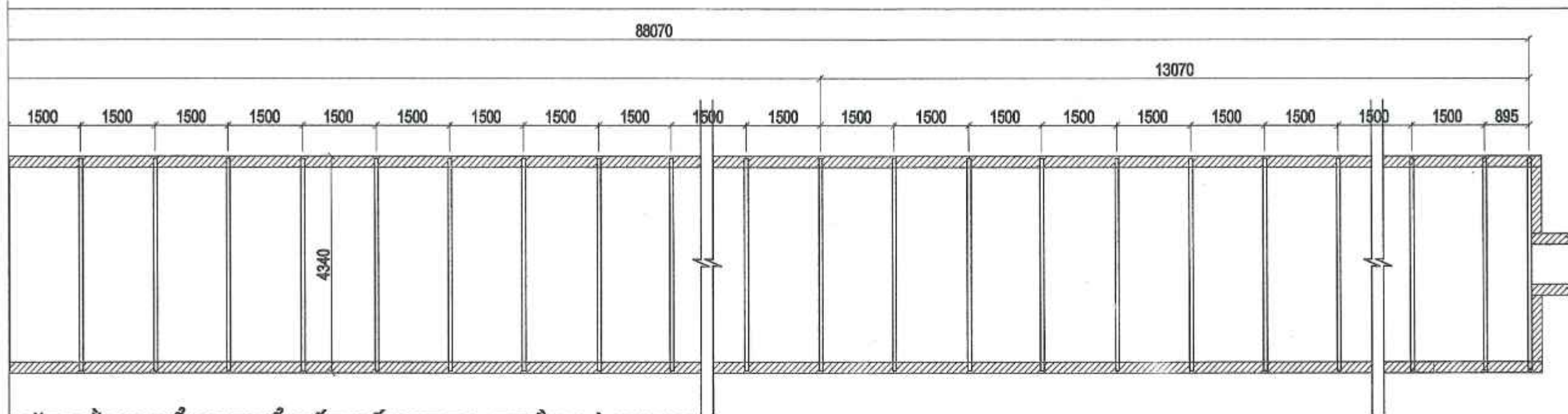
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
 MIA ĐƯỜNG LAM SƠN**
 ĐỊA CHỈ ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA
 DỰ ÁN/PROJECT:
**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
 GẠCH TUYNEL**
 ĐỊA CHỈ ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA
**CÔNG TY
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 PHÚC QUANG THÀNH**
 ĐỊA CHỈ ADD: SỐ 7, XÃ DẪN LÝ, TỈNH THANH HÓA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR
LÊ CÔNG PHÚC
 CHỦ ĐẦU TƯ/CLIENT MANAGER
BÙI VĂN SÂU
 CHỦ NHIỆM/PM/ MANAGER
NGUYỄN NGỌC ĐĂNG
 KÈM TRẠCH/CHECK BY
CHỦ ANH ĐỐC
 THIẾT KẾ/DESIGN BY
NÔNG THÊM NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 00
LÒ NUNG SẤY TUYNEL
 TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:
MẶT BẰNG KÊNH DẪN KHÍ

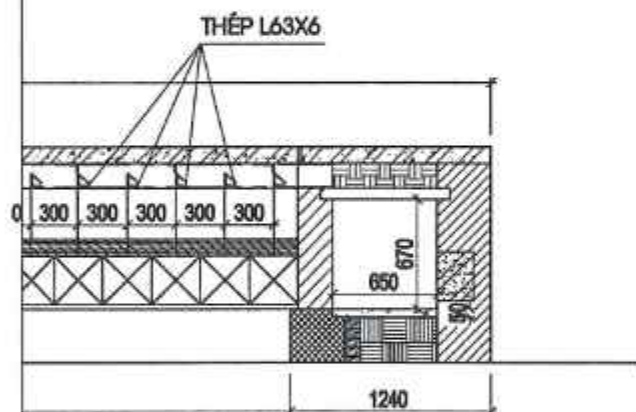
TỶ LỆ SCALE	A3	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO
GHỊN BỐN/DESIGN SEP	B.V.T.C CONSTRUCTION	LNS-00-05
NGÀY HI DATE	06-2025	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ KẾT CẤU TREO TRẦN LÒ NUNG

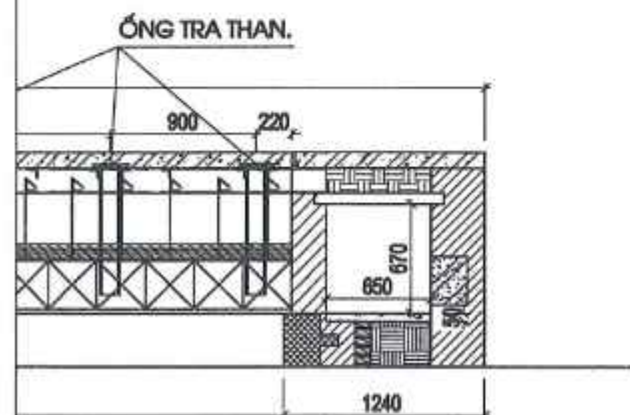
BẢNG THỐNG KÊ THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ T.T	HÌNH DÁNG - KÍCH THƯỚC	Ø mm	CHIỀU DÀI 1 THANH mm	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI m	TỔNG T. LƯỢNG KG
					C.KIỆN	T.BỘ		
DẪM I-150	1	4250	I-150	4250	65	65	276.25	3701.75
THÉP L63X6	2	1490	L63*6	1490	13	13x63x1	1220.31	6676.32
	2a	880	L63*6	880	13	13x1x1	11.44	62.37
THÉP L50X5	3	1490	L50x5	1490	7	7x63x2	657.09	2411.5
	3a	880	L50x5	880	7	7x1x1	6.16	22.61
SÀN THÉP	2	TÔN 2.5 MM KT : 95.5MX4.35M		1500x4350	1	65	424.13 M2	8323.5



VỰC NGOÀI ỐNG TRÁI THAN

BÔNG LÒ



BÔNG LÒ

GHI CHÚ:

1- BÔNG TREO TRẦN LOẠI 1350 ĐỘ TREO TỪ VỊ TRÍ XE GOONG 9 ĐẾN 20
CÁC PHẦN CÒN LẠI TREO LOẠI 1260 ĐỘ

2- KHI THI CÔNG ỐNG TRÁI THAN CẦN THAM KHẢO Ý KIẾN CHURD ĐẦU TƯ VÀ KHỐI XẾP MỘC
THÉP V50*5 LÀM SÀN LÁT TÔN KHOẢNG CÁCH 600.MM

GHI CHÚ/NOTES :

ẢNH NGÀY/DATE NỘI DUNG/CONTENT CHỮ CHỮ/OWNER

CHỦ ĐẦU TƯ /OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

ĐỊA CHỈ ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THO XUAN, TỈNH THANH HÓA

DỰ ÁN/PROJECT:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL

ĐỊA CHỈ ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THO XUAN, TỈNH THANH HÓA

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
PHÚC QUANG THÀNH
PHÚC QUANG THÀNH

ĐỊA CHỈ ADD: TỈNH 7, MÃ LẠNH, HUYỆN THO XUAN, TỈNH THANH HÓA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

QUẢN LÝ THI CÔNG/MANAGER

BÙI VĂN SÁU

CHỨC NHIỆM DA/IL/MANAGER

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

KÊM TRÁI/CHECK BY

CHỦ ANH ĐỨC

THIẾT KẾ/DESIGN BY

NÔNG THỀM NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 00

LÒ NUNG SẤY TUYNEL

TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:

KẾT CẤU TREO TRẦN LÒ

TỶ LỆ SCALE

A3

SỐ BẢN VẼ DRAWING NO

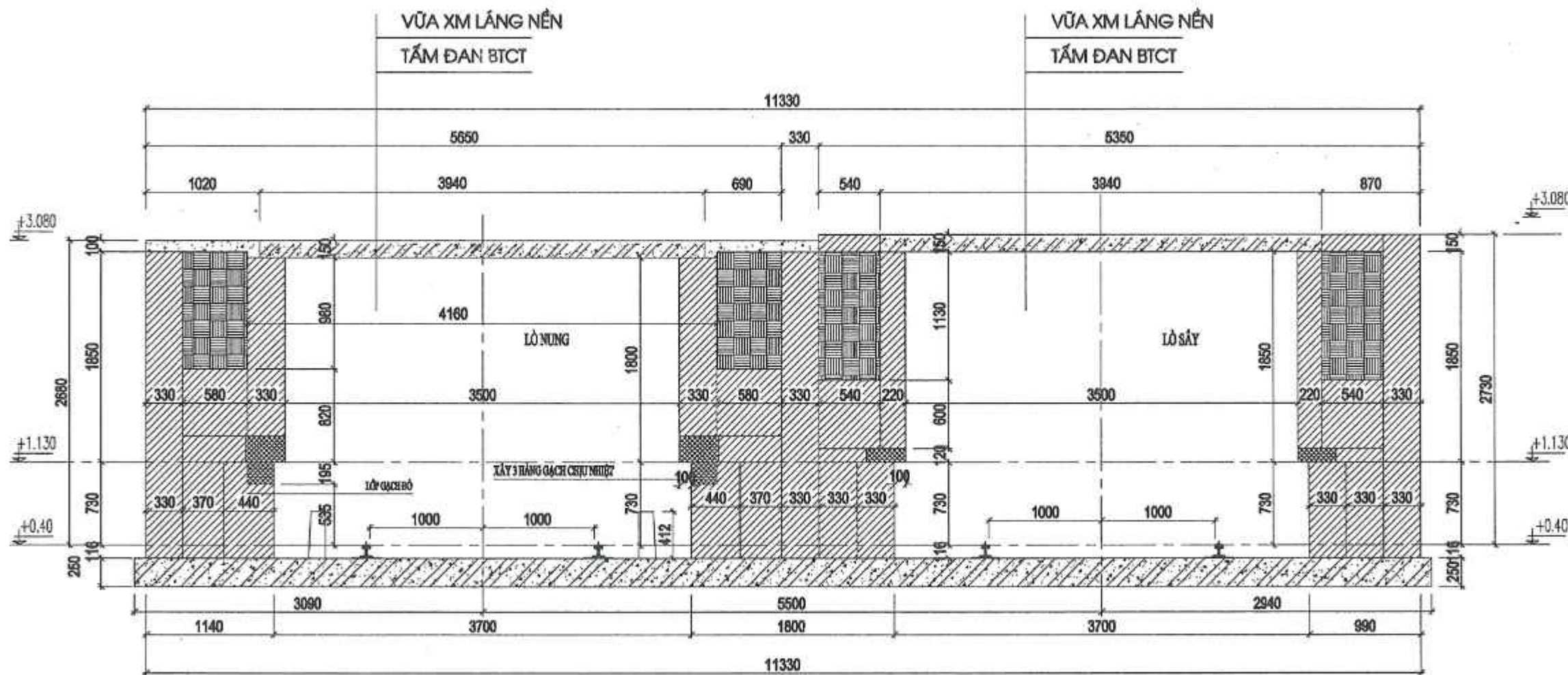
GH/ĐƠN DESIGN/UNIT

B.V.T.C CONSTRUCTION

NGÀY/TH NGÀY/DATE

06-2025

LNS-00-06



MẶT CẮT 1-1

- KHỐI XÂY GẠCH BÒ VỮA XI MẮC B3
- KHỐI XÂY GẠCH BA MỘT VỮA BA MỘT
- XÍ LÒ, SÔNG VỊNH CÁCH NHỆT HOẶC GẠCH VỎ
- BÔNG CỐM CHỊU NHỆT
- BÊ TÔNG CỐT THÉP

GHI CHÚ/NOTES :

Ngày/Date Nội dung/Content Ghi chú/Notes

Chủ đầu tư/Owner

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 100/11 Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

Dự án/Project

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL**

Địa chỉ: 100/11 Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

Số kế hoạch và đầu tư Tỉnh Thanh Hóa

**CÔNG TY TNHH HỮU HẠN
PHÚC QUANG THÀNH**
 PHÚC QUANG THÀNH

Địa chỉ: 100/11 Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

Giám đốc/Director

LÊ CÔNG PHÚC

Chủ trì kỹ thuật/Technical member

BÙI VĂN SÁU

Chủ nhiệm dự án/Manager

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

Kiểm tra/Check by

CHỮ ANH ĐỨC

Thiết kế/Design by

NÔNG THÊM NGÂN

Hạng mục/Item No: 00

LÒ NUNG SẤY TUYNEL

Tên bản vẽ/Drawing Name

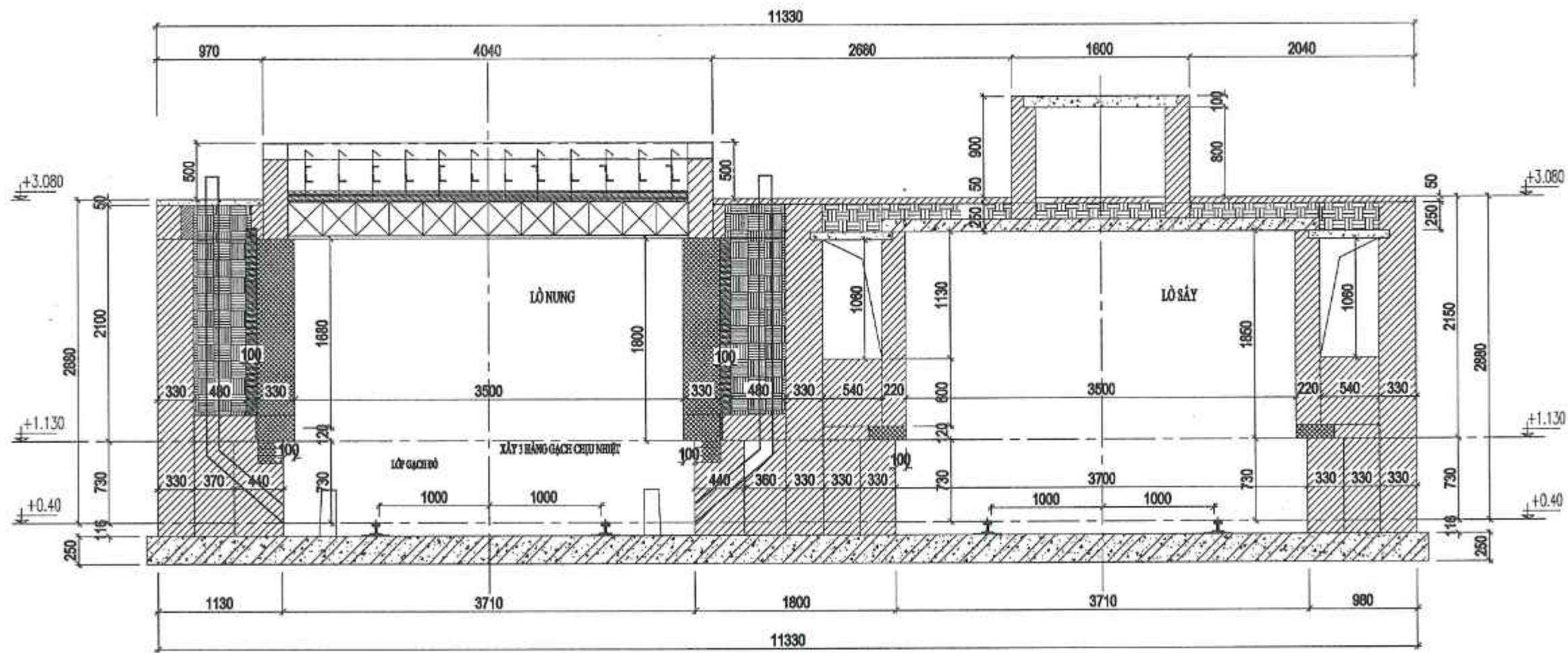
MẶT CẮT 1-1

Tỷ lệ/Scale: A3

Số bản vẽ/Drawing No: **LNS-00-07**

Đơn vị/Design Ref: B.V.T.C CONSTRUCTION

Ngày/Date: 06-2025



- KHOẢNG XÂY GẠCH ĐỎ VỎ XÍM MẮC 30
- KHOẢNG XÂY GẠCH SA MỐT VỎ SA MỐT
- XÍ LÒ, BÔNG VÜN CÁCH NHIỆT HOẶC GẠCH VỎ
- BÔNG ĐÓM CHỊU NHIỆT
- BÊ TÔNG CỐT THÉP

MẶT CẮT 4-4

GHI CHÚ/NOTES :

▲
 NGÀY/DATE NỘI DUNG/CONTENT ĐÓNG CHỮ/INITIAL

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

ĐỊA CHỈ: ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUYÊN, TỈNH THANH HÓA

DỰ ÁN/PROJECT:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL**

ĐỊA CHỈ: ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUYÊN, TỈNH THANH HÓA

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THANH HÓA



ĐỊA CHỈ: ADD: HỒ T. SA ĐÌNH (P. HỒ T. SA ĐÌNH), QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

QUẢN LÝ THIẾT KẾ/ENGINEER

BỒI VĂN SÁU

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN/MANAGER

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

KÈM TRẠ CHECK BY

CHỮ ANH ĐỨC

THẾT KẾ DESIGN BY

NÔNG THÊM NGÂN

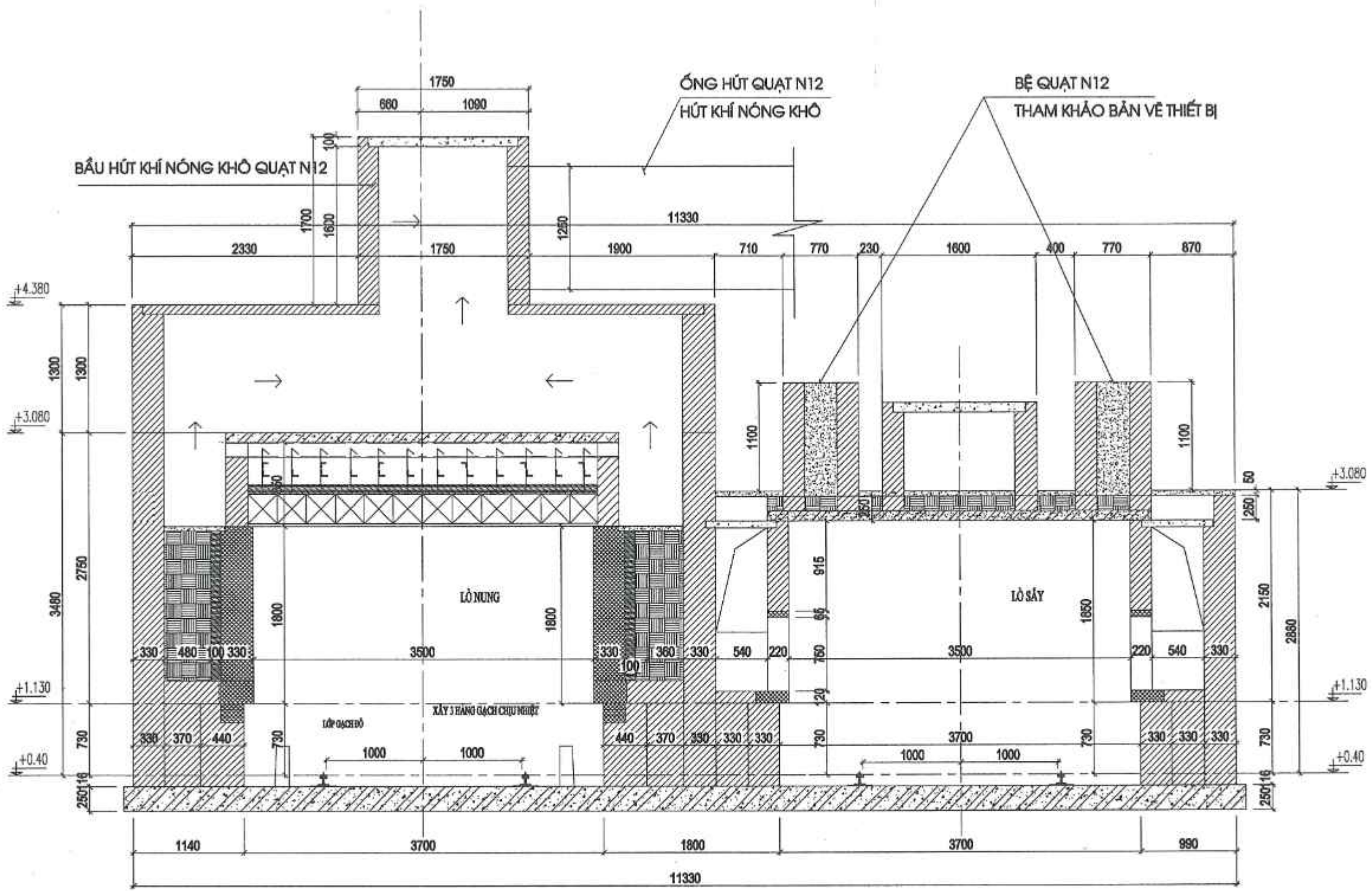
HẠNG MỤC/ITEM NO: 03

LÒ NUNG SẤY TUYNEL

TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME

MẶT CẮT 4-4

TỶ LỆ SCALE	A3	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO
GV/ĐỒ THIẾT KẾ	B.V.T.C CONSTRUCTION	LNS-00-10
NGÀY HI DATE	06-2025	



- KHỐI XÂY GẠCH ĐỎ VỚI XÍM MẮC III
- KHỐI XÂY GẠCH BA MẶT VỚI XÍM MẮC III
- MÌ LÒ, BÔNG VAY CÁCH NHIỆT HOẶC GẠCH VỎ
- BÔNG CỐM CHỊU NHIỆT
- MÌ TÔNG CỐT NHIỆT

MẶT CẮT 5-5

GHI CHÚ/NOTES:

CHÚ Ý		
NGÀY/DATE	NỘI DUNG/CONTENT	CHỮ KÝ/SIGNATURE

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
 ĐỊA CHỈ: ADD: T. LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA
 DỰ ÁN/PROJECT:
DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH TUNNEL
 ĐỊA CHỈ: ADD: T. LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

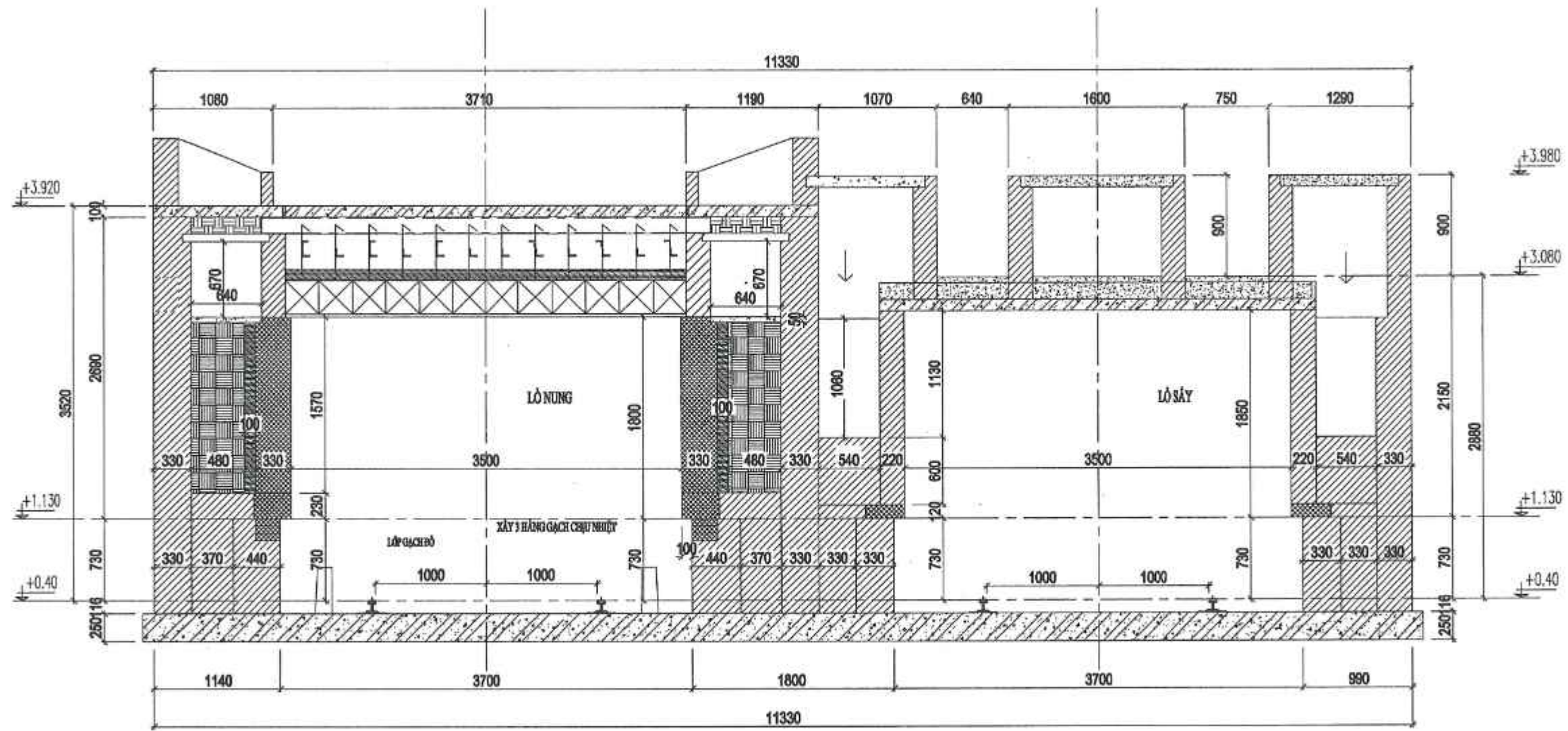
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA

CÔNG TY TNHH PHÚC QUANG THÀNH
 ĐỊA CHỈ: ADD: THỚI, XÃ DÂN LẬP, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR
LÊ CÔNG PHÚC
 QUẢN LÝ THIẾT KẾ/DESIGNER
BỒI VĂN SÁU
 CHỦ NHIỆM DỰ ÁN/MANAGER
NGUYỄN NGỌC ĐĂNG
 KIỂM TRA/CHECK BY
CHỮ ANH ĐỐC
 THIẾT KẾ/DESIGN BY
NÔNG THIỆM NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 00
LÒ NUNG SẤY TUNNEL
 TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:
MẶT CẮT 5-5

TỶ LỆ SCALE	A3	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO
GW/ĐƠN THIẾT KẾ	B.V.T.C CONSTRUCTION	LNS-00-11
NGÀY HI DATE	06-2025	



- Khối xây gạch đỏ vữa xi măng B3
- Khối xây gạch ba mặt vữa ba mặt
- Xi lô, bông vụn cách nhiệt hoặc gạch vữa
- Bông gốm chịu nhiệt
- Móng cốt thép

MẶT CẮT 6-6

GHI CHÚ/NOTES:

▲

TABLE WITH 3 COLUMNS: NGÀY/DATE, NỘI DUNG/CONTENT, CỘT NHẬN/REMARKS

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MIA ĐƯỜNG LAM SƠN**

ĐỊA CHỈ: ĐC: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, THỊ TRẤN HÒA

DỰ ÁN/PROJECT:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUNNEL**

ĐỊA CHỈ: ĐC: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, THỊ TRẤN HÒA

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỊ TRẤN HÒA



ĐỊA CHỈ: ĐC: ĐỒNG XÁ, QUẬN HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/MANAGER

BÙI VĂN SÁU

CHỈ NHỆM DẠY/MANAGEMENT

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

KÈM TRẠCH/CHK BY

CHỮ ANH ĐỐC

THIẾT KẾ/DESIGN BY

NÔNG THIỆM NGÂN

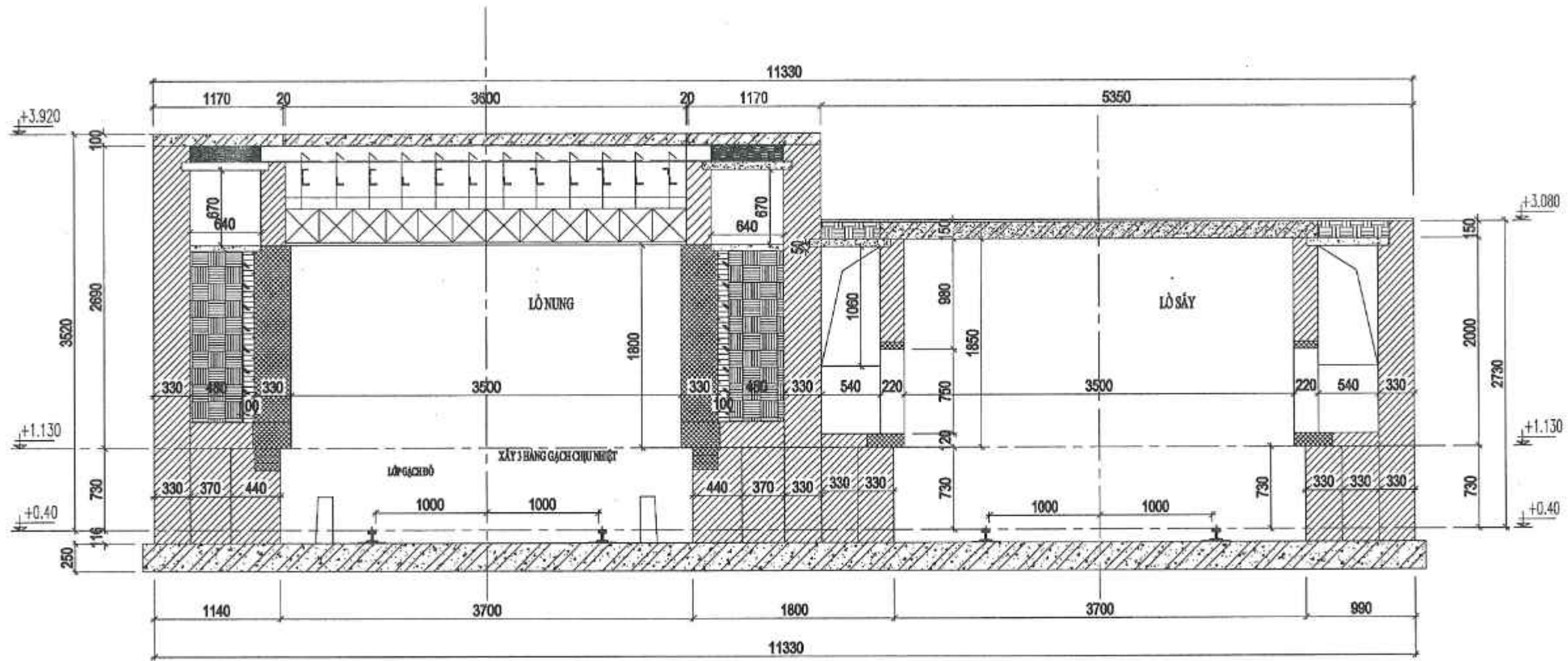
HẠNG MỤC/ITEM NO: 00






LÒ NUNG SẤY TUNNEL

TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:

MẶT CẮT 6-6

TỶ LỆ SCALE	A3	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO
QUY TRÌNH DESIGN REP	B.V.T.C CONSTRUCTION	LNS-00-12
NGÀY HI DATE	06-2025	



-  khối xây gạch đỏ vữa xi măng đỏ
-  khối xây gạch ba một vữa ba một
-  xỉ lò, sàng vụn cạch nhiệt hoặc gạch vỡ
-  sàng gốm chịu nhiệt
-  bể yong cốt thép

MẶT CẮT 8-8

GHI CHÚ/NOTES :

△

Ngày DATE NỘI DUNG/CONTENT

Chủ đầu tư / OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MIA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THO ĐƠN, THỊ TRẤN HÒA

DỰ ÁN/PROJECT:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL**

Địa chỉ ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THO ĐƠN, THỊ TRẤN HÒA

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỊ TRẤN HÒA

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
PHÚC QUANG THÀNH**

Địa chỉ ADD: TỈNH 7, XÃ ĐÔNG HƯỞNG, HUYỆN THO ĐƠN, THỊ TRẤN HÒA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

CHIEF ENGINEER

BÙI VĂN SÁU

CHIEF ENGINEER

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

CHECK BY

CHỮ ANH ĐỐC

DESIGN BY

ÔNG THIỆM NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 00

LÒ NUNG SẤY TUYNEL

TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:

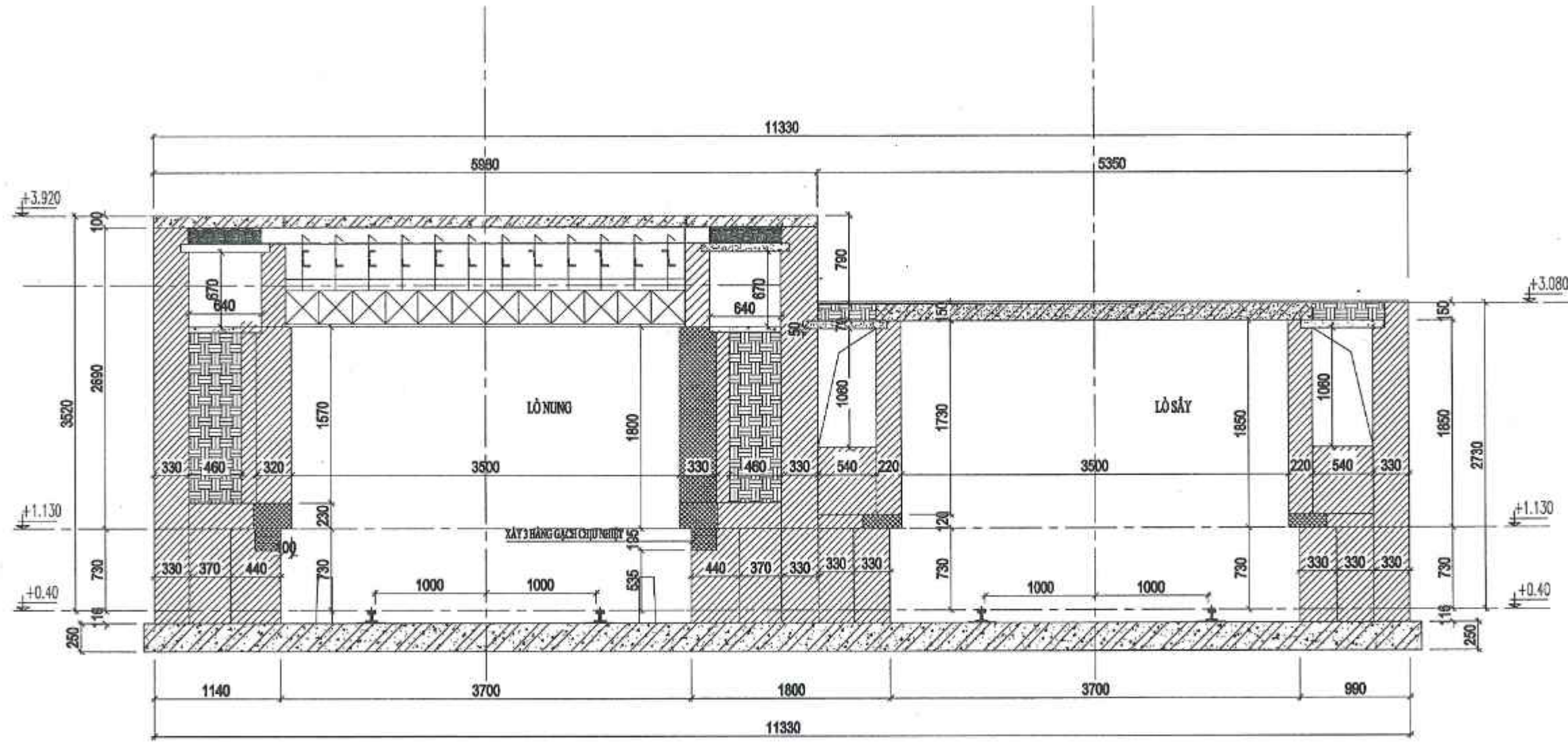
MẶT CẮT 8-8

TỶ LỆ SCALE A3 SỐ BẢN VẼ DRAWING NO

GROUP DESIGNER B.V.T.C CONSTRUCTION

NGÀY HI DATE 06-2025

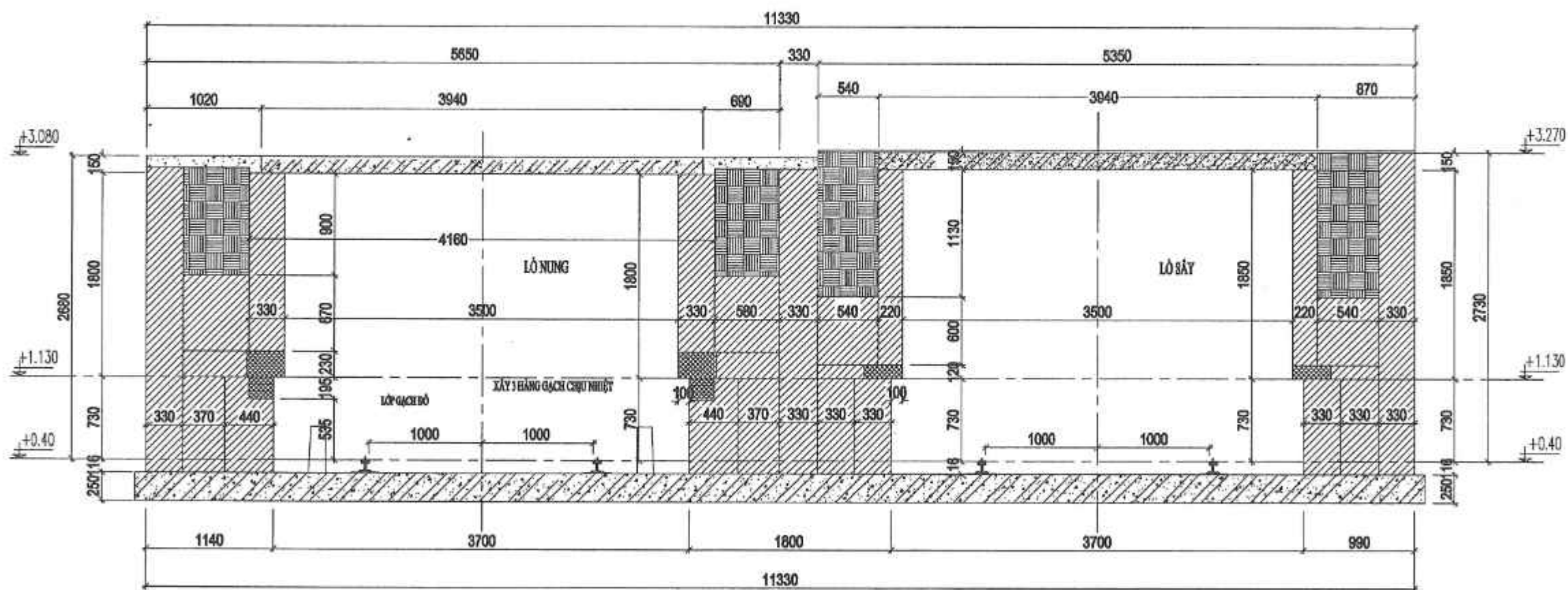
LNS-00-14



- KÍCH XÂY GẠCH BỐ VỎ LAM MẮC 80
- KÍCH XÂY GẠCH SA MỜ VỎ SA MỜ
- KÌ LÒ, BÔNG VẢI CÁCH NHIỆT HOẶC GẠCH VỎ
- BÔNG BỐM CHỊU NHIỆT
- SẼ TƯỜNG CỐ THÉP

MẶT CẮT 9-9

GHI CHÚ/NOTES :		
▲		
HẠNG NGÀY/DATE	NỘI DUNG/CONTENT	CHỮ CHỮ/INITIAL
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN		
ĐỊA CHỈ: ADD: TLAM SON, HUYỆN THO XUÂN, TỈNH THANH HÓA		
DỰ ÁN/PROJECT:		
DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL		
ĐỊA CHỈ: ADD: TLAM SON, HUYỆN THO XUÂN, TỈNH THANH HÓA		
SỞ HỮU HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA		
ĐỊA CHỈ: ADD: HỒN 7, XÃ DÂN LỸ, HUYỆN THO XUÂN, TỈNH THANH HÓA		
GIÁM ĐỐC/DIRECTOR		
LÊ CÔNG PHÚC		
CHỦ NHIỆM DẠY LẬP MẢNG BÊN BỜ VẤN SÁU		
CHỦ NHIỆM DẠY LẬP MẢNG BÊN NGUYỄN NGỌC ĐĂNG		
KIỂM TRA/CHECK BY CHỮ ANH ĐỐC		
THẾT KẾ/DESIGN BY NÔNG THIỆM NGÂN		
HẠNG MỤC/ITEM NO: 00		
LÒ NUNG SẤY TUYNEL		
TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:		
MẶT CẮT 9-9		
TỶ LỆ SCALE	A3	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO
GIỚI ĐƠN DESIGN/UP	B.V.T.C CONSTRUCTION	LNS-00-15
NGÀY HI DATE	06-2025	



- KÉO XÂY GẠCH ĐỎ VỚI XÍM MẮC 60
- KÉO XÂY GẠCH SA MỜT VỚI SA MỜT
- XÍ LÒ, BÔNG VẢI CHẤM NHỰT HOẶC GẠCH VỎ
- BÔNG CỐM CHỊU NHỆT
- KÉ TÔNG CỐM NHỆT

MẶT CẮT 11-11

GHI CHÚ/NOTES :

Ngày/Date: Nội dung/Content: Dự kiến/Project:

Chủ đầu tư/Owner:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MIA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ/Address: TT Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

Dự án/Project:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUNNEL**

Địa chỉ/Address: TT Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

Số Kế Hoạch và Dự Toán/Plan and Estimate:

**CÔNG TY
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
PHÚC QUANG THÀNH**

Địa chỉ/Address: Số 7, Xã Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

Giám đốc/Director:

LÊ CÔNG PHÚC

Giám sát/Kiểm tra/Kontrol/Supervisor:

BÙI VĂN SÁU

Chủ nhiệm Dự án/Manager/Project Manager:

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

Kiểm tra/Check/Control:

CHỮ ANH ĐỨC

Thiết kế/Design/Designer:

NÔNG THIÊM NGÂN

Hạng mục/Item No. 00

LÒ NUNG SẤY TUNNEL

Tên bản vẽ/Drawing Name:

MẶT CẮT 11-11

Tỷ lệ/Scale:

A3

Số bản vẽ/Drawing No:

Đơn vị/Company:

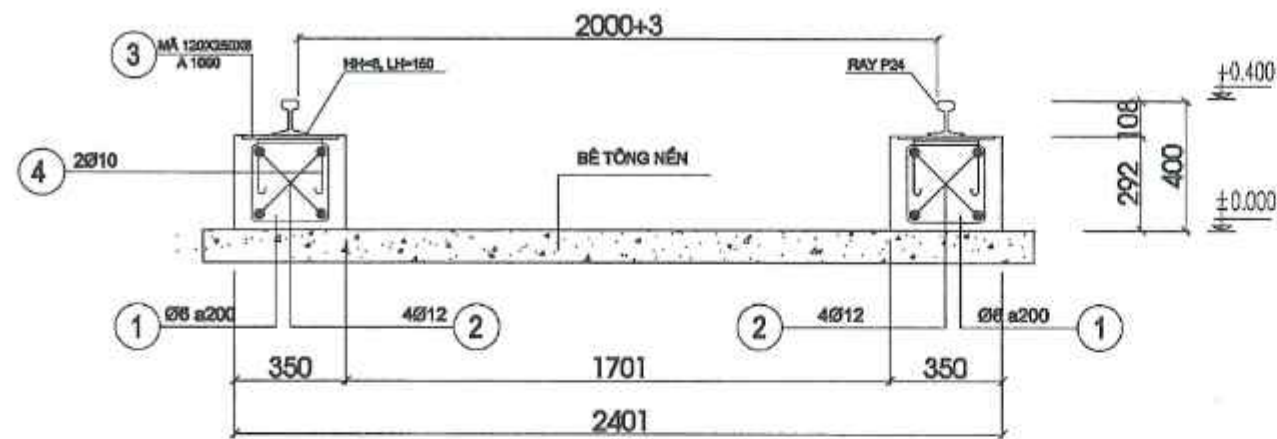
B.V.T.C
CONSTRUCTION

LNS-00-17

Ngày/Date:

06-2025

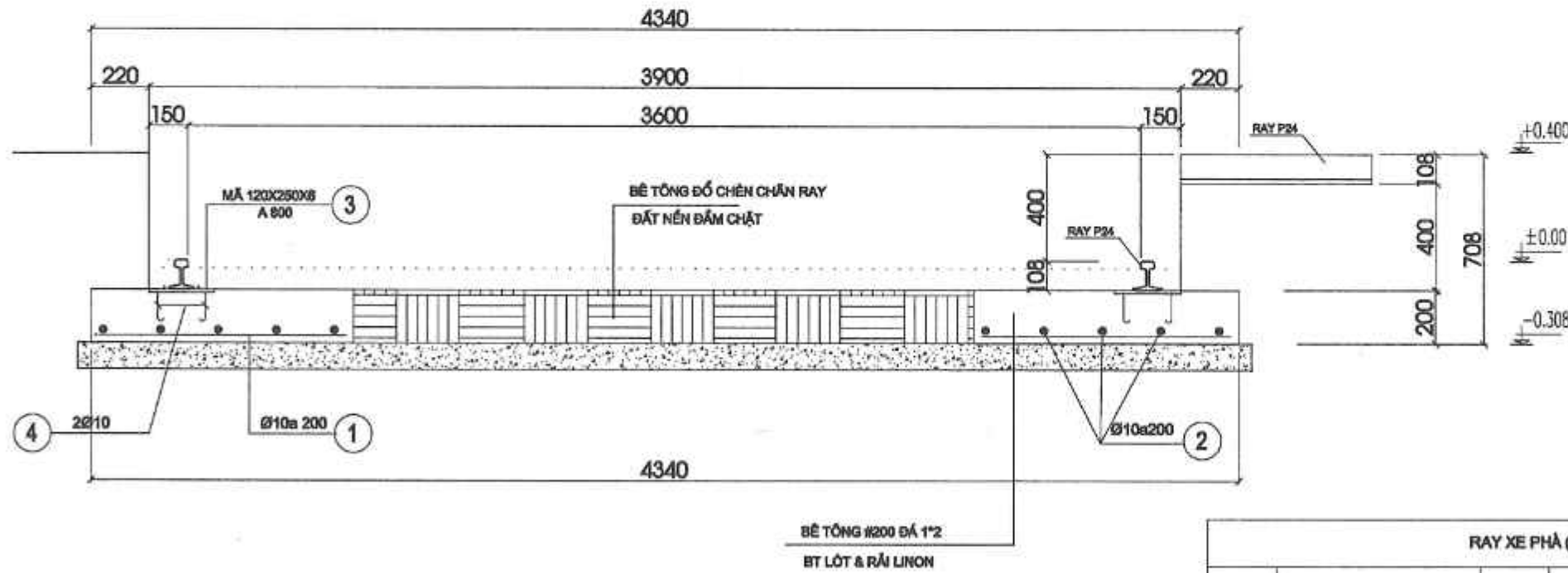
CHI TIẾT MÓNG RAY NGOÀI LÒ



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP RAY DÀI 1M

SỐ T.T	HÌNH DÁNG - KÍCH THƯỚC	Ø mm	CHIỀU DÀI 1 THANH mm	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI m	TỔNG T. LƯỢNG kg	
				C.KIỆN	T.BỘ			
1	1100	5	1100	6	Ø2	13.2	2.93	
2	1000	12	1000	5	4*2	8.00	7.10	
3	MÃ 120X250X8	DÂY 6	0.03m2	1.5	3	0.09m2	4.24	
4	150 200 150	10	500	10	1Ø2	10	6.17	
RAY 24								48

CHI TIẾT MÓNG RAY XE PHÀ



RAY XE PHÀ (TÍNH CHO 1 M CHIỀU DÀI)

S.H	HÌNH DÁNG	Ø	L(MM)	SỐ LƯỢNG		≥ L(M)	TL (KG)	
				1 C.K	T.BỘ			
1	940	10	940	5	5*2	9.4	5.80	
2	1000	8	1000	6	8*2	12	7.404	
3	MÃ 120X250X8	DÂY 6	0.03m2	1.5	3	0.09m2	4.24	
4	150 200 150	10	500	3	6	3.0	1.85	
RAY 24								48

GHI CHÚ:

- 1- BÊ TÔNG LÓT MÓNG MÁC 100 ĐÁ 4X6, BÊ TÔNG MÓNG MÁC 200 ĐÁ 1X2
- 2- THÉP D<10 NHÓM AI, THÉP D>=10 NHÓM AII

GHI CHÚ/NOTES :

ƯNG HIỆU/DATE NỘI DUNG/CONTENT OFFICE/UNIT/VA

CHỦ ĐẦU TƯ /OWNER:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MIA ĐƯỜNG LAM SON**

ĐỊA CHỈ ADD: TI LAM SON, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

DỰ ÁN/PROJECT:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL**

ĐỊA CHỈ ADD: TI LAM SON, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA



ĐỊA CHỈ ADD: THỊ T. X. TH. H. TH. H. H.

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

CHỦ ĐẦU TƯ/CLIENT

BÙI VĂN SÁU

CHỦ NHIỆM DẠRL MANAGEMENT

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

KÈM TRACHECK BY

CHỦ ANH ĐỨC

THÉP DESIGN BY

NÔNG THỊNH NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 00

LÒ NUNG SẤY TUYNEL

TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:

RAY NGOÀI LÒ, RAY XE PHÀ

TỶ LỆ SCALE

A3

SỐ BẢN VẼ DRAWING NO

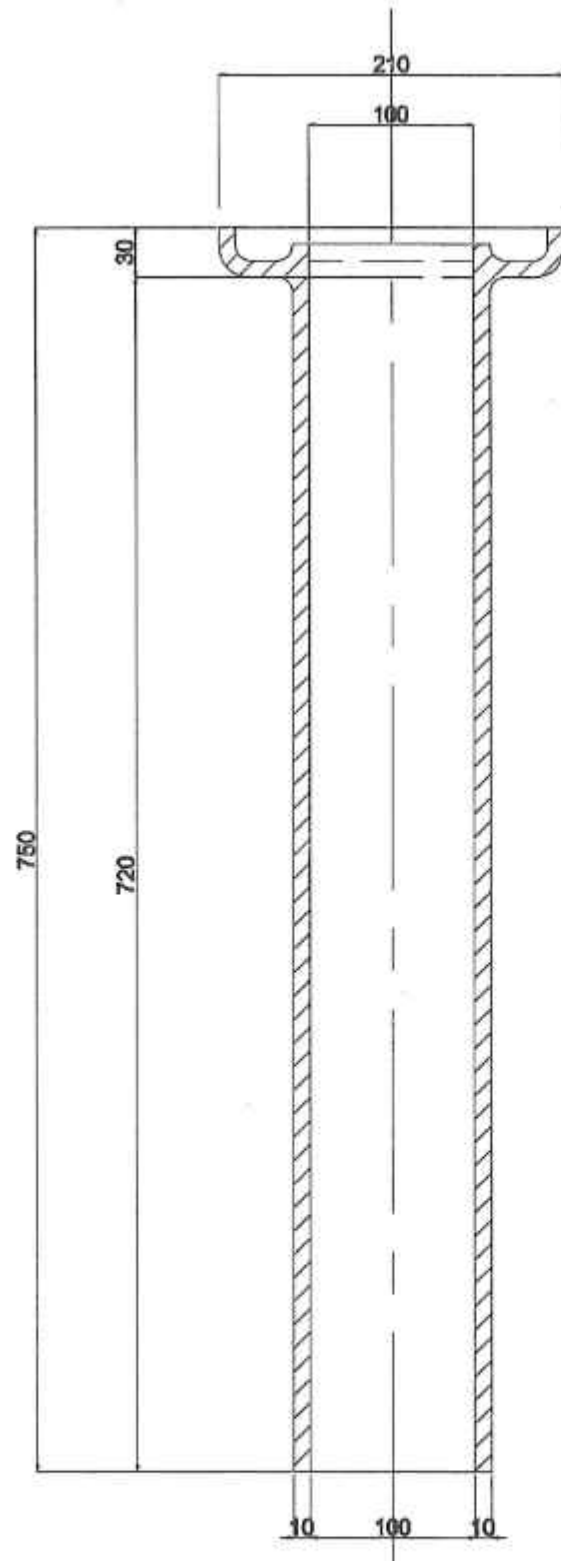
GH/ĐƠN DESIGN

B.V.I.C CONSTRUCTION

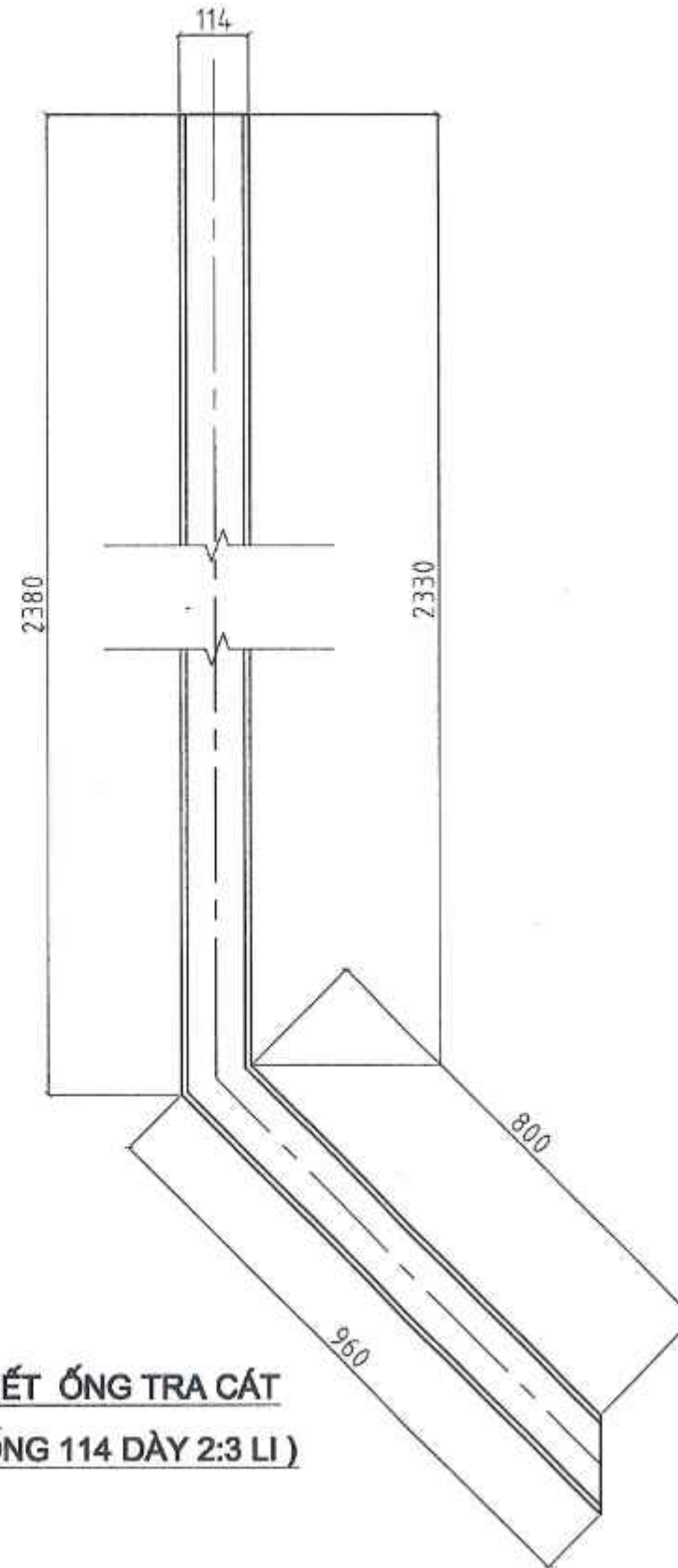
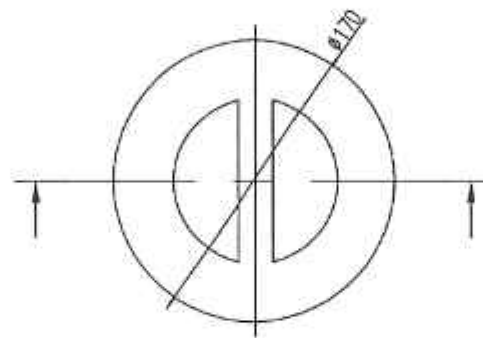
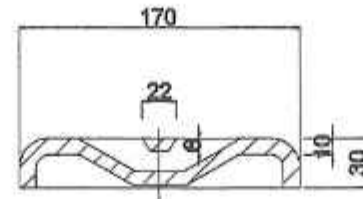
LNS-00-18

NGÀY/DATE

06-2025



CHI TIẾT NẮP ỚNG RÓT THAN
100 CÁI ĐƯỜNG KÍNH LỖ 100 (33KG/CÁI)
12 CÁI ĐƯỜNG KÍNH LỖ 160 (45KG/CÁI)



CHI TIẾT ỚNG TRA CÁT
4 CÁI (ỚNG 114 DÀY 2:3 LI)

GHI CHÚ:

SỐ LƯỢNG VÀ VỊ TRÍ LỖ ĐỔ THAN KHI THI CÔNG CẦN THEO CHỈ DẪN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

GHI CHÚ/NOTES:

NGÀY KẾ: NỘI DUNG/CONTENT: CHỖ THAY THẾ:

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

ĐỊA CHỈ: ADD: TUYÊN SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

DỰ ÁN/PROJECT:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUNNEL

ĐỊA CHỈ: ADD: TUYÊN SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

SỐ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
PHÚC QUANG THÀNH
 PHÚC QUANG THÀNH
 TỈNH THANH HÓA

ĐỊA CHỈ: ADD: THÔN 7, XÃ SẦM LÊ, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/ENGINEER

BÙI VĂN SÁU

CHỦ TRƯỞNG DỰ ÁN/MANAGER

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

KÈM TRẠ/ CHECK BY

CHỦ ANH ĐỨC

THẾT KẾ/ DESIGN BY

NÔNG THIÊM NGÂN

HẠNG MỤC/ ITEM NO: 00

LÒ NUNG SẤY TUNNEL

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING NAME:

ỚNG TRA THAN CÁT

TỶ LỆ/ SCALE: A3

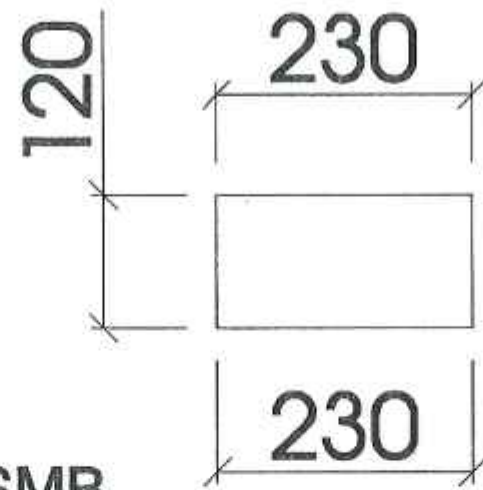
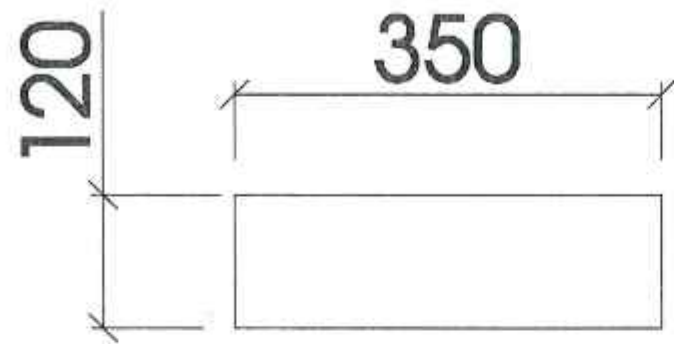
SỐ BẢN VẼ/ DRAWING NO

GVĐ/ B.V.T.C

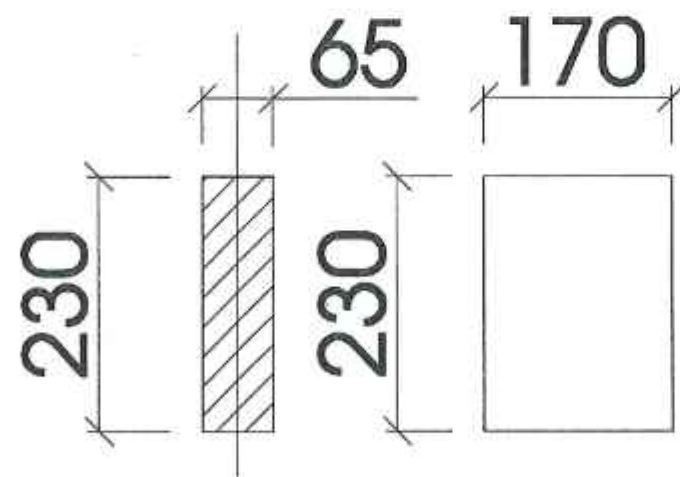
CONSTRUCTION

NGÀY/ HI DATE: 06-2025

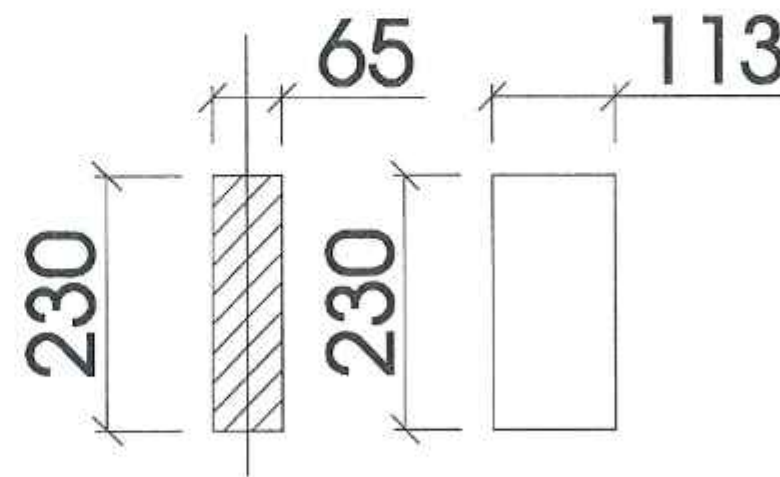
LNS-00-20



**HT4-SMB
2810 VIÊN**



**GH3-SMB
600 VIÊN**



**FB-SMB
50600 VIÊN**

GHI CHÚ/NOTES:

Δ	THỜI ĐIỂM	NỘI DUNG

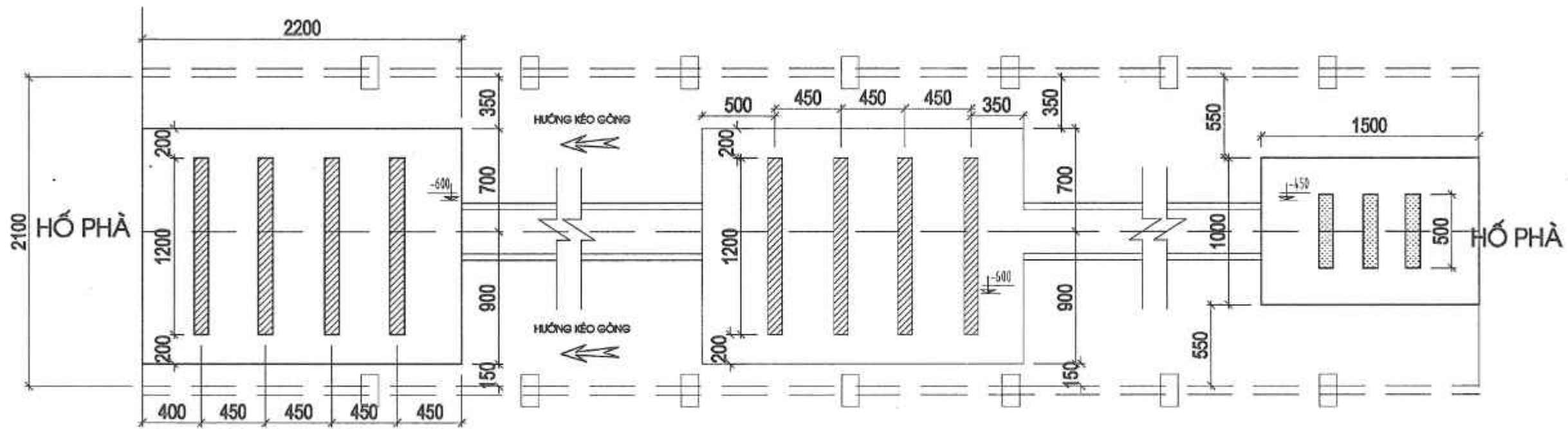
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:
**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**
ĐỊA CHỈ: ĐC: T. LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA
DỰ ÁN/PROJECT:
**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL**
ĐỊA CHỈ: ĐC: T. LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
PHÚC QUANG THÀNH**
ĐỊA CHỈ: ĐC: T. LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR:
LÊ CÔNG PHÚC
CHỈ ĐẠO KỸ THUẬT/MANAGER:
BÙI VĂN SÁU
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN/PROJECT MANAGEMENT:
NGUYỄN NGỌC ĐĂNG
KIỂM TRA/CHECK BY:
CHÚ ANH ĐỨC
THIẾT KẾ/DESIGN BY:
NÔNG THÊM NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 00
LÒ NUNG SẤY TUYNEL
TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:
GẠCH CHỊU LỬA XÂY LÒ

TỶ LỆ SCALE	A3	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO
GH ĐƠN/DESIGN SHIP	B.V.T.C CONSTRUCTION	LNS-00-22
NGÀY HI DATE	06-2025	



MẶT BẰNG MÓNG TỜI XÍCH

GHI CHÚ/NOTES :

▲

HẠNG NGÀY/DATE NỘI DUNG/CONTENT QUÝ/HỆ THỐNG

CHỦ ĐẦU TƯ /OWNER

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

ĐỊA CHỈ: ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

DỰ ÁN/PROJECT:

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL**

ĐỊA CHỈ: ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

SỐ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THANH HÓA

2803053852 - C.T.T. TỈNH THANH HÓA

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

TRẦN

PHÚC QUANG THÀNH

PHÚC QUANG THÀNH

TRẦN

PHÚC QUANG THÀNH

ĐỊA CHỈ: ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

QUẢN LÝ DỰ ÁN/MANAGER

BÙI VĂN SÁU

CHẾ BIẾN DỰ ÁN/MANAGEMENT

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

Kiểm tra/Check by

CHỮ ANH ĐỨC

Thiết kế/Design by

NÔNG THIỆM NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 00

LÒ NUNG SẤY TUYNEL

TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME

MẶT BẰNG MÓNG TỜI XÍCH

TỶ LỆ/SCALE

A3

SỐ BẢN VẼ/DRAWING NO

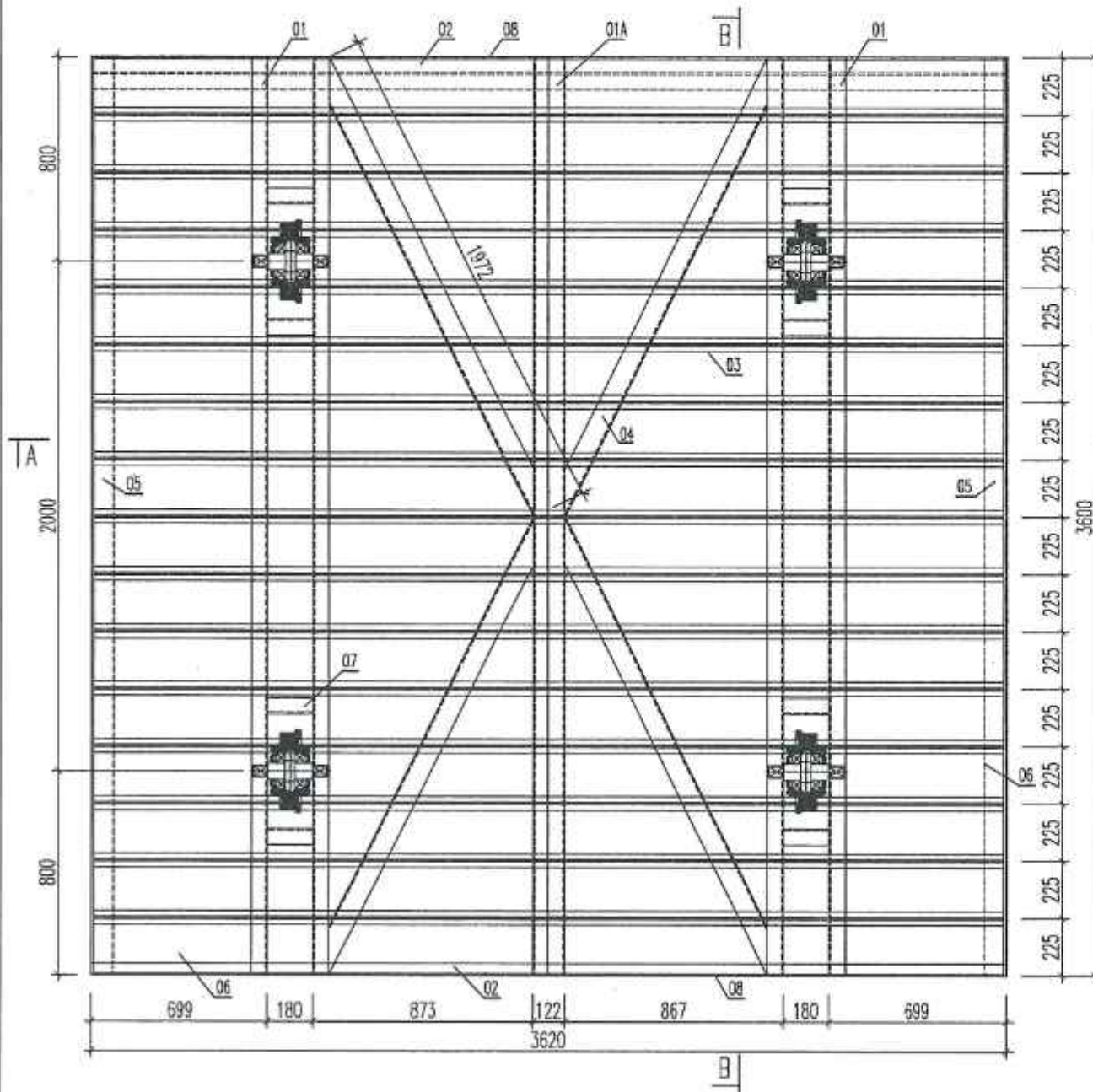
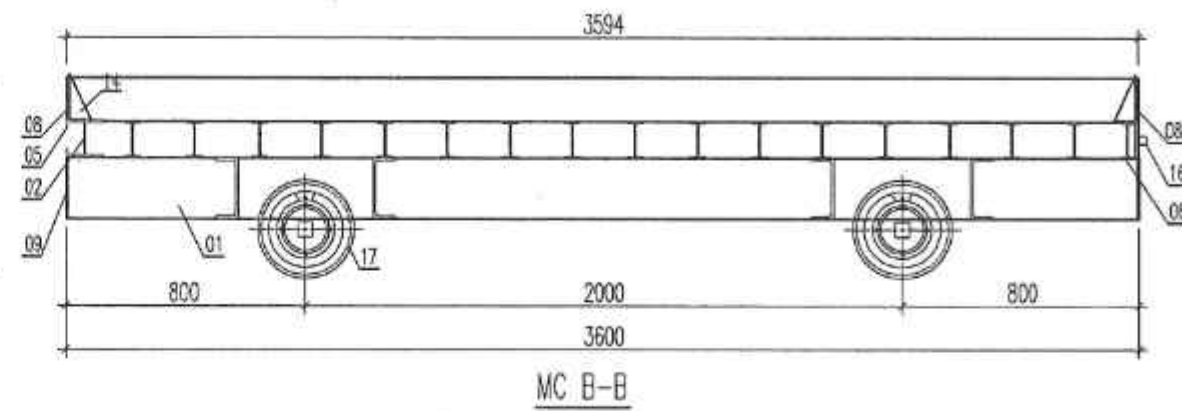
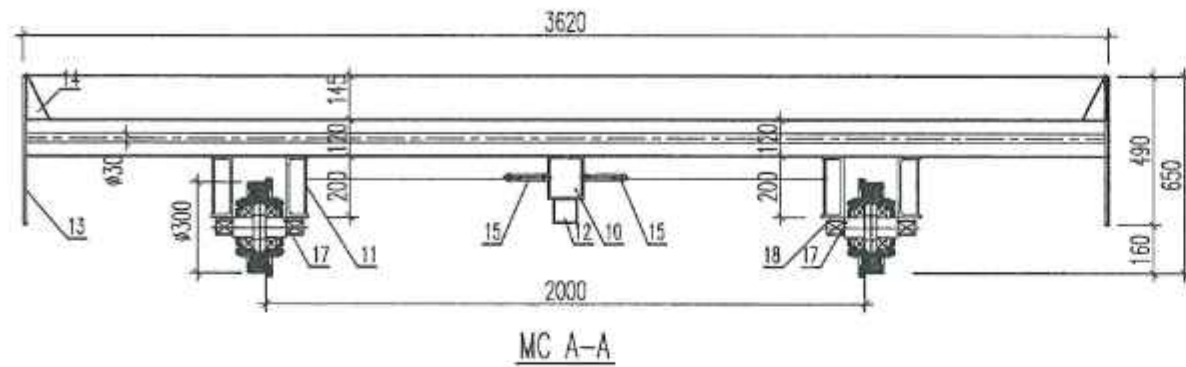
GV/ĐƠN VỊ/COMPANY

B.V.T.C CONSTRUCTION

NGÀY/HI/DATE

06-2025

LNS-00-23



THỐNG KÊ VẬT LIỆU

STT	VẬT LIỆU	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI (MM)	T.LƯỢNG 1CT	TỔNG KL
01	U200X76X5,2	04	3580	65,87	263,48
01A	U140X58X4,9	02	3580	44,03	88,06
02	I 125X125X9X6,5	01	3600	36,92	36,92
03	I 120X84X4,8	15	3600	42,21	633,15
04	L75X75X7	4	1972	15,70	62,80
07	U200X76X5,2	08	180	3,31	26,48
08	BM 3600X140X10	01	3600	77,79	77,79
08A	BM 3600X265X10	01	3600	113,80	113,80
09	BM 80X200X10	08	-	1,256	10,05
10	BM 116X140X10	02	-	1,27	2,54
11	BM 500X190X8	08	-	7,16	57,28
12	U80X40X4,5	04	300	2,115	8,46
12A	BM 80X80X10	04	-	0,5024	2,00
13	BM 3600X490X10	02	-	175,21	350,42
14	BM 140X70X6	32	-	2,28	72,96
15	MÓC KÈO GOỒNG D20	02	-	1,23	2,46
16	D30 L3600	01	-	20,35	20,35
17	BÁNH XE GOỒNG	04 BỘ	-	-	-
18	BM 200X60X8	08	-	0,75	6
19	L63X63X6	16	50	0,28	4,48
				CỘNG	1839,48

GHI CHÚ/NOTES:

MỨC NGÀY/DATE NỘI DUNG/CONTENT CHỮ TÊN/UNIT

CHỦ ĐẦU TƯ /OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

ĐỊA CHỈ/ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XƯƠNG, THỊ TRẤN HÒA

DỰ ÁN/PROJECT:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
GẠCH TUYNEL

ĐỊA CHỈ/ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XƯƠNG, THỊ TRẤN HÒA

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỊ TRẤN HÒA



ĐỊA CHỈ/ADD: SỐ 17, XÃ DÂN TỈNH, HUYỆN THỌ XƯƠNG, THỊ TRẤN HÒA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

LÊ CÔNG PHÚC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT/MANAGER

BÙI VĂN SÁU

CHỦ NHIỆM DÂN SỰ/MEMBER

NGUYỄN NGỌC ĐĂNG

KÈM TRACHECK BY

CHỮ ANH ĐỨC

THIẾT KẾ/DESIGN BY

NÔNG THIỆM NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 03

LÒ NUNG SẤY TUYNEL

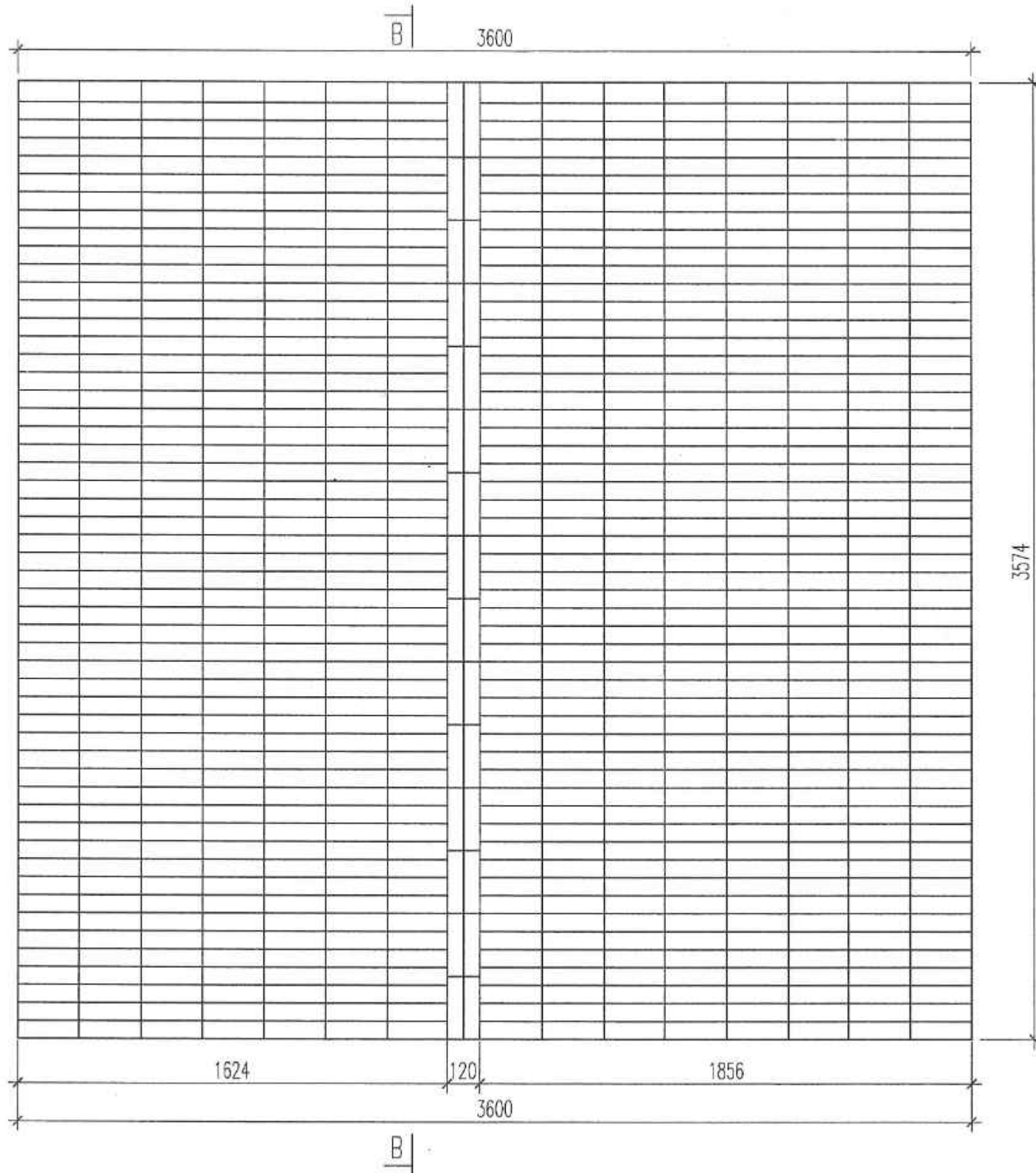
TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME

KHUNG THÉP XE GOỒNG

TỶ LỆ SCALE A3 SỐ BẢN VẼ DRAWING NO

UNIT/COMPANY B.V.T.C CONSTRUCTION XG-03-01

NGÀY/H DATE 06-2025



GHI CHÚ/NOTES

W/O NGÀY/DATE NỘI DUNG/CONTENT GHI CHÚ/NOTES

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER
**CÔNG TY CỔ PHẦN
 MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**
 ĐỊA CHỈ ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, BÌNH THUAN HÓA

DỰ ÁN/PROJECT:
**DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT
 GẠCH TUYNEL**
 ĐỊA CHỈ ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, BÌNH THUAN HÓA

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ BÌNH THUAN HÓA

**CÔNG TY TNHH HỮU HẠN
 PHÚC QUANG THÀNH**
 ĐỊA CHỈ ADD: TT LAM SƠN, HUYỆN THỌ XUÂN, BÌNH THUAN HÓA

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR
 LÊ CÔNG PHÚC
 QUẢN LÝ DỰ ÁN/PROJECT MANAGER
 BỒI VĂN SÁU
 CHỦ THÌEM D/PRL MANAGEMENT
 NGUYỄN NGỌC ĐĂNG
 KIỂM TRA/CHECK BY
 CHỮ ANH ĐỨC
 THIẾT KẾ/DESIGN BY
 NÔNG THIỆM NGÂN

HẠNG MỤC/ITEM NO: 00
LÒ NUNG SẤY TUYNEL
 TÊN BẢN VẼ/DRAWING NAME:
MẶT BẰNG KHỐI XÂY XE GOỒNG

TỶ LỆ SCALE	A3	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO
GHÉP/JOIN STEP	B.V.T.C CONSTRUCTION	XG-00-03
NGÀY/HT DATE	06-2025	

